

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH THEO
TIÊU CHUẨN PEFC ST 2002:2020**

NỘI DUNG

<i>I. GIỚI THIỆU VÀ MỤC ĐÍCH</i>	3
A. GIỚI THIỆU	3
B. MỤC ĐÍCH	3
<i>II. PHẠM VI VÀ CAM KẾT</i>	3
<i>III. THAM KHẢO</i>	3
<i>IV. TỪ VIẾT TẮT VÀ THUẬT NGỮ</i>	4
<i>V. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ RỦI RO – CẬP NHẬT HỆ THỐNG THẨM ĐỊNH</i>	4
<i>VI. PHỤ LỤC</i>	16
F.0 – Chính Sách Chuỗi Hành Trình Sản Phẩm	16
F.01: Danh sách nhà cung cấp/ vùng nguyên liệu	17
F.02: Danh sách nhóm thực hiện DDS	22
F.03: Danh sách luật áp dụng	23
F.04 Thư tham vấn	29
F.05 Phiếu tham vấn	30
F.05.1 Gợi ý phỏng vấn	32
F.06 Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan	34
F.07 Báo cáo đánh giá rủi ro	36
<i>VII. CÁC TRƯỜNG HỢP MINH HỌA</i>	48

I. GIỚI THIỆU VÀ MỤC ĐÍCH

A. GIỚI THIỆU

Từ lâu, việc chứng minh nguồn gốc gỗ hợp pháp thông qua quá trình trách nhiệm giải trình luôn là một trong những nhiệm vụ khó khăn nhất đối với tất cả các nhà sản xuất nguyên liệu / sản phẩm Gỗ và lâm sản ngoài gỗ. Để thực hiện các nhà khai thác phải huy động nhiều nguồn lực và nỗ lực để truy ngược nguồn gốc gỗ và chuỗi cung ứng.

Là một trong top 5 quốc gia xuất khẩu đồ gỗ lớn trên thế giới, Việt Nam đã trở thành trung tâm quan trọng nhất trong chuỗi cung ứng gỗ thế giới, do đó việc tiêu thụ gỗ nguyên liệu hợp pháp hay bất hợp pháp sẽ tác động mạnh đến thế giới.

Do đó, điều cần thiết phát triển bộ công cụ để thực hiện hệ thống giải trình thông qua hướng dẫn các thủ tục và quy trình thực hiện. Hoạt động này sẽ hỗ trợ các bên liên quan của Việt Nam hiểu rõ hơn về yêu cầu trách nhiệm giải trình (DDS), thiết lập hệ thống quản lý của riêng họ và vận hành hệ thống một cách thiết thực và hiệu quả nhất.

B. MỤC ĐÍCH

Mục đích của việc phát triển bộ công cụ thực hiện Hệ thống Trách Nhiệm Giải Trình của PEFC (DDS) là cung cấp hướng dẫn cho công ty / tổ chức muốn sử dụng nguồn gỗ hợp pháp thành Nguồn có kiểm soát của PEFC, đánh giá các chỉ số rủi ro liên quan đến xuất xứ và chuỗi cung ứng, đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, các yêu cầu về tính hợp pháp và từ đó đưa ra các biện pháp kiểm soát phù hợp với công ty / tổ chức. Kết quả chính đạt được trong giai đoạn này là sự chuẩn bị kỹ lưỡng cho việc phát triển bộ công cụ DDS, được phản ánh thông qua của các tài liệu sau:

- **Quy trình Đánh giá rủi ro – cập nhật hệ thống trách nhiệm giải trình (DDS):** Hướng dẫn người dùng các bước thực hiện đánh giá rủi ro vùng nguyên liệu / nhà cung cấp và cập nhật hệ thống trách nhiệm giải trình (DDS) hàng năm.
- **Báo cáo Đánh giá Rủi ro và các biểu mẫu áp dụng liên quan:** Hướng dẫn người dùng thu thập thông tin, đánh giá rủi ro từ danh sách các chỉ số về rủi ro không đáng kể và rủi ro đáng kể ở cấp độ xuất xứ và chuỗi cung ứng, quản lý các mối quan tâm có cơ sở và rủi ro đáng kể, đưa ra các đề xuất / biện pháp kiểm soát.

II. PHẠM VI VÀ CAM KẾT

Hướng dẫn này bao gồm tất cả các hoạt động của chuỗi cung ứng gỗ và lâm sản ngoài gỗ. Phạm vi của nó chỉ dành cho rừng trồng.

Hướng dẫn các doanh nghiệp/ tổ chức cách thực hiện Hệ thống trách nhiệm giải trình dựa trên tiêu chuẩn PEFC ST 2002: 2020, giúp doanh nghiệp/ tổ chức sử dụng Nguồn được kiểm soát của PEFC trong các hoạt động khai thác, chế biến sản xuất và thương mại.

Một khi bộ công cụ DDS có hiệu lực, nó sẽ tạo ra sự thay đổi đáng kể trong cách thức chứng minh nguồn gốc hợp pháp của gỗ và nguyên liệu gỗ trên cơ sở chứng cứ thời gian thực, thay vì phụ thuộc nhiều vào tài liệu ”.

III. THAM KHẢO

- PEFC GD 2001, *Chain of Custody of Forest – Based Products – Guidance for Use*
- PEFC ST 2002: 2020, *Chain of Custody of Forest and Tree Based Products – Requirements*
- Website: www.thuvienphapluat.vn - Luật pháp Việt Nam
- Website: www.botanyvn.com – Trung Tâm Dữ Liệu Thực Vật Việt Nam.

- Website: www.transparency.org – TI CPI

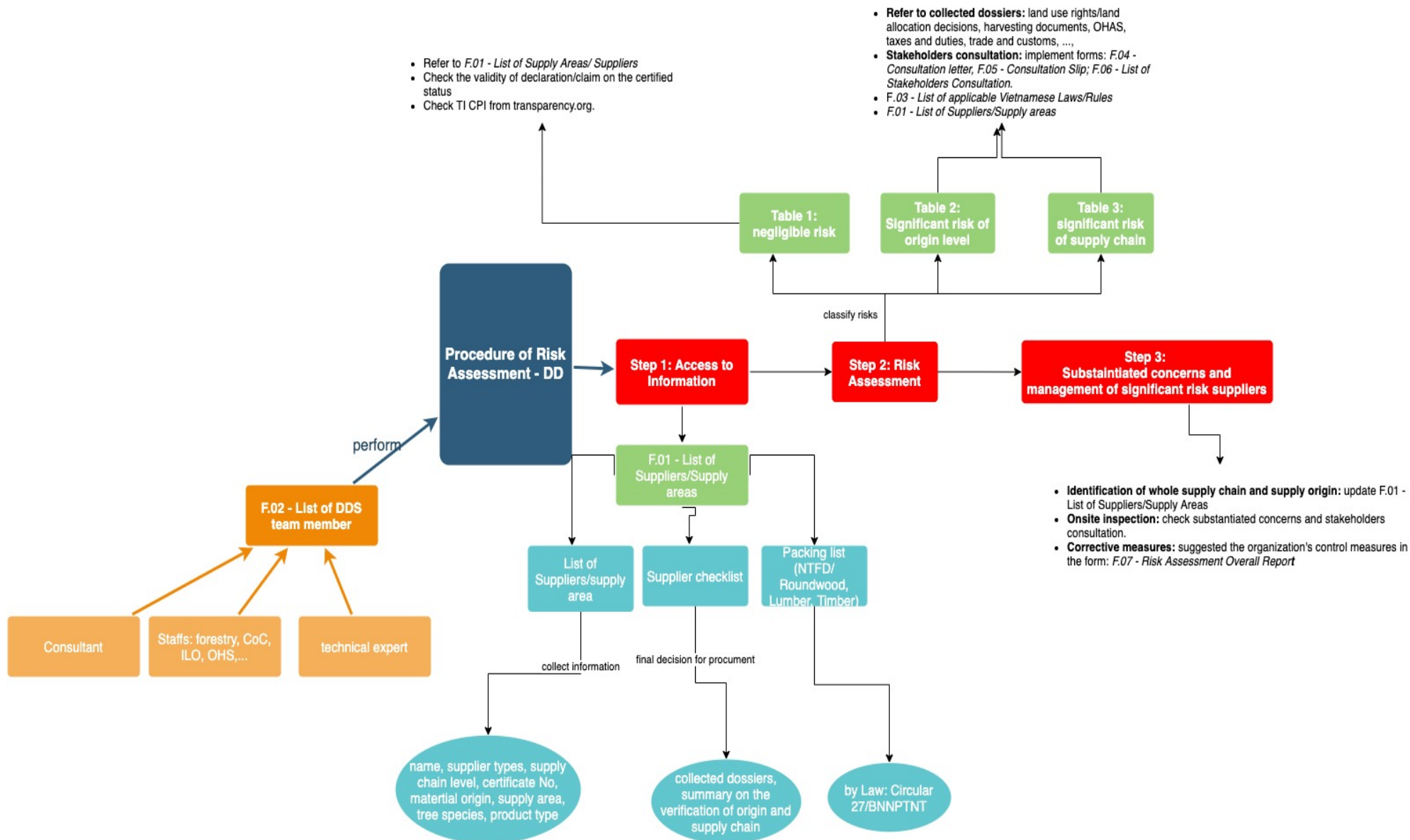
IV. TỪ VIẾT TẮT VÀ THUẬT NGỮ

- CoC - *Chain of Custody*: Các quy trình của một tổ chức để xử lý các sản phẩm từ rừng và cây và thông tin liên quan đến chủng loại nguyên liệu của chúng và đưa ra các khai báo chính xác và có thể kiểm chứng được của PEFC.
- DDS - *Due Diligence System*: Hệ thống trách nhiệm giải trình.
- LSNG – Lâm sản Ngoài Gỗ
- Nguyên liệu khác: những loại nguyên liệu có nguồn gốc từ rừng và cây không thực hiện đánh giá rủi ro.
- Nguồn kiểm soát PEFC: các nguyên liệu có nguồn gốc từ rừng và cây mà một tổ chức đã xác định thông qua Hệ thống trách nhiệm giải trình thích hợp có “rủi ro không đáng kể” rằng nguyên liệu đó là từ các nguồn gây tranh cãi.
- Các điểm quan ngại: Thông tin được hỗ trợ bởi bằng chứng, chỉ ra rằng tài liệu về rừng và cây có nguồn gốc từ các nguồn gây tranh cãi.

V. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ RỦI RO – CẬP NHẬT HỆ THỐNG THẨM ĐỊNH

Tổ chức / công ty có thể tách phần V này thành quy trình đánh giá rủi ro – cập nhật hệ thống trách nhiệm giải trình (DDS) trong hồ sơ CoC (Liên quan đến mục e, phần 4.4, Hồ sơ của Hệ thống trách nhiệm giải trình (DDS), bao gồm hồ sơ đánh giá rủi ro và rủi ro đáng kể) .

Sơ đồ tư duy thực hiện đánh giá rủi ro – cập nhật hệ thống thẩm định



1. Mục đích

- *Tên của Công ty/ tổ chức* thực hiện chương trình thẩm định phù hợp theo yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC ST 2002 và đánh giá rủi ro vùng nguyên liệu theo mục 7 và phụ lục 1 của tiêu chuẩn

2. Phạm vi

- Quy trình này áp dụng cho hoạt động đánh giá rủi ro về nguồn gốc nguyên liệu và rủi ro trộn lẫn nguyên liệu trong chuỗi cung ứng của *Tên của Công ty/ tổ chức* để đảm bảo Hệ thống trách nhiệm giải trình theo đúng các yêu cầu tiêu chuẩn PEFC.
- Các phòng, ban, bộ phận liên quan bao gồm: và nhóm thực hiện chương trình(DDS).

3. Tài liệu tham khảo

- *Tiêu chuẩn PEFC ST 2002 (mục 7 và phụ lục 1)*: hệ thống thẩm định (DDS)
- *Sổ tay hệ thống chuỗi hành trình sản phẩm PEFC – CoC*: được công ty/ tổ chức xây dựng để áp dụng quản lý việc nhận dạng nguyên liệu và lựa chọn phương pháp chuỗi hành trình sản phẩm.
- Các văn bản pháp luật Việt Nam hiện hành liên quan đến các vấn đề phát triển rừng bền vững, lao động, trách nhiệm kinh tế- xã hội và môi trường.
- Các chỉ số được PEFC khuyến cáo tham khảo đánh giá được các tổ chức quốc tế đánh giá cho quốc gia Việt Nam.

4. Trách nhiệm liên quan

-: Phê duyệt ban hành
-: Xem xét khi điều chỉnh, kiểm soát trong quá trình áp dụng.
-: Thực hiện.

5. Quy trình

- *Tên của Công ty/ tổ chức* xác định và thực hiện một chương trình thẩm định (DDS) ít nhất là mỗi năm 01 lần đối với các vùng nguyên liệu do công ty/ tổ chức quản lý, các vùng nguyên liệu này có thể được mở rộng hoặc thu hẹp hàng năm. Việc đánh giá này bao gồm việc đánh giá đối với các vùng nguyên liệu có chứng nhận quản lý rừng và các vùng nguyên liệu được đưa vào nguồn có kiểm soát PEFC.
- Công ty/ tổ chức thành lập “**Danh sách tổ thẩm định DDS – F.01**” gọi tắt là Đoàn Thẩm Định để triển khai xây dựng hệ thống trách nhiệm giải trình.
- Tiêu chuẩn lựa chọn các thành viên cho tổ thẩm định dự kiến sẽ gồm:
 - Thành viên có kỹ năng kinh nghiệm về hoạt động thẩm định được đào tạo theo tiêu chuẩn PEFC ST 2002.
 - Thành viên có chuyên môn kỹ thuật về rừng có chứng chỉ lâm nghiệp, hiểu biết và cập nhật các yêu cầu về luật áp dụng của lâm nghiệp.
 - Thành viên có kỹ năng kinh nghiệm về mua, bán nguyên liệu gỗ và thông thạo thông tin về vùng nguyên liệu.
 - Thành viên có kiến thức hiểu biết về các quy định luật pháp Việt Nam, các vấn đề liên quan người lao động, con người.
 - Các chuyên gia kỹ thuật để công ty/ tổ chức có thể tư vấn, đóng góp ý kiến trong các báo cáo đánh giá rủi ro, các biện pháp kiểm soát.
- Quy trình các bước thực hiện được công ty xây dựng dựa vào phụ lục 1 của tiêu chuẩn PEFC ST 2002:2020. Hệ thống trách nhiệm giải trình PEFC được thực hiện theo 03 bước:
 - Thu thập thông tin
 - Đánh giá rủi ro
 - Các điểm quan ngại và quản lý các rủi ro đáng kể.

Bước 1: Thu thập thông tin

Nhóm thực hiện chương trình thẩm định lập “**Danh sách nhà cung cấp/vùng nguyên liệu – F.02**” với các thông tin như sau:

a) Xác định loài cây theo tên thương mại và tên khoa học

Tên thương mại (Tiếng Việt)	Tên thương mại (English)	Tên khoa học
01. Keo lai	Acacia	Acacia Hybrid
02. Keo tai tượng	Acacia	Acacia magnum Wild
03. Keo lá tràm, keo bông vàng	Acacia	Acacia auriculaeformis A. Cunn.exBenth.
04. Cao su	Rubber	Hevea Brasiliensis
05. Bạch đàn	Eucalyptus	Eucalyptus sp.
06. Thông	Pine	Pinus spp

Ghi chú: Tham khảo thông tin về tên thương mại và tên khoa học các loài cây rừng trồng tại Việt Nam trên website: trung tâm dữ liệu thực vật Việt Nam: www.botanyvn.com.

- Danh sách nhà cung cấp/vùng nguyên liệu phải được cập nhật hàng năm khi có bất kỳ sự thay đổi.

b) Tên quốc gia, vùng nguyên liệu khai thác

- Thông tin các vùng cung cấp nguyên liệu phải bao gồm các thông tin địa danh, vị trí để có thể xác nhận thông tin cũng như đánh giá thực địa, thông tin liên lạc nhà cung cấp, loại hình nhà cung cấp, cấp độ chuỗi cung ứng, số giấy chứng nhận (nếu có), nguồn gốc nguồn nguyên liệu, diện tích, xã/huyện, tỉnh.
- Nhân viên phụ trách thu thập các thông tin bao gồm:
 - Nhà cung cấp/ thu mua: thu thập thông tin về các hoạt động mua, vận chuyển, chế biến và lưu trữ.
 - Đơn vị quản lý rừng: thu thập các bằng chứng sau (bản photo)

A. Công ty lâm nghiệp/ hợp tác xã

- Giấy đăng ký kinh doanh
- Quyết định giao đất/ thuê đất
- Bản đồ địa chính/ bản đồ thửa đất
- Hồ sơ thiết kế khai thác
- Danh sách lao động (trả lương)
- Đánh giá tác động môi trường
- Bảng kê lâm sản (TT. 27/2018/TT-BNNPTNT hiệu lực từ 1/1/2019)
- Bằng chứng: thuế, trả phí, ...
- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn GTGT

B. Hộ trồng rừng/ chủ rừng

- Bản photo căn cước công dân, CMND
- Quyết định giao đất/ thuê đất
- Bản đồ địa chính/ bản đồ thửa đất
- Đơn xin khai thác
- Danh sách lao động (trả lương)
- Đánh giá tác động môi trường (nếu có)
- Bảng kê lâm sản (TT. 27/2018/TT-BNNPTNT hiệu lực từ 1/1/2019)
- Bằng chứng: thuế, trả phí, ...

- Hợp đồng mua bán

C. Thu mua/ Thương lái

- Hộ thu mua/ thương lái phải thu thập các tài liệu hỗ trợ từ các chủ rừng / hộ gia đình để cung cấp cho đoàn kiểm toán
- Hợp đồng mua bán (hộ thu mua/ thương lái và chủ rừng / hộ gia đình, nếu có).
- Sổ theo dõi xuất nhập lâm sản
- Các yêu cầu bổ sung tùy thuộc vào loại hình nhà cung cấp: *Nếu không cung cấp được tài liệu hỗ trợ về tính hợp pháp, cần phải ghi lại các thông tin chi tiết về người bán bao gồm Số ID và thông tin liên hệ của họ, cũng như thông tin về nguồn gốc nguyên liệu. Hơn nữa, các bản ghi không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp chỉ có thể được chấp nhận cho lần giao hàng đầu tiên. Đối với tất cả các lần giao hàng tiếp theo, các tài liệu hỗ trợ về tính hợp pháp có liên quan phải được xuất trình, nếu không các bản ghi sẽ không được chấp nhận.*

Bước 2: Đánh giá rủi ro

- Nhóm thẩm định thực hiện đánh giá rủi ro cho các vùng nguyên liệu cung cấp.
- Thành viên nhóm DDS thống kê các văn bản pháp luật Việt Nam có liên quan và lập biểu mẫu: **“F.03 - Danh mục Luật áp dụng”** để làm cơ sở xem xét.
- Căn cứ vào khu vực cung cấp (xã, huyện, tỉnh), gửi **“F.04 - Thư tham vấn”** để tham vấn các bên liên quan như: NGO, các cơ quan, tổ chức liên quan đến lĩnh vực xã hội - môi trường - kinh tế
- Dựa trên các chỉ số về rủi ro không đáng kể (bảng 1) và rủi ro đáng kể (bảng 2, 3) được liệt kê trong phụ lục 1 của PEFC **ST 2002: 2020**, thành viên nhóm DDS sẽ chuẩn bị Biểu mẫu: **“F.05 - Phiếu tham vấn”** và **“ F.05.1 – Gợi ý phỏng vấn ”** ghi lại thông tin khi phỏng vấn / tham vấn trực tiếp với các bên liên quan như: chính quyền địa phương, kiểm lâm địa phương, chủ rừng / hộ gia đình, công nhân, người dân địa phương, ...) và quan sát hiện trạng rừng trồng, địa điểm khai thác để xác định việc sửa chữa các bằng chứng đã cung cấp, tất cả các thông tin phải ghi vào Phiếu tham vấn.
- Các thông tin được ghi lại cho trách nhiệm giải trình, nhóm đánh giá phải thu thập từ các hoạt động trồng / chăm sóc, khai thác, vận chuyển, chế biến sản xuất và lưu kho.
- Liên quan các chỉ số (CPI, TI, EPI ...) nêu trong bảng 2,3 dưới đây – theo Hướng dẫn của PEFC GD 2001: 20XX: “Hội đồng PEFC hiểu rằng các chỉ số này không phải lúc nào cũng phản ánh hết các vấn đề trong hoạt động thực thi lâm nghiệp. Tuy nhiên, cần phải có một ngưỡng để bắt đầu đánh giá và đưa ra các biện pháp kiểm soát. Hai lựa chọn được đưa ra để giúp việc thực hiện đánh giá rủi ro hiệu quả hơn.”

a) Áp dụng các chỉ số thay thế

Từ hướng dẫn trong PEFC GD 2001: 2014, nhóm thực hiện có thể cập nhật thông tin mới về CPI, EPI trên website: www.transparency.org hoặc gửi email / thư tư vấn hoặc gọi điện trực tiếp đến văn phòng đại diện của Tổ chức Minh bạch Quốc tế tại Việt Nam

Towards Transparency (TT) - Công ty TNHH Hướng tới Minh Bạch

Địa chỉ: 46 An Dương, Yên Phụ Ward, Tây Hồ Dist., Hà Nội, Vietnam

Điện thoại: +84 24 3715 3532.

Dựa trên thông tin được cung cấp từ TT Việt Nam, họ sẽ thông báo các chỉ số khác có thể được sử dụng trong ngành lâm nghiệp; Ngoài ra, có thể cung cấp một danh sách với các chỉ số có thể được sử dụng trong một số trường hợp nhất định ở Việt Nam. Nhóm đánh giá sẽ tóm tắt kết quả thông qua biểu mẫu: **“F.06 - Danh sách và kết quả Tham vấn các Bên liên quan”**.

b) Đánh giá rủi ro nhà cung cấp/ vùng nguyên liệu

Bảng 1: Danh sách các chỉ số “rủi ro không đáng kể”

Các chỉ số
a) Vùng nguyên liệu cung cấp được khai báo đã được chứng nhận về quản lý rừng hoặc chuỗi hành trình sản phẩm bởi một hệ thống chứng nhận khác (không phải do PEFC công nhận) và đã được tổ chức chứng nhận bên thứ ba công nhận. b) Các nguồn cung được xác minh bởi các tổ chức được cấp phép hoặc xác minh của chính phủ hoặc tổ chức phi chính phủ, ngoài các hệ thống chứng nhận rừng, đề cập đến các hoạt động nguồn gây tranh cãi. <i>Nhóm thực hiện phải cung cấp phải cung cấp bằng chứng / bằng chứng liên quan và diễn giải các nội dung liên quan đến các chỉ số của đánh giá rủi ro.</i> <i>- kiểm tra tính hợp lệ của khai báo / yêu cầu về tình trạng được chứng nhận của nhà cung cấp so với các yêu cầu của chương trình liên quan.</i> <i>- phải có thể cung cấp bằng chứng rằng chương trình chứng nhận bao gồm:</i> <i>(a) chứng chỉ của bên thứ ba về quản lý rừng bao gồm các hoạt động được xác định bởi thuật ngữ các nguồn gây tranh cãi,</i> <i>(b) chứng nhận của bên thứ ba về chuỗi hành trình sản phẩm và,</i> <i>(c) một cơ chế xác minh rằng nguyên liệu thô không được chứng nhận không bắt nguồn từ các nguồn gây tranh cãi, nơi áp dụng các công bố dựa trên tỷ lệ phần trăm</i> c) Những nguồn cung cấp có đi kèm với những tài liệu xác minh mà có thể dễ dàng xác định được: - Quốc gia khai thác và / hoặc khu vực địa phương nơi khai thác gỗ, trong đó Chỉ số nhận thức tham nhũng (CPI) của Tổ chức minh bạch quốc tế (TI) cao hơn 50, hoặc Chỉ số luật pháp (mức độ thực thi luật pháp) của WJP (dự án tư pháp thế giới) cao hơn 0,5 và - Tên thương mại và loại sản phẩm, tên thông thường của loài cây, và tên khoa học nếu có. - Tất cả các nhà cung cấp trong cùng một chuỗi cung ứng và - Khu vực nơi xuất xứ của nguồn cung cấp đó. - Các chứng từ hoặc thỏa thuận hợp đồng tuân thủ những quy định liên quan tới các hoạt động được định nghĩa tại “nguồn gây tranh cãi”

Bảng 2: Danh sách các chỉ số của “khả năng xảy ra cao” ở cấp độ nguồn gốc

Các chỉ số	Tài liệu tham khảo, ví dụ và giải thích
<i>a. Các hoạt động không tuân thủ luật pháp địa phương, quốc gia hoặc quốc tế về quản lý rừng; bảo vệ thiên nhiên và môi trường; các loài được bảo vệ và có nguy cơ tuyệt chủng; tài sản, quyền sử dụng đất cho người bản địa, cộng đồng địa phương hoặc các bên liên quan khác; sức khỏe, lao động và an toàn; tham nhũng và trả tiền bản quyền và thuế.</i>	Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan 1. Hoạt động và khai thác rừng, bao gồm bảo tồn đa dạng sinh học và chuyển rừng sang mục đích sử dụng khác; quản lý các khu vực có giá trị cao về môi trường và văn hóa; các loài được bảo vệ và có nguy cơ tuyệt chủng, bao gồm các yêu cầu của Công ước CITES 2. Các vấn đề sức khỏe và lao động liên quan đến công nhân khai thác

	3. Tài sản, quyền sở hữu và quyền sử dụng của người bản địa và bên thứ ba 4. Thanh toán thuế và tiền bản quyền 5. Thương mại và hải quan, liên quan đến ngành lâm nghiệp
i. Chỉ số Nhận thức Tham nhũng (CPI) của quốc gia thấp hơn 50 hoặc Chỉ số luật pháp -WJP của quốc gia thấp hơn 0,5.	(i) TI CPI được trình bày tại www.transparency.org .
ii. Quốc gia/vùng lãnh thổ có sự quản lý lâm nghiệp hoặc thực thi các biện pháp lâm nghiệp còn yếu.	(ii) Từ điểm TI CPI ở trên, nhóm thực hiện có thể đưa ra các khuyến nghị về việc thực thi pháp luật ở Việt Nam
iii. Những loài cây của các nguyên liệu/sản phẩm được coi như là những loài liên quan được đề cập trong phân định nghĩa “nguồn gốc tranh cãi”	(iii) Các bằng chứng từ sự tham vấn của các bên liên quan (phỏng vấn trực tiếp hoặc thư tham vấn) sẽ hỗ trợ kết luận rằng các loài cây đang được trồng trong khu vực cung cấp.
iv. Đất nước chịu các lệnh trừng phạt của Liên Hợp Quốc, EU hoặc chính phủ quốc gia hạn chế xuất / nhập khẩu các sản phẩm từ rừng và gỗ.	(iv) Căn cứ vào các Hiệp định (như EUTR) mà Việt Nam đã ký kết với các nước để xác định tính phù hợp. - Bảng kê lâm sản TT. 27/2018/TT-BNNPTNT hiệu lực từ 1/1/2019) - F.0 – Chính sách Chuỗi hành trình sản phẩm - F.03 – Danh sách các luật áp dụng - F.04 – Thư tham vấn - F.05 – Phiếu tham vấn. - F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý) - F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan <u>Lưu ý: nếu một trong các vấn đề / nội dung được trình bày không phù hợp, danh mục này là rủi ro đáng kể.</u>
Kết quả:	
b. Các hoạt động liên quan đến bền vững của rừng sản xuất (gỗ và lâm sản ngoài gỗ) không được duy trì hoặc mức độ khai thác vượt quá tốc độ có thể được duy trì trong dài hạn. i. Theo dữ liệu công khai, chẳng hạn như Đánh giá tài nguyên rừng FAO, lượng khai thác gỗ tròn công nghiệp hàng năm vượt quá mức tăng hàng năm của trữ lượng tăng trưởng của quốc gia / khu vực xuất xứ.	<u>Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro</u> Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan - Hồ sơ trồng rừng - Hồ sơ khai thác - Đánh giá tác động môi trường - F.0 – Chính sách Chuỗi hành trình sản phẩm

	- F.03 – Danh sách các luật áp dụng - F.04 – Thư tham vấn - F.05 – Phiếu tham vấn. - F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý) - F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan
<u>Kết quả:</u>	
c. Các hoạt động quản lý rừng không góp phần duy trì, bảo tồn hoặc tăng cường đa dạng sinh học về cảnh quan, hệ sinh thái, loài hoặc mức độ di truyền. d) Các khu vực rừng quan trọng về mặt sinh thái không được xác định, bảo vệ, bảo tồn hoặc bị bỏ qua.	<u>Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro</u> Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan - Hồ sơ trồng rừng - Hồ sơ khai thác - Đánh giá tác động môi trường - F.0 – Chính sách Chuỗi hành trình sản phẩm - F.03 – Danh sách các luật áp dụng - F.04 – Thư tham vấn - F.05 – Phiếu tham vấn. - F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý) - F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan - Kiểm tra EPI trên trang web: https://earthdata.nasa.gov
i. Chỉ số Hiệu suất Môi trường (EPI) cho Đa dạng sinh học & Môi trường sống của đất nước thấp hơn 50. Trong trường hợp không có chỉ số EPI nào, các chỉ số khác có thể được sử dụng, chẳng hạn các yếu tố gây tranh cãi c và d, kết hợp với bằng chứng thực thi pháp luật đáng tin cậy (điểm TI CPI > 50, hoặc điểm số WJP (Rules of Law) > 0,5)	
<u>Kết quả:</u>	
e) Các hoạt động chuyển đổi rừng xảy ra, ngoài các trường hợp hợp lý khi chuyển đổi: - is in compliance with national and regional policy and legislation applicable for land use and forest management; and - không có tác động tiêu cực đến các khu vực rừng quan trọng về mặt sinh thái, các khu vực có ý nghĩa về văn hóa và xã hội hoặc các khu vực được bảo vệ khác; và - không phá hủy các khu vực có trữ lượng carbon cao đáng kể; và - đóng góp cho bảo tồn lâu dài, lợi ích kinh tế và / hoặc xã hội.	<u>Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro</u> Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan - Hồ sơ trồng rừng - Hồ sơ khai thác - Đánh giá tác động môi trường - F.0 – Chính sách Chuỗi hành trình sản phẩm - F.03 – Danh sách các luật áp dụng - F.04 – Thư tham vấn - F.05 – Phiếu tham vấn. - F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý) - F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan
i. Quốc gia / khu vực được xác định là đã mất diện tích rừng > 1% trong mười năm gần nhất, theo dữ liệu/ thông tin công khai, như FAO cung cấp.	
ii. Ở quốc gia / khu vực, diện tích có chuyển đổi từ rừng sang rừng trồng vượt quá mức tăng diện tích rừng của quốc gia / khu vực hoặc thông tin công khai, như FAO cung cấp.	

Kết quả	
f) Các hoạt động về Nguyên tắc và Quyền cơ bản tại nơi làm việc (1998) - ILO không được đáp ứng.	<u>Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro</u> Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan - Các vấn đề sức khỏe và lao động liên quan đến công nhân lâm nghiệp: Danh sách công nhân (hoặc bảng lương), Mẫu hợp đồng lao động, Nội quy lao động..). - F.0 – Chính sách Chuỗi hành trình sản phẩm - F.03 – Danh sách các luật áp dụng - F.04 – Thư tham vấn - F.05 – Phiếu tham vấn. - F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý) - F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan - Các Hiệp định (như ILO) mà Việt Nam đã ký kết, cam kết tuân thủ với các nước khác.
<u>Kết quả:</u>	
g) Các hoạt động của Liên hợp quốc về quyền của người bản địa (2007) không được đáp ứng.	<u>Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro</u> Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan - Tài sản, quyền sở hữu và quyền sử dụng của người bản địa và bên thứ ba: thông tư / chính sách hỗ trợ người bản địa, - F.0 – Chính sách Chuỗi hành trình sản phẩm - F.03 – Danh sách các luật áp dụng - F.04 – Thư tham vấn - F.05 – Phiếu tham vấn. - F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý) - F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan -
<u>Kết quả</u>	
h) Nguồn gỗ gây tranh cãi	<u>Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro</u> Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan - Bảng kê lâm sản - F.01 – Danh sách nhà cung cấp/ vùng nguyên liệu. - F.03 – Danh sách các luật áp dụng - F.04 – Thư tham vấn - F.05 – Phiếu tham vấn. - F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý)

	- <i>F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan</i>
<u>Kết quả</u>	
i) <i>Các giống loài biến đổi gen</i>	<u>Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro</u> Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan - <i>Bảng kê lâm sản</i> - <i>F.01 – Danh sách nhà cung cấp/ vùng nguyên liệu.</i> - <i>F.03 – Danh sách các luật áp dụng</i> - <i>F.04 – Thư tham vấn</i> - <i>F.05 – Phiếu tham vấn.</i> - <i>F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý)</i> - <i>F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan</i>
<u>Kết quả</u>	

Bảng 3: Danh sách các chỉ số “khả năng xảy ra cao” ở cấp độ chuỗi cung ứng

Các chỉ số	Tài liệu tham khảo, ví dụ và giải thích
a) Các quốc gia / khu vực nơi các sản phẩm đã được giao dịch không xác định.	<u>Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro</u> Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan - <i>Bảng kê lâm sản</i> - <i>F.01 – Danh sách nhà cung cấp/ vùng nguyên liệu.</i> - <i>F.03 – Danh sách các luật áp dụng</i> - <i>F.04 – Thư tham vấn</i> - <i>F.05 – Phiếu tham vấn.</i> - <i>F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý)</i> - <i>F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan</i> - <i>Giấy phép Nhập- Xuất Khẩu (nếu có)</i>
<u>Kết quả:</u>	
b) Những loài trong sản phẩm chưa được xác định.	<u>Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro</u> Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan - <i>Bảng kê lâm sản</i> - <i>F.01 – Danh sách nhà cung cấp/ vùng nguyên liệu.</i> - <i>F.03 – Danh sách các luật áp dụng</i>

	- <i>F.04 – Thư tham vấn</i> - <i>F.05 – Phiếu tham vấn.</i> - <i>F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý)</i> - <i>F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan</i> -
Kết quả	
c) Có bằng chứng về những hành động vi phạm pháp luật của bất cứ một công ty nào trong chuỗi cung cấp.	<u>Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro</u> Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan - <i>F.04 – Thư tham vấn</i> - <i>F.05 – Phiếu tham vấn.</i> - <i>F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý)</i> - <i>F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan</i>
Kết quả	

Bước 3: Các điểm quan ngại và quản lý các rủi ro đáng kể

- Nhóm thực hiện sẽ thiết lập chương trình xác minh của bên thứ hai hoặc thứ ba đối với các nguồn cung cấp được phân loại là “rủi ro đáng kể”. Chương trình xác minh bao gồm:
 - a. *Xác định toàn bộ chuỗi cung ứng và (các) diện tích rừng có nguồn gốc cung cấp:*
“F.01 – Danh sách nhà cung cấp/ vùng nguyên liệu”
 - b. *Đánh giá hiện trường:* Nhóm thực hiện phải kiểm tra đối với các nhà cung cấp có “rủi ro đáng kể”.
 - Việc kiểm tra hiện trường, nhóm xác định số mẫu cần kiểm tra từ 01 nhà cung cấp: Số lượng mẫu hàng năm ít nhất phải bằng căn bậc hai của tổng số các nguồn cung cấp có “rủi ro đáng kể” trong một năm ($y=\sqrt{x}$, làm tròn tới số nguyên liền kề). Nếu những cuộc kiểm tra hiện trường của năm trước thể hiện rằng các yêu cầu được đáp ứng đầy đủ, thì số lượng mẫu có thể giảm xuống bằng $y=0.8 \sqrt{x}$ làm tròn số. Ngoài ra, việc kiểm tra hiện trường, cần phải bao gồm đại diện của nhà cung cấp chịu trách nhiệm quản lý nhằm đánh giá công tác quản lý, tuân thủ các quy định.
 - Nhóm thực hiện dựa vào kết quả của việc xác minh, tham vấn các bên liên quan để kết luận nguồn rủi ro đáng kể, kiểm tra hiện trường bất kể thời điểm nào và đưa ra các biện pháp khắc phục phòng ngừa.
 - Tổng hợp việc đánh giá hiện trường và tham vấn: ***“F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan”***
 - Các điểm quan ngại: thông tin được hỗ trợ bởi bằng chứng hoặc tài liệu liên quan, chỉ ra rằng đầu vào bắt nguồn từ các nguồn gây tranh cãi. Chúng có thể là mối quan tâm của bên thứ ba, cũng như mối quan tâm của chính tổ chức.
 - Nhóm thực hiện xác định các điểm quan ngại liên quan nguồn gây tranh cãi trong hệ thống, các điểm này phải được điều tra kịp thời, không quá 10 ngày làm việc.
 - Nếu các điểm quan ngại không thể giải quyết, các điểm này sẽ được đưa vào Quản lý các rủi ro đáng kể.
 - c. *Các biện pháp kiểm soát thích hợp*
 - Các chỉ số về rủi ro đáng kể liên quan đến xuất xứ và chuỗi cung ứng do doanh nghiệp / tổ chức xây dựng với các biện pháp kiểm soát dựa trên các yêu cầu của PEFC, luật pháp hiện hành và do chính doanh nghiệp/tổ chức thực hiện.
 - Các biện pháp kiểm soát này được tư vấn và hỗ trợ bởi các bên liên quan và các

chuyên gia kỹ thuật. Đoàn đánh giá sẽ kiểm tra hiện trường để đánh giá tính phù hợp và hiệu quả.

- Các biện pháp kiểm soát được đề xuất của công ty / tổ chức theo biểu mẫu: “**F.07 - Báo cáo tổng thể đánh giá rủi ro**”
- Khi có sự không phù hợp liên quan đến Hệ thống trách nhiệm giải trình (*tài liệu thu thập, kiểm tra hiện trường, các biện pháp kiểm soát, việc không tuân thủ PEFC và các yêu cầu về tính pháp lý, v.v.*), nhóm đánh giá phải thực hiện hành động khắc phục phòng ngừa. Tham khảo biểu mẫu: “**F.08 - Biên bản xem xét hệ thống trách nhiệm giải trình DDS**”

Bước 4: Hoàn thành báo cáo

- Các nhà cung cấp / khu vực cung cấp được xác định trong các mối quan ngoại được nhóm thực hiện khuyến nghị thực hiện hành động khắc phục: cung cấp bằng chứng để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC.
- Cập nhật biểu mẫu: “**F.02 – Danh sách nhà cung cấp/vùng nguyên liệu**” khi hoàn thành chương trình xác minh.
- Công ty / tổ chức có thể sử dụng nguyên liệu như một nguồn được kiểm soát hoặc bán nó với công bố nguồn được kiểm soát của PEFC khi các biện pháp kiểm soát thích hợp đã được áp dụng đối với nguyên liệu được mua từ “**F.02 - Danh sách các nhà cung cấp / vùng nguyên liệu**”. Đầu vào từ các nguồn không xác định hoặc từ các nguồn gây tranh cãi sẽ không được đưa vào nhóm sản phẩm PEFC.
- Các nguồn liên quan đến nguồn bất hợp pháp / nguồn gây tranh cãi / mối quan tâm đã được chứng minh sẽ không được đưa ra thị trường cho đến khi chúng đã được giải quyết.
- Người phụ trách nhóm đánh giá tóm tắt và công bố: “**F.07 - Báo cáo tổng thể đánh giá rủi ro**” trên phương tiện truyền thông của công ty / tổ chức và cung cấp cho tổ chức chứng nhận trong quá trình đánh giá chứng nhận.
- Các Biện pháp Kiểm soát do công ty phát triển trong chương trình xác minh sẽ được áp dụng cho đến lần đánh giá tiếp theo hoặc khi có thay đổi..
- Ban lãnh đạo của công ty / tổ chức phải có cuộc họp để xem xét Hệ thống trách nhiệm giải trình DDS, đưa ra các khuyến nghị / nhận xét, sự không phù hợp và yêu cầu các hành động khắc phục và phòng ngừa. Lập biên bản cuộc họp theo mẫu: “**F.08 – Biên bản xem xét hệ thống trách nhiệm giải trình DDS**”.

6. Hồ sơ

- Công ty / tổ chức phải thiết lập và duy trì hồ sơ của Hệ thống trách nhiệm giải trình, bao gồm hồ sơ đánh giá rủi ro, quản lý nguồn cung cấp rủi ro đáng kể và các biểu mẫu trong thủ tục này.
- Lưu trữ hồ sơ trong 05 năm hoặc hơn.
- Hồ sơ hệ thống trách nhiệm giải trình DDS bao gồm:
 - F.0 – Chính sách chuỗi hành trình sản phẩm PEFC
 - Quy trình đánh giá rủi ro – cập nhật hệ thống DDS
 - F.01 – Danh sách nhà cung cấp/ vùng nguyên liệu
 - F.02 – Danh sách nhóm thực hiện .
 - F.03 – Danh sách luật áp dụng.
 - F.04 – Thư tham vấn
 - F.05 – Phiếu tham vấn
 - F.05.1 – Câu hỏi gợi ý tham vấn
 - F.06 – Báo cáo tổng thể đánh giá rủi ro
 - F.08 – Biên bản xem xét hệ thống trách nhiệm giải trình DDS

VI. PHỤ LỤC

F.0 – Chính Sách Chuỗi Hành Trình Sản Phẩm

Tên doanh nghiệp/ tổ chức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

....., ngày.....tháng.... năm.....

CHÍNH SÁCH CHUỖI HÀNH TRÌNH SẢN PHẨM PEFC

Từ các giá trị Kinh Tế - Xã Hội – Môi Trường do áp dụng tiêu chuẩn chuỗi hành trình sản phẩm PEFC mang lại:

Tên tổ chức/ doanh nghiệp thiết lập, áp dụng và duy trì hệ thống chuỗi trình sản phẩm và hệ thống trách nhiệm giải trình theo tiêu chuẩn PEFC ST 2002:2020, đồng thời cam kết:

I. Đối với các yêu cầu về trách nhiệm xã hội, an toàn lao động sức khỏe nghề nghiệp

- Nhận thức và tuân thủ các yêu cầu liên quan đến các vấn đề sức khỏe, an toàn và lao động dựa trên Công ước ILO về các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc (1998).
- Không vi phạm các quyền con người, kể cả việc lựa chọn người đại diện và thương lượng tập thể với người sử dụng lao động.
- Không sử dụng lao động cưỡng bức
- Không sử dụng lao động dưới độ tuổi hợp pháp tối thiểu, 15 tuổi, hoặc độ tuổi đi học bắt buộc, tùy theo mức độ nào cao hơn.
- Người lao động được bình đẳng về cơ hội việc làm và được đối xử.
- Đảm bảo an toàn và sức khỏe đối với điều kiện lao động.

II. Đối với hoạt động thu mua nguyên liệu (Đầu vào)

- Không sử dụng Đầu vào vi phạm Công ước CITES
- Không sử dụng Đầu vào có xuất xứ từ các quốc gia bị cấm nhập khẩu hoặc xuất khẩu bởi các quy định của Liên hợp quốc, EU hoặc chính họ.
- Không sử dụng các Đầu vào xung đột.
- Không sử dụng Đầu vào có nguồn gốc từ cây biến đổi gen.
- Không sử dụng Đầu vào từ các hoạt động diễn ra chuyển đổi rừng, ngoại trừ các trường hợp được Hội đồng PEFC cho phép.

III. Đối với hoạt động thương mại (đầu ra)

- Các sản phẩm từ Nguồn không xác định hoặc từ Nguồn gây tranh cãi sẽ không được đưa vào nhóm sản phẩm PEFC.
- Các sản phẩm có nguồn gốc bất hợp pháp sẽ không được đưa ra thị trường.

CHÍNH SÁCH này có hiệu lực kể từ ngày ký và được phổ biến đến tên của nhân viên, nhà cung cấp, khách hàng và các bên quan tâm của công ty / tổ chức.

CHÍNH SÁCH này được xem xét thường xuyên để đảm bảo nó phù hợp với nhu cầu của công ty, luật pháp Việt Nam và các tiêu chuẩn PEFC, VFCS.

NGƯỜI PHỤ TRÁCH

Đến:

F.01: Danh sách nhà cung cấp/ vùng nguyên liệu

THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP

Thông tin chung

Tên đầy đủ/ tên công ty:

Địa chỉ:

CCCD/ GPKD số:

Điện thoại liên hệ:

Email: (nếu có)

Loại hình nhà cung cấp

Chủ rừng/ hộ trồng rừng

☐ Thương mại ☐

Công ty lâm nghiệp

☐ Khác

Thông tin cung cấp

A. Loài

Acacia ☐

Bạch đàn ☐

Thông ☐

Cao su ☐

Khác ☐

B. Đầu vào

Gỗ tròn ☐ Gỗ xẻ

☐ LSNG ☐

Khu vực cung cấp

Khu(lô, thửa, tiểu khu):

Vùng:

Năm trồng:

Tài liệu đính kèm

A. Chủ rừng/ hộ trồng rừng

- ☐ Bản sao CMND/CCCD/GPKD
- ☐ Quyết định giao đất/ hợp đồng thuê đất
- ☐ Bản đồ địa chính/ bản đồ thửa
- ☐ Hồ sơ khai thác
- ☐ Danh sách lao động (bảng lương)
- ☐ Bảng kê lâm sản
- ☐ Hồ sơ: thuế, phí, chứng chỉ rừng (nếu có)
- ☐ Hợp đồng mua bán

Đối với loại hình nhà cung cấp là đồn điền / công ty lâm nghiệp, ngoài:

B. Đồn điền/ công ty lâm nghiệp

- ☐ Bản sao giấy phép kinh doanh
- ☐ Hóa đơn VAT

Đối với thương nhân, phải thu thập các tài liệu chứng minh từ các chủ rừng / hộ gia đình

C. Hộ thu mua

- ☐ Hợp đồng mua bán
- ☐ Sổ theo dõi xuất nhập lâm sản

DANH SÁCH NHÀ CUNG CẤP/ VÙNG NGUYÊN LIỆU

Issued
No.:
01

ST T	Tên nhà cung cấp / Địa chỉ / Tên người liên hệ / Thông tin liên hệ	Loại hình nhà cung cấp		Chu ỗi cun g ứng	Số chứng chỉ PEFC/ Số chứng chỉ khác	Ngày cập nhật	Số hợp đòn g.	Nguồn nguyên liệu			Khu vực cung cấp			Loài		Loại hình cung cấp	Ngu ời cập nhật	Ghi chú
								PEF C	CS	Nguyên liệu khác								
		Chủ rừng/ hộ trồng rừng	Thư ơng mại									Diện t ích	Xã / huyệ n	Tỉnh	Tên TM	Tên KH		
																Mủ cao su		
	Nguyen Van A															Gỗ tròn		

Ghi chú

Cấp độ chuỗi cung ứng: **Số nguyên dương**

- Cấp 1: Từ Chủ rừng trực tiếp bán nguyên liệu cho tổ chức / doanh nghiệp
- Cấp 2: Từ Chủ rừng bán nguyên liệu cho thương lái và bán cho tổ chức / doanh nghiệp.
- Cấp n: Từ Chủ rừng bán nguyên liệu cho 'n' thương nhân và sau đó bán cho tổ chức / doanh nghiệp.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP/ VÙNG NGUYÊN LIỆU

Số.:/....

Tên nhà cung cấp:

Khu vực khai thác:

Thông tin nguyên liệu: **LSNG** ☐

Gỗ tròn/ gỗ xẻ ☐

Loài cây:

Keo ☐ Bạch đàn ☐

Thông ☐ Cao su ☐

Diện tích/ khối lượng:

Phạm vi thu mua

VFCS/PEFC - FM

PEFC KS

Khácl

Hang mục/ tài liệu kiểm tra nhà cung cấp/vùng nguyên liệu:

STT	Nội dung	Tài liệu số/	Người xem xét
1	Hợp đồng mua bán	#123	
2	Giấy phép khai thác/ hồ sơ khai thác		
3	Bảng kê lâm sản		
4	Hóa đơn mua bán		
5	Giấy tờ về quyền (Quyền sử dụng đất / quyết định giao đất / hợp đồng thuê đất		
6	Danh sách công nhân (bảng lương, bảo hiểm ...)		
7	Hồ sơ vận chuyển		
8	Hồ sơ: thuế, phí,...		
09	Số chứng chỉ rừng. (nếu có)		
10	khác		

Tóm tắt về xác minh xuất xứ và chuỗi cung ứng dựa trên mục 7 và phụ lục 1 của PEFC ST 2002: 2020

STT	Nội dung	Phương pháp kiểm tra/ ngày kiểm tra	Kết quả
A. NGUỒN GỐC			
1	Nguyên liệu khai thác bất hợp pháp		
2	Nguyên liệu khai thác vi phạm các quyền dân sự và truyền thống		
3	Nguyên liệu khai thác có giá trị bảo tồn cao đang bị đe dọa bởi các hoạt động quản lý		
4	Nguyên liệu khai thác có các hoạt động liên quan đến chuyển đổi rừng sang rừng trồng hoặc cây trồng		
5	Nguyên liệu khai thác từ cây biến đổi gen		
6	Nguyên liệu khai thác từ quốc gia chịu sự chi phối của các lệnh trừng phạt của Liên hợp quốc, EU hoặc chính phủ quốc gia hạn chế xuất khẩu / nhập khẩu.		
7	Nguyên liệu khai thác từ các nhà cung cấp / khu vực cung cấp bị vi phạm đối với ILO		
B. CHUỖI CUNG ỨNG			
8	Không xác định được quốc gia / khu vực nơi sản phẩm đã được giao dịch.		
9	Bằng chứng về các hoạt động bất hợp pháp liên quan đến các nguồn gây tranh cãi của bất kỳ công ty nào trong chuỗi cung ứng.		
10	Không xác định được loài		
Quyết định thu mua		Có/không	

Ghi chú:

1/ Kết luận từ cột "kết quả" là "đủ điều kiện" khi đã thực hiện chương trình xác minh và kiểm tra hiện trường.

2/ Cột "Quyết định thu mua" được ghi "Đủ điều kiện" khi các hạng mục từ 1 đến 10 thỏa mãn các điều kiện yêu cầu.

3/ Phải có hồ sơ báo cáo đánh giá rủi ro và các tài liệu liên quan đến nhà cung cấp / vùng nguyên liệu.

Ngày tháng năm

Người thực hiện

F.02: Danh sách nhóm thực hiện DDS

DANH SÁCH NHÓM THỰC HIỆN DDS

STT.	Tên đầy đủ	Chức vụ	Năng lực chuyên môn	Thông tin liên hệ
1				
2				

Ngày tháng năm
Người thực hiện

F.03: Danh sách luật áp dụng

DANH SÁCH LUẬT ÁP DỤNG

STT	Số hiệu	Tên/ Nội dung của văn bản pháp luật	Hiệu lực	Tình trạng
I	ĐẤT ĐAI			
1	45/2013/QH13	Luật đất đai 2013	29/11/2013	Còn hiệu lực
2	43/2014/NĐ-CP	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.	15/05/2014	Còn hiệu lực
3	83/2010/NĐ-CP	Về đăng ký giao dịch bảo đảm.	09/09/2010	Còn hiệu lực
4	168/2016/NĐ-CP	Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước .	27/12/2016	Còn hiệu lực
5	23/2014/TT-BTNMT	Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	19/05/2014	Validity and expired some items
6	02/2015/TT-BTNMT	Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.	13/03/2015	Còn hiệu lực
7	30/2014/TT-BTNMT	Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.	02/06/2014	Còn hiệu lực
II	LÂM NGHIỆP			
1	16/2017/QH14	Luật lâm nghiệp.	01/01/2019	Còn hiệu lực
2	117/2010/ND-CP	Về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng.	24/12/2010	Còn hiệu lực
3	2-CP	Quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.	15/01/1994	Còn hiệu lực
4	27/2018/TT-BNNPTNT	Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.	01/01/2019	Còn hiệu lực
5	07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT	Hướng dẫn một số nội dung về giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp.	29/01/2011	Còn hiệu lực
6	38/2007/TT-BNN	Hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn.	25/04/2007	Còn hiệu lực
7	20/VBHN-BNNPTNT	Hướng dẫn thiết kế khai thác chọn gỗ rừng tự nhiên.	06/05/2014	Còn hiệu lực
8	28/2018/TT-BNNPTNT	Qui định về quản lý rừng bền vững.	16/11/2018	Còn hiệu lực
9	330/2016/TT-BTC	Hướng dẫn lập dự toán, cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để bảo vệ diện tích rừng tự nhiên của các công ty lâm nghiệp phải tạm dừng khai thác	26/12/2016	Còn hiệu lực

STT	Số hiệu	Tên/ Nội dung của văn bản pháp luật	Hiệu lực	Tình trạng
		theo Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ.		
10	37/2014/TT-BCT	Quy định việc tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất gỗ tròn, gỗ xẻ từ rừng tự nhiên từ Lào và Campuchia.	24/10/2014	Còn hiệu lực
11	17/2015/QĐ-TTg	Ban hành Quy chế quản lý rừng phòng hộ.	30/07/2015	Còn hiệu lực
12	49/2016/QĐ-TTg	Ban hành Quy chế quản lý rừng sản xuất.	01/11/2016	Còn hiệu lực
13	2242/QĐ-TTg	Phê duyệt đề án tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014-2020.	11/12/2014	Còn hiệu lực
14	178/2001/QĐ-TTg	Về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp.	12/11/2001	Còn hiệu lực
15	107/2007/QĐ-BNN	Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý và đóng búa bài cây, búa kiểm lâm ban hành kèm theo Quyết định số 44/2006/QĐ-BNN ngày 01/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	31/12/2007	Còn hiệu lực
16	QPN/14-92 (200/QĐ-KT)	Ban hành quy phạm các giải pháp kỹ thuật lâm sinh áp dụng cho rừng sản xuất gỗ và tre nứa (QPN 14 - 92).	31/03/1993	Còn hiệu lực
17	20/VBHN-BNNPTNT	Hướng dẫn thiết kế khai thác chọn gỗ rừng tự nhiên.	06/05/2014	Còn hiệu lực
18	2198/CNR	Về việc ban hành bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước.	26/11/1977	Còn hiệu lực
III	LUẬT DOANH NGHIỆP			
1	59/2020/QH14	Luật doanh nghiệp 2020	17/06/2020	Còn hiệu lực
2	12/2012/QH13	Luật công đoàn	20/06/2012	Còn hiệu lực
3	61/2020/QH14	Luật đầu tư	17/06/2020	Còn hiệu lực
4	1/2021/ND-CP	Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	Còn hiệu lực	Còn hiệu lực
5	17/2010/NĐ-CP	Về bán đấu giá tài sản.	04/03/2010	Còn hiệu lực
6	29/2014/NĐ-CP	Quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.	Còn hiệu lực	Còn hiệu lực
7	31/2020/NĐ-CP	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2013 / Nđ-Cp ngày 03 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, tịch thu theo thủ tục hành chính	05/03/2020	Còn hiệu lực
IV	THUẾ VÀ PHÍ			
1	45/2009/QH12	Luật thuế tài nguyên	25/11/2009	Còn hiệu lực

STT	Số hiệu	Tên/ Nội dung của văn bản pháp luật	Hiệu lực	Tình trạng
2	32/2013/QH13	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.	19/06/2013	Còn hiệu lực
3	71/2014/QH13	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế.	01/01/2015	Còn hiệu lực
4	106/2016/QH13	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế	06/04/2016	Còn hiệu lực
5	50/2010/ND-CP	Nghị định: Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật thuế tài nguyên	14/05/2010	Còn hiệu lực
6	92/2015/TT-BTC	Thông tư: Hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập cá nhân do cư dân kinh doanh, sửa đổi, bổ sung một số điều về thuế thu nhập cá nhân của Luật số 71/2014 / Qh13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế và Nghị định số 12/2015 / Nđ của Chính phủ -Cp ngày 12 tháng 2 năm 2015 Về Hướng dẫn Luật sửa đổi các luật thuế và nghị định về thuế	01/01/2015	Còn hiệu lực
7	12/VBHN-BTC	Nghị định: quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp	26/05/2015	Còn hiệu lực
8	57/VBHN-BTC	Nghị định: Quy định về thu tiền sử dụng đất	21/11/2019	Còn hiệu lực
9	20/VBHN-BTC	Nghị định: Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.	25/06/2018	Còn hiệu lực
10	45/2014/NĐ-CP	Nghị định: Quy định việc thu tiền sử dụng đất	15/04/2014	Còn hiệu lực
11	46/2014/ND-CP	Nghị định: Quy định về Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước	15/04/2014	Còn hiệu lực
12	45/2021/TT-BTC	Thông tư: Hướng dẫn áp dụng thỏa thuận giá trước đối với doanh nghiệp có giao dịch với bên liên quan	18/06/2021	Còn hiệu lực
13	205/2013/TT-BTC	Thông tư: Hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, chống trốn thuế đối với thuế thu nhập và tài sản giữa Việt Nam và các quốc gia, vùng lãnh thổ có hiệu lực tại Việt Nam	24/12/2013	Còn hiệu lực
V	MÔI TRƯỜNG			
1	11/VBHN-BTNMT	Nghị định: quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường	25/10/2019	Còn hiệu lực
2	72/2020/QH14	Luật bảo vệ môi trường	17/11/2020	Còn hiệu lực
3	27/2015/TT-BTNMT	Thông tư về Đánh giá môi trường chiến lược, Đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường	29/05/2015	Còn hiệu lực
VI	LAO ĐỘNG, SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN			
1	Công ước ILO về các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc		1998	Còn hiệu lực

STT	Số hiệu	Tên/ Nội dung của văn bản pháp luật	Hiệu lực	Tình trạng
2	10/2012/QH13	Luật lao động	18/06/2012	Còn hiệu lực
3	58/2014/QH13	Luật bảo hiểm xã hội	20/11/2014	Còn hiệu lực
4	46/2014/QH13	Luật sửa đổi luật bảo hiểm y tế	13/06/2014	Còn hiệu lực
5	45/2013/ND-CP	Quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động.	10/05/2013	Còn hiệu lực
6	43/2013/ND-CP	Quy định chi tiết thi hành Điều 10 của Luật Công đoàn về quyền, trách nhiệm của công đoàn trong việc đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.	10/05/2013	Còn hiệu lực
7	27/2013/TT-BLĐTBXH	Quy định về công tác huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động.	18/10/2013	Còn hiệu lực
8	11/2020/TT-BLĐTBXH	Ban hành Danh mục nghề nghiệp và công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề nghiệp, công việc cực kỳ nặng nhọc, độc hại và nguy hiểm	12/11/2020	Còn hiệu lực
9	26/2013/TT-BLĐTBXH	Thông tư: Ban hành danh mục công việc cấm sử dụng lao động nữ	18/10/2013	Còn hiệu lực
10	05/2012/TT-BLĐTBXH	Thông tư về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về làm việc an toàn với thiết bị thang máy	30/03/2012	Còn hiệu lực
11	06/2014/TT-BLĐTBXH	Thông tư: Quy định về kiểm định an toàn lao động đối với máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	06/03/2014	Còn hiệu lực
12	04/2014/TT-BLĐTBXH	Thông tư: Hướng dẫn Thực hiện Quy định về Trang bị Bảo hộ Cá nhân	12/02/2014	Còn hiệu lực
13	54/2015/TT-BLĐTBXH	Thông tư hướng dẫn về giờ làm việc, giờ nghỉ áp dụng đối với người lao động làm công việc sản xuất thời vụ và chế biến hàng hóa theo đơn đặt hàng	16/12/2015	Còn hiệu lực
14	136/2020/ND-CP	Nghị định: Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy	24/11/2020	Còn hiệu lực
VII	THƯƠNG MẠI			
1	66/2010/TT-BTC	Hướng dẫn thực hiện việc xác định giá thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết.	22/04/2010	Còn hiệu lực
2	04/2015/TT-BNNPTNT	Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài	12/02/2015	Còn hiệu lực

STT	Số hiệu	Tên/ Nội dung của văn bản pháp luật	Hiệu lực	Tình trạng
		trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.		
3	04/2014/TT-BCT	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.	27/01/2014	Còn hiệu lực
VIII	HẢI QUAN			
1	08/2015/NĐ-CP	Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.	21/01/2015	Còn hiệu lực
2	13/2014/TT-BTC	Quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa gia công với thương nhân nước ngoài.	24/01/2014	Còn hiệu lực
IX	ĐỘNG THỰC VẬT HOANG DÃ			
1	06/2019/NĐ-CP	Nghị định về Quản lý các loài động, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và tuân thủ Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp	22/01/2019	Còn hiệu lực
2	82/2006/ND-CP	Nghị định về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập cảnh từ biên, quá cảnh, nuôi trồng, sinh sản, nhân giống nhân tạo các loài động, thực vật hoang dã quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng	10/08/2006	Còn hiệu lực
3	296/TB-CTVN-HTQT	Ban hành danh mục các loài động, thực vật hoang dã quy định tại Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp.	27/11/2019	Còn hiệu lực
X	BẢO TỒN			
1	20/2008/QH12	Luật đa dạng sinh học	13/11/2008	Còn hiệu lực
2	10/2014 / TT-BNNPTNT	Quy định về tiêu chí xác định vùng đệm của khu rừng đặc dụng và vành đai bảo vệ của khu bảo tồn biển	26/03/2014	Còn hiệu lực
3	1976/QĐ-TTg	Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển được liệu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	30/10/2013	Còn hiệu lực
XI	GMO			
1	118/2020/NĐ-CP	Nghị định: Sửa đổi Nghị định số 69/2010 / Nđ-Cp ngày 21 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen	2/10/2020	Còn hiệu lực
2	69/2009/TT-BNNPTNT	Quy định về thử nghiệm đánh giá rủi ro đối với đa dạng sinh học và môi trường của cây trồng biến đổi gen.	27/10/2009	Còn hiệu lực
3	72/2009/TT-BNNPTNT	Ban hành Danh mục các loài thực vật biến đổi gen được phép khảo nghiệm, đánh giá rủi ro đối với đa dạng sinh học và môi trường nhằm mục đích nhân giống cây trồng ở Việt Nam.	17/11/2009	Còn hiệu lực

STT	Số hiệu	Tên/ Nội dung của văn bản pháp luật	Hiệu lực	Tình trạng
4	21/2012/TT-BKHCN	Thông tư về An toàn sinh học trong việc thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ liên quan đến sinh vật biến đổi gen	20/11/2012	Còn hiệu lực
5	08/2013/TT-BTNMT	Quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi Giấy chứng nhận an toàn sinh học đối với cây trồng biến đổi gen.	16/05/2013	Còn hiệu lực
6	04/VBHN-BNNPTNT	Thông tư: Quy định về trình tự, thủ tục cấp và cách mạng chứng nhận các điều kiện chung đối với thực phẩm và thức ăn chăn nuôi	08/01/2016	Còn hiệu lực

F.04 Thư tham vấn

THƯ THAM VẤN

Kính gửi: Văn phòng (NGOs)....

Công ty hiện đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại mủ cao su tại, chúng tôi có áp dụng tiêu chuẩn PEFC ST2002 cho chứng nhận với nguồn nguyên liệu từ các vùng nguyên liệu tại các khu vực:

- 1) Huyện ... tỉnh
- 2) Huyện ... tỉnh

Trong quá trình áp dụng tiêu chuẩn PEFC ST 2002 có yêu cầu doanh nghiệp áp dụng phải có hoạt động tham vấn ý kiến của các tổ chức liên quan đến các vấn đề về kinh tế, xã hội và môi trường, các giá trị bảo tồn cao tại khu vực mà doanh nghiệp thực hiện quá trình đánh giá rủi ro vùng cung cấp và mua nguyên liệu theo tiêu chuẩn.

Công ty chúng tôi được biết Quý Cơ Quan hoạt động trong lĩnh vực này, chúng tôi xin tham vấn ý kiến của Quý Cơ Quan với nội dung như sau: *(Xin vui lòng trả lời đến các mục mà Quý Cơ Quan phụ trách):*

1. Công ty có tuân thủ luật pháp Việt Nam hiện hành tốt hay không?
2. Các vấn đề liên quan đến xã hội và môi trường, giá trị bảo tồn hiện hữu ở các khu vực này?
3. Tại khu vực (hay lân cận gần đó) của vùng nguyên liệu có các giá trị bảo tồn cao không?
4. Hoạt động quản lý rừng trồng của các tiểu điền và các vùng nguyên liệu tại đây từ trồng, chăm sóc cho đến khai thác có ảnh hưởng đe dọa đến các giá trị bảo tồn cao (nếu có) tại đây không, cũng như cách biện pháp cần thiết để hạn chế sự ảnh hưởng đe dọa này?
5. Có người dân tộc, người bản địa đang sống trong các khu vực này không? *(Xin vui lòng liệt kê tên dân tộc đang sinh sống – nếu có)*
6. Có các vấn đề về tranh chấp hay vi phạm làm ảnh hưởng đến quyền truyền thống, tín ngưỡng người bản địa tại các khu vực vùng nguyên liệu không?
7. Có các vấn đề liên quan đến tranh chấp đất đai, xác định ranh giới chưa thể giải quyết trong khu vực hay không?
8. Các vấn đề quan trọng khác cần quan tâm trong công tác quản lý rừng (nếu có)? Có các vấn đề liên quan khiếu kiện của công ty, vùng nguyên liệu với người dân địa phương hay không?
9. Các vấn đề liên quan đến Kinh tế, những đóng góp nào mà Doanh nghiệp cần nên thực hiện để có thể phát triển địa phương, cộng đồng, người dân địa phương, các hoạt động của doanh nghiệp ảnh hưởng như thế nào đến việc phát triển kinh tế của địa phương? Các khuyến nghị (nếu có)?
10. Giống loài cây cao su đang trồng có phải là giống loài biến đổi gen hay không? Có gây hại đến dinh dưỡng đất đai hay không?

Ngoài ra, nếu Quý Cơ Quan có những khuyến nghị, ý kiến trong công tác quản lý, khai thác, sản xuất nguồn nguyên liệu mủ cao su, xin vui lòng gửi đến cho chúng tôi. Công ty chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự quan tâm và tham vấn của Quý cơ quan cho Công ty chúng tôi.

Các thông tin xin gửi về địa chỉ:

Công ty

Địa chỉ:

Đại diện: Ông – Trưởng tổ CoC.

Điện thoại: Email:

Trân trọng cảm ơn và kính chào.

NGƯỜI PHỤ TRÁCH

Nơi đến:

- Như trên.
- Lưu tổ CoC

F.05 Phiếu tham vấn

PHIẾU THAM VẤN

No.: /

Người được phỏng vấn:..... Bên liên quan:.....
Địa chỉ nơi cư trú:..... Điện thoại:.....
Địa điểm thực hiện:..... Thời gian thực hiện:.....
Người phỏng vấn/Nhóm thẩm định:

STT	CÂU HỎI	KẾT QUẢ

--	--	--

F.05.1 Gợi ý phỏng vấn

Gợi ý phỏng vấn

No.	NỘI DUNG	ĐỊA PHƯƠNG	KL	CR	LD	DÂN ĐỊA PHƯƠNG
1	Bạn có biết tên chủ rừng/ hộ trồng rừng/ người thu mua?	x	x		x	x
2	Trong khu vực này, có đất rừng/ dòng chảy tự nhiên, sông suối?	x	x			x
3	Đất của hộ trồng rừng/ chủ rừng thuộc loại đất nào” thuê, giao khoán hợp đồng?	x		x		
4	Có các hồ sơ chứng từ chứng minh nguồn gốc đất?	x	x	x		x
5	Quy trình giao đất, thuê khoán?	x	x	x		
6	When giao khoán/thuê đất rừng cho các hộ trồng rừng, địa phương có xác định ranh giới?	x	x	x		
7	Loài cây nào họ đang trồng trong khu vực?	x		x		
8	Các loài này có phù hợp thổ nhưỡng môi trường ở địa phương?	x		x		
9	Hiện nay, các chủ rừng có tranh chấp về ranh giới, chồng lấn ranh giới các bên xung quanh?	x		x		x
10	Các loại thuế, phí họ phải trả là gì?	x		x		
11	Người đại diện của địa phương có kiểm tra nguồn gốc giống loài và biến đổi gen?	x	x	x	x	x
12	Các loài cây trồng được trồng ở địa phương có được các chính sách hỗ trợ, động viên của chính quyền địa phương?	x	x	x		x
13	Phương thức trồng, chăm sóc, khai thác tái canh trồng mới?			x	x	
14	Các loại phân bón họ sử dụng? có nằm trong danh mục được phép của nhà nước?			x		
15	Độ tuổi cây được khai thác? Cách tính sản lượng khai thác?		x	x		
16	Khi khai thác, chủ rừng/ khai thác có thông báo đến địa phương?	x	x	x		
17	Kỹ thuật khai thác? Quy định khai thác? Cách thức?	x	x	x		
18	Quy định nào của phòng cháy chữa cháy rừng trồng? Làm thế nào để chữa cháy rừng trồng trong mùa khô?	x	x	x		
19	Khi mua bán lâm sản phải cung cấp những loại giấy tờ gì?		x	x		

20	Có rừng tự nhiên / khu bảo tồn / rừng phòng hộ trong khu vực này không?	x	x	x	x	x
21	Các hộ trồng rừng có giáp ranh với rừng tự nhiên / khu bảo tồn / rừng phòng hộ không?	x	x	x	x	x
22	Các hoạt động của rừng trồng có ảnh hưởng đến môi trường không?	x	x		x	x
23	Đánh giá tác động môi trường?	x	x	x		
24	Việc thu gom rác thải tại địa phương như thế nào? Bạn có tách rác thải sinh hoạt và rác thải độc hại không? Cách xử lý từng loại chất thải?			x	x	
25	Thuê lao động địa phương? Lao động trẻ em? Già đi? Hợp đồng lao động? Trả lương? Bảo hiểm?			x	x	
26	Thời gian làm việc? Công cụ làm việc? mô tả công việc?			x	x	
27	Đồ bảo hộ lao động?			x	x	
28	Thu mua lâm sản theo hợp đồng?			x		
29	Phương tiện vận chuyển? Chứng từ giao hàng? Hợp đồng vận chuyển hàng hóa?			x		
30	Có người dân tộc thiểu số / người bản địa trong khu vực? Bao nhiêu?	x		x		
31	Công việc của người dân tộc? Hỗ trợ của chính quyền địa phương / nhà nước?					
32	Quyền của các nhóm dân tộc thiểu số / người bản địa có được bảo vệ và tôn trọng không?	x	x	x	x	x
33	Tôn giáo và tín ngưỡng?	x		x		
34	Có đối xử công bằng khi thuê người dân tộc không? Nghỉ ngày lễ hội?			x	x	
35	Có những loài động thực vật nào trong khu vực? Các loài quý hiếm?		x	x	x	
36	Hoạt động thu hoạch có ảnh hưởng đến cơ sở hạ tầng giao thông không?	x				x
37	Khuyến nghị? Đóng góp cho địa phương?	x	x	x	x	x
38	Cộng đồng địa phương? Các bên liên quan bị ảnh hưởng? Quyền sử dụng đất cho người bản địa?	x	x			x
39	Các hành vi bất hợp pháp liên quan đến các hoạt động của hộ gia đình / chủ rừng / thương nhân?	x	x			x
40	Có bất kỳ khóa đào tạo nâng cao nhận thức nào về phát triển rừng trồng không? Các khóa đào tạo khác?	x	x	x		

F.06 Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty đã tham vấn/ phỏng vấn với các bên liên quan trong quá trình thực hiện đánh giá các nguồn rủi ro đáng kể theo yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC CoC và theo yêu cầu luật định của Việt Nam với nội dung như sau:

1. Vùng cung cấp:
2. Thời gian thực hiện tham vấn và lập báo cáo:
3. Người phỏng vấn/Đoàn đánh giá:
4. Danh sách người được phỏng vấn gồm có:

STT	Họ và tên	Loại hình liên quan/vị trí/chức vụ	Phương pháp tham vấn/phỏng vấn	Địa chỉ/thông tin liên lạc	Kết luận của bên tham vấn
1	Ông/Bà	Nông trường	Phỏng vấn trực tiếp ngày		Có trả lời
	Tóm tắt kết quả: .				
2	Ông/Bà	Kiểm Lâm	Phỏng vấn trực tiếp ngày		Có trả lời
	-				
5		Chủ tịch UBND xã	Phỏng vấn trực tiếp		Có trả lời
	-				
6		Kiểm lâm xã	Phỏng vấn trực tiếp		Có trả lời
	-				
8	WWF tại Huế.	Tổ chức phi chính phủ	Thư tham vấn		
9	Viện KHLN Nam Bộ	Viện Nghiên Cứu	Thư tham vấn		

10	VP. CCR Việt Nam	Tổ Chức Chính Phủ			
10	Hiệp Hội Gỗ và Lâm Sản Việt Nam	VIFORES	Thư tham vấn		
11	Sở Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn	SNNPTNT	Thư tham vấn		
12	Sở Tài Nguyên Môi Trường	STNMT	Thư tham vấn		
13	Chi cục/ hạt Kiểm Lâm	Chi cục kiểm cục Tỉnh	Thư tham vấn		

Khi tham vấn/phỏng vấn, công ty đã xác nhận với các bên liên quan các thông tin theo nội dung của tiêu chuẩn PEFC/VFCS, pháp luật Việt Nam quy định..., phục vụ cho công tác quản lý trồng chăm sóc, khai thác gỗ nguyên liệu tại các nông trường này.

Tóm Tắt Các Kết luận sau khi tham vấn:

F.07 Báo cáo đánh giá rủi ro

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO, NĂM....

(Theo các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC ST 2002 & các quy định của luật pháp Việt Nam)

A. VÙNG NGUYÊN LIỆU/ NHÀ CUNG CẤP

1. Xã/ huyện:, tỉnh, Quốc Gia:
2. Xã/ huyện:, tỉnh, Quốc Gia:
3. Xã/ huyện:, tỉnh, Quốc Gia:

Chương trình thẩm định của Công ty được thực hiện việc đánh giá sự tuân thủ của các hạng mục về các rủi ro đáng kể về nguồn gốc và chuỗi cung ứng trong tiêu chuẩn PEFC ST 2002. Chương trình đánh giá được thực hiện cho các nông trường chưa có chứng nhận bao gồm:

STT	Thông tin	Vùng khai thác ((ghi rõ xã, huyện))	Tỉnh
1			
2			
3			

Tham khảo thông tin chi tiết về nhà cung cấp và vùng nguyên liệu tại biểu mẫu: “F.01 - Danh sách Nhà cung cấp / Khu vực cung cấp - F.01”

B. DANH SÁCH NHÓM THỰC HIỆN DDS

Tham khảo thông tin chi tiết về nhóm thực hiện tại biểu mẫu: “F.02 – Danh sách nhóm thực hiện DDS”

No.	Tên	Chức vụ	Chuyên môn	Thông tin liên hệ
1				
2				

1. Thời gian và phương pháp thực hiện

- Thời gian: ThángNăm.....
- Tóm tắt Quy trình Thực hiện: (Tham khảo cách thực hiện chi tiết trong “Quy trình Đánh giá Rủi ro – cập nhật DDS”)

A. Thu thập thông tin

- Lập danh sách các nhà cung cấp / vùng nguyên liệu với thông tin về tên thương mại / tên thông thường / tên khoa học của nguyên liệu, khu vực khai thác(**F.01 - Danh sách các nhà cung cấp / vùng nguyên liệu**)
- Xác định tọa độ địa lý của đồn điền bằng bản đồ MapInfo, bản đồ địa chính, ranh giới.
- Kiểm tra hiện trường các nhà cung cấp có “rủi ro đáng kể”.
- Phỏng vấn các bên liên quan (Chính quyền địa phương, người lao động, người dân địa phương, dân tộc, nhà cung cấp, tổ chức phi chính phủ, cơ quan nhà nước,- tham khảo biểu mẫu: “**F.06 - Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan**”)
- Sử dụng dữ liệu / hồ sơ tham khảo từ các tổ chức phi chính phủ và các cơ quan chính phủ tại tỉnh
- Tổng hợp tài liệu, bằng chứng, phiếu phỏng vấn / tham vấn.

B. Đánh giá rủi ro

- Tổ chức / công ty phân loại Đầu vào thành 03 nhóm “rủi ro không đáng kể”, “rủi ro đáng kể” và “Nhóm khác” như sau:
 - Nguồn không đáng kể
 - Nguồn có rủi ro đáng kể
 - Khác: Nguồn hợp pháp - Khái niệm “Tài liệu khác” theo định nghĩa của PEFC.

Tổ chức thực hiện đánh giá rủi ro dựa trên các chỉ số về rủi ro nguồn gốc và cấp độ chuỗi cung ứng cho “Rủi ro đáng kể”.

Bảng 1: Danh sách các chỉ số có rủi ro không đáng kể

Các chỉ số
a) Vùng nguyên liệu cung cấp được khai báo đã được chứng nhận về quản lý rừng hoặc chuỗi hành trình sản phẩm bởi một hệ thống chứng nhận khác (không phải do PEFC công nhận) và đã được tổ chức chứng nhận bên thứ ba công nhận. b) Các nguồn cung được xác minh bởi các tổ chức được cấp phép hoặc xác minh của chính phủ hoặc tổ chức phi chính phủ, ngoài các hệ thống chứng nhận rừng, đề cập đến các hoạt động nguồn gây tranh cãi. <i>Nhóm thực hiện phải cung cấp phải cung cấp bằng chứng / bằng chứng liên quan và diễn giải các nội dung liên quan đến các chỉ số của đánh giá rủi ro.</i> <i>- kiểm tra tính hợp lệ của khai báo / yêu cầu về tình trạng được chứng nhận của nhà cung cấp so với các yêu cầu của chương trình liên quan.</i> <i>- phải có thể cung cấp bằng chứng rằng chương trình chứng nhận bao gồm:</i> <i>(a) chứng chỉ của bên thứ ba về quản lý rừng bao gồm các hoạt động được xác định bởi thuật ngữ các nguồn gây tranh cãi,</i> <i>(b) chứng nhận của bên thứ ba về chuỗi hành trình sản phẩm và,</i> <i>(c) một cơ chế xác minh rằng nguyên liệu thô không được chứng nhận không bắt nguồn từ các nguồn gây tranh cãi, nơi áp dụng các công bố dựa trên tỷ lệ phần trăm</i> c) Những nguồn cung cấp có đi kèm với những tài liệu xác minh mà có thể dễ dàng xác định được: - Quốc gia khai thác và / hoặc khu vực địa phương nơi khai thác gỗ, trong đó Chỉ số nhận thức tham nhũng (CPI) của Tổ chức minh bạch quốc tế (TI) cao hơn 50, hoặc Chỉ số luật pháp (mức độ thực thi luật pháp) của WJP (dự án tư pháp thế giới) cao hơn 0,5 và - Tên thương mại và loại sản phẩm, tên thông thường của loài cây, và tên khoa học nếu có. - Tất cả các nhà cung cấp trong cùng một chuỗi cung ứng và - Khu vực nơi xuất xứ của nguồn cung cấp đó. - Các chứng từ hoặc thỏa thuận hợp đồng tuân thủ những quy định liên quan tới các hoạt động được định nghĩa tại “nguồn gây tranh cãi”

Bảng 2: Danh sách các chỉ số rủi ro đáng kể ở cấp độ nguồn gốc

Các chỉ số	Tài liệu tham khảo, ví dụ và giải thích
<i>a. Các hoạt động không tuân thủ luật pháp địa phương, quốc gia hoặc quốc tế về quản lý rừng; bảo vệ thiên nhiên và môi trường; các loài được bảo vệ và có nguy cơ tuyệt chủng; tài sản, quyền sử dụng đất cho người bản địa, cộng đồng địa phương hoặc các bên liên quan khác; sức khỏe, lao động và an toàn; tham nhũng và trả tiền bản quyền và thuế.</i>	<u>Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro</u> Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan 1. Hoạt động và khai thác rừng, bao gồm bảo tồn đa dạng sinh học và chuyển rừng sang mục đích sử dụng khác; quản lý các khu vực có giá trị cao về môi trường và văn hóa; các loài được bảo vệ và có nguy cơ tuyệt chủng, bao gồm các yêu cầu của Công ước CITES 2. Các vấn đề sức khỏe và lao động liên quan đến công nhân khai thác 3. Tài sản, quyền sở hữu và quyền sử dụng của người bản địa và bên thứ ba 4. Thanh toán thuế và tiền bản quyền 5. Thương mại và hải quan, liên quan đến ngành lâm nghiệp
i. Chỉ số Nhận thức Tham nhũng (CPI) của quốc gia thấp hơn 50 hoặc Chỉ số luật pháp -WJP của quốc gia thấp hơn 0,5.	(i) TI CPI được trình bày tại www.transparency.org.
ii. Quốc gia/vùng lãnh thổ có sự quản lý lâm nghiệp hoặc thực thi các biện pháp lâm nghiệp còn yếu.	(ii) Từ điểm TI CPI ở trên, nhóm thực hiện có thể đưa ra các khuyến nghị về việc thực thi pháp luật ở Việt Nam
iii. Những loài cây của các nguyên liệu/sản phẩm được coi như là những loài liên quan được đề cập trong phần định nghĩa “nguồn gốc tranh cãi”	(iii) Các bằng chứng từ sự tham vấn của các bên liên quan (phỏng vấn trực tiếp hoặc thư tham vấn) sẽ hỗ trợ kết luận rằng các loài cây đang được trồng trong khu vực cung cấp.
iv. Đất nước chịu các lệnh trừng phạt của Liên Hợp Quốc, EU hoặc chính phủ quốc gia hạn chế xuất / nhập khẩu các sản phẩm từ rừng và gỗ.	(iv) Căn cứ vào các Hiệp định (như EUTR) mà Việt Nam đã ký kết với các nước để xác định tính phù hợp. - Bảng kê lâm sản TT. 27/2018/TT-BNNPTNT hiệu lực từ 1/1/2019) - F.0 – Chính sách Chuỗi hành trình sản phẩm - F.03 – Danh sách các luật áp dụng - F.04 – Thư tham vấn - F.05 – Phiếu tham vấn. - F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý) - F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan

	<u>Lưu ý: nếu một trong các vấn đề / nội dung được trình bày không phù hợp, danh mục này là rủi ro đáng kể.</u>
<u>Kết quả:</u>	
<i>b. Các hoạt động liên quan đến bền vững của rừng sản xuất (gỗ và lâm sản ngoài gỗ) không được duy trì hoặc mức độ khai thác vượt quá tốc độ có thể được duy trì trong dài hạn.</i> i. Theo dữ liệu công khai, chẳng hạn như Đánh giá tài nguyên rừng FAO, lượng khai thác gỗ tròn công nghiệp hàng năm vượt quá mức tăng hàng năm của trữ lượng tăng trưởng của quốc gia / khu vực xuất xứ.	<u>Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro</u> Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan - Hồ sơ trồng rừng - Hồ sơ khai thác - Đánh giá tác động môi trường - F.0 – Chính sách Chuỗi hành trình sản phẩm - F.03 – Danh sách các luật áp dụng - F.04 – Thư tham vấn - F.05 – Phiếu tham vấn. - F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý) - F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan
<u>Kết quả:</u>	
<i>c. Các hoạt động quản lý rừng không góp phần duy trì, bảo tồn hoặc tăng cường đa dạng sinh học về cảnh quan, hệ sinh thái, loài hoặc mức độ di truyền.</i> <i>d) Các khu vực rừng quan trọng về mặt sinh thái không được xác định, bảo vệ, bảo tồn hoặc bị bỏ qua.</i> i. Chỉ số Hiệu suất Môi trường (EPI) cho Đa dạng sinh học & Môi trường sống của đất nước thấp hơn 50. Trong trường hợp không có chỉ số EPI nào, các chỉ số khác có thể được sử dụng, chẳng hạn các yếu tố gây tranh cãi c và d, kết hợp với bằng chứng thực thi pháp luật đáng tin cậy (điểm TI CPI > 50, hoặc điểm số WJP (Rules of Law) > 0,5)	<u>Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro</u> Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan - Hồ sơ trồng rừng - Hồ sơ khai thác - Đánh giá tác động môi trường - F.0 – Chính sách Chuỗi hành trình sản phẩm - F.03 – Danh sách các luật áp dụng - F.04 – Thư tham vấn - F.05 – Phiếu tham vấn. - F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý) - F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan - Kiểm tra EPI trên trang web: https://earthdata.nasa.gov
<u>Kết quả:</u>	
<i>e) Các hoạt động chuyển đổi rừng xảy ra, ngoài các trường hợp hợp lý khi chuyển đổi:</i> v. <i>is in compliance with national and regional policy and legislation applicable for land use and forest management; and</i> vi. <i>không có tác động tiêu cực đến các khu vực rừng quan trọng về mặt sinh thái, các khu vực có ý nghĩa về văn hóa và xã hội hoặc các khu vực được bảo vệ khác; và</i>	<u>Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro</u> Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan - Hồ sơ trồng rừng - Hồ sơ khai thác - Đánh giá tác động môi trường - F.0 – Chính sách Chuỗi hành trình sản phẩm - F.03 – Danh sách các luật áp dụng

vii. không phá hủy các khu vực có trữ lượng carbon cao đáng kể; và viii. đóng góp cho bảo tồn lâu dài, lợi ích kinh tế và / hoặc xã hội.	- F.04 – Thư tham vấn - F.05 – Phiếu tham vấn. - F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý) - F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan
i. Quốc gia / khu vực được xác định là đã mất diện tích rừng > 1% trong mười năm gần nhất, theo dữ liệu/ thông tin công khai, như FAO cung cấp.	
ii. Ở quốc gia / khu vực, diện tích có chuyển đổi từ rừng sang rừng trồng vượt quá mức tăng diện tích rừng của quốc gia / khu vực hoặc thông tin công khai, như FAO cung cấp.	
Kết quả	
f) Các hoạt động về Nguyên tắc và Quyền cơ bản tại nơi làm việc (1998) - ILO không được đáp ứng.	<u>Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro</u> Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan - Các vấn đề sức khỏe và lao động liên quan đến công nhân lâm nghiệp: Danh sách công nhân (hoặc bảng lương), Mẫu hợp đồng lao động, Nội quy lao động..). - F.0 – Chính sách Chuỗi hành trình sản phẩm - F.03 – Danh sách các luật áp dụng - F.04 – Thư tham vấn - F.05 – Phiếu tham vấn. - F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý) - F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan - Các Hiệp định (như ILO) mà Việt Nam đã ký kết, cam kết tuân thủ với các nước khác.
<u>Kết quả:</u>	
g) Các hoạt động của Liên hợp quốc về quyền của người bản địa (2007) không được đáp ứng.	<u>Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro</u> Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan - Tài sản, quyền sở hữu và quyền sử dụng của người bản địa và bên thứ ba: thông tư / chính sách hỗ trợ người bản địa, - F.0 – Chính sách Chuỗi hành trình sản phẩm - F.03 – Danh sách các luật áp dụng - F.04 – Thư tham vấn - F.05 – Phiếu tham vấn. - F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý)

	- F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan -
<u>Kết quả</u>	
<i>h) Nguồn gỗ gây tranh cãi</i>	<u>Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro</u> Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan - Bảng kê lâm sản - F.01 – Danh sách nhà cung cấp/ vùng nguyên liệu. - F.03 – Danh sách các luật áp dụng - F.04 – Thư tham vấn - F.05 – Phiếu tham vấn. - F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý) - F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan
<u>Kết quả</u>	
<i>i) Các giống loài biến đổi gen</i>	<u>Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro</u> Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan - Bảng kê lâm sản - F.01 – Danh sách nhà cung cấp/ vùng nguyên liệu. - F.03 – Danh sách các luật áp dụng - F.04 – Thư tham vấn - F.05 – Phiếu tham vấn. - F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý) - F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan
Kết Quả	

Bảng 3: Danh sách các chỉ số rủi ro đáng kể ở cấp độ chuỗi cung ứng

Các chỉ số	Tài liệu tham khảo, ví dụ và giải thích
a) Các quốc gia / khu vực nơi các sản phẩm đã được giao dịch không xác định.	<u>Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro</u> Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan - Bảng kê lâm sản - F.01 – Danh sách nhà cung cấp/ vùng nguyên liệu. - F.03 – Danh sách các luật áp dụng - F.04 – Thư tham vấn - F.05 – Phiếu tham vấn. - F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý) - F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan - Giấy phép Nhập- Xuất Khẩu (nếu có)

<u>Kết quả:</u>	
b) Những loài trong sản phẩm chưa được xác định.	<u>Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro</u> Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan - <i>Bảng kê lâm sản</i> - <i>F.01 – Danh sách nhà cung cấp/ vùng nguyên liệu.</i> - <i>F.03 – Danh sách các luật áp dụng</i> - <i>F.04 – Thư tham vấn</i> - <i>F.05 – Phiếu tham vấn.</i> - <i>F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý)</i> - <i>F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan</i> -
Kết quả	
c) Có bằng chứng về những hành động vi phạm pháp luật của bất cứ một công ty nào trong chuỗi cung cấp.	<u>Các đề xuất để thực hiện đánh giá rủi ro</u> Nhóm thực hiện cần thu thập các bằng chứng liên quan - <i>F.04 – Thư tham vấn</i> - <i>F.05 – Phiếu tham vấn.</i> - <i>F.05.1 – Câu hỏi tham vấn (gợi ý)</i> - <i>F.06 – Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan</i>
Kết quả	

C. Các điểm quan ngại và quản lý các rủi ro đáng kể

- Nhóm đánh giá sẽ thiết lập một chương trình xác minh của bên thứ hai hoặc thứ ba đối với các nguồn cung cấp được phân loại là “rủi ro đáng kể”. Chương trình xác minh sẽ bao gồm:
 - a. ***Xác định toàn bộ chuỗi cung ứng và (các) khu vực rừng: “F.02 - Danh sách các nhà cung cấp / vùng nguyên liệu”.***
 - b. ***Đánh giá hiện trường:*** Nhóm đánh giá phải thực hiện việc kiểm tra hiện trường đối với các nhà cung cấp/ vùng nguyên liệu có “rủi ro đáng kể”. Người phụ trách nhóm đánh giá ghi lại kết quả của chương trình xác minh theo mẫu: ***“F.06 - Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan”***
 - c. ***Các biện pháp kiểm soát:*** Các chỉ số rủi ro đáng kể liên quan đến xuất xứ và chuỗi cung ứng do công ty / tổ chức xây dựng với các biện pháp kiểm soát dựa trên các yêu cầu của PEFC, luật pháp Việt Nam hiện hành và do chính công ty thực hiện. Các biện pháp kiểm soát này được tư vấn và hỗ trợ bởi các bên liên quan và các chuyên gia kỹ thuật. Họ sẽ dựa trên các hoạt động kinh doanh liên quan đến 3 lĩnh vực Kinh tế - Xã hội - Môi trường. Đoàn đánh giá sẽ kiểm tra lại hiện trường để kiểm tra tính phù hợp và hiệu quả.

Hạng mục: Hoạt động lâm nghiệp và khai thác, bao gồm bảo tồn đa dạng sinh học; quản lý các khu vực có giá trị văn hóa và môi trường cao được chỉ định; các loài được bảo vệ và có nguy cơ tuyệt chủng, bao gồm cả yêu cầu của Công ước CITES.		
Các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
- Tài liệu liên quan đến quyền sở hữu/ quyền sử dụng đất - Thỏa thuận hợp đồng, giao khoán. - Các cam kết của tổ chức về việc tuân thủ hoạt động lâm nghiệp và khai thác. - Các kế hoạch khai thác được chấp thuận - Các quy tắc ứng xử (nếu có) - thông tin (có sẵn) công khai thể hiện sự giám sát chặt chẽ về luật pháp và quy trình kiểm soát và theo dõi. - Ngành lâm nghiệp không gắn với xung đột vũ trang bạo lực, bao gồm đe dọa an ninh quốc gia hoặc khu vực và / hoặc liên quan đến kiểm soát quân sự. Tài liệu được ban hành chính thức bởi các cơ quan có thẩm quyền tại một quốc gia khai thác: - Đánh giá tác động môi trường. - Các kế hoạch quản lý môi trường. - Báo cáo đánh giá tác động môi trường. - Báo cáo kiểm kê rừng - Giấy phép xuất khẩu CITES. - Có những cá nhân hoặc tổ chức có liên quan đến ngành lâm nghiệp đang phải đối mặt với	<u>Luật áp dụng hiện hành</u> 45/2013/QH13 43/2014/NĐ-CP 83/2010/NĐ-CP 168/2016/NĐ-CP 23/2014/TT-BTNMT 02/2015/TT-BTNMT 30/2014/TT-BTNMT 11/VBHN-BTNMT 72/2020/QH14 27/2015/TT-BTNMT	
	<u>Kế hoạch quản lý khai thác và vận chuyển:</u> 16/2017/QH14 117/2010/ND-CP 2-CP 27/2018/TT-BNNPTNT 07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT 38/2007/TT-BNN 20/VBHN-BNNPTNT 28/2018/TT-BNNPTNT 330/2016/TT-BTC 37/2014/TT-BCT 17/2015/QĐ-TTg 49/2016/QĐ-TTg 2242/QĐ-TTg 178/2001/QĐ-TTg 107/2007/QĐ-BNN - QPN/14-92 (200/QĐ-KT) 20/VBHN-BNNPTNT 2198/CNR	-

lệnh trừng phạt của Liên Hợp Quốc?		
Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của công ty:		
1. <u>Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC:</u>		
2. <u>Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành:</u>		
3. <u>Đối với các biện pháp kiểm soát của công ty</u>		
Hạng mục: An toàn lao động sức khỏe		
Các yêu cầu của PEFC	Các yêu cầu luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
(a) Các quyền tự do lập hội và thương lượng tập thể có được tôn trọng? (b) Có bằng chứng xác nhận không sử dụng lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc lao động? (c) Có bằng chứng không sử dụng lao động trẻ em? (d) Có bằng chứng xác nhận không phân biệt đối xử trong việc làm và/hoặc nghề nghiệp, và/ hoặc giới tính? (e) điều kiện làm việc không đảm bảo an toàn lao động sức khỏe? (f) là nước ký kết các công ước tổ chức lao động quốc tế ILO	• ILO Declaration on Fundamental Principles and Rights at Work in 1998 • 10/2012/QH13 • 58/2014/QH13 • 46/2014/QH13 • 45/2013/ND-CP • 43/2013/ND-CP • 27/2013/TT-BLĐTBXH • 11/2020/TT-BLĐTBXH • 26/2013/TT-BLĐTBXH • 05/2012/TT-BLĐTBXH • 06/2014/TT-BLĐTBXH • 04/2014/TT-BLĐTBXH • 54/2015/TT-BLĐTBXH • 136/2020/ND-CP	-
Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của công ty:		
1. <u>Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC:</u>		
2. <u>Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành:</u>		
3. <u>Đối với các biện pháp kiểm soát của công ty</u>		
-		

Hạng mục: Quyền người bản địa (người dân địa phương), tài sản, quyền sở hữu đất đai của người dân tộc		
Các yêu cầu của PEFC	Các yêu cầu luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
- Các Đánh giá tác động môi trường. - Kế hoạch quản lý môi trường. - Báo cáo kiểm tra môi trường - Các thỏa thuận trách nhiệm xã hội? - Có người bản địa và/ hoặc các dân tộc truyền thống trong khu vực được đánh giá không? - Có dấu hiệu vi phạm các quyền hợp pháp và tập quán của người bản địa/ các dân tộc truyền thống không? - Có các quy định trong Công ước ILO 169 và UNDRIP được thi hành trong khu vực có liên quan không? - Có bất kỳ luật, quy định, hoặc quy trình được công nhận nào để giải quyết các mâu thuẫn đáng kể về quyền người bản địa hoặc các dân tộc truyền thống hoặc các cộng đồng có quyền truyền thống không? - Việc giải quyết xung đột được chấp thuận rộng rãi bởi các bên liên quan có hợp lý và công bằng không?	• 178/2001/QĐ-TTg • 45/2014/NĐ-CP • 28/2018/TT-BNNPTNT • 11/VBHN-BTNMT • 72/2020/QH14 • 27/2015/TT-BTNMT	-
Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của công ty: 1. <u>Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC:</u> 2. <u>Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành:</u> 3. <u>Đối với các biện pháp kiểm soát của công ty</u>		
Hạng mục: Thuế GTGT & các loại thuế doanh thu khác		
Các yêu cầu của PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức

Phải lưu giữ các hồ sơ về thuế phí trong hoạt động của công ty	• 45/2009/QH12 • 32/2013/QH13 • 71/2014/QH13 • 106/2016/QH13 • 50/2010/ND-CP • 92/2015/TT-BTC • 12/VBHN-BTC • 57/VBHN-BTC • 20/VBHN-BTC • 45/2014/ND-CP • 46/2014/ND-CP • 45/2021/TT-BTC • 205/2013/TT-BTC	
Thương mại và thủ tục hải quan		
Các yêu cầu của PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
Tổ chức phải lưu giữ: - Các hợp đồng mua bán - Các chứng từ tài chính ngân hàng, hoạt động thương mại, - Giấy phép xuất nhập khẩu (nếu có) - Các hóa đơn chứng từ xuất nhập. - Danh sách các quốc gia, công ty bị cấm xuất nhập khẩu. - Quota xuất khẩu	• 59/2020/QH14 • 12/2012/QH13 • 61/2020/QH14 • 1/2021/ND-CP • 17/2010/ND-CP • 29/2014/ND-CP • 31/2020/ND-CP • 66/2010/TT-BTC • 04/2015/TT-BNNPTNT • 04/2014/TT-BCT • 08/2015/ND-CP • 13/2014/TT-BTC	
Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của công ty: 1. <u>Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC:</u> 2. <u>Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành:</u> 3. <u>Đối với các biện pháp kiểm soát của công ty</u> -		
Việc sử dụng loài biến đổi gen		
Các yêu cầu của PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
- Giấy phép xuất khẩu - Nhận định rõ ràng loài	• 118/2020/ND-CP • 69/2009/TT-BNNPTNT • 72/2009/TT-BNNPTNT • 21/2012/TT-BKHCN • 08/2013/TT-BTNMT	

	04/VBHN-BNNPTNT	
Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của công ty: <u>Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC:</u>		
2. <u>Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành:</u>		
3. <u>Đối với các biện pháp kiểm soát của công ty</u>		
-		
Chuyển đổi rừng tự nhiên thành rừng trồng hay từ rừng sang trồng hoa màu (cây nông nghiệp).		
Các yêu cầu của PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
Yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC: không được chuyển đổi từ rừng tự nhiên sang rừng trồng hoặc mục đích sử dụng ngoài rừng Nếu chuyển đổi phải có các bằng chứng thể hiện tính hợp lý khi chuyển đổi	20/2008/QH12 10/2014 / TT-BNNPTNT 1976/QĐ-TTg 27/2018/TT-BNNPTNT 11/VBHN-BTNMT 72/2020/QH14 27/2015/TT-BTNMT	
Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của công ty: <u>Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC:</u>		
2. <u>Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành:</u>		
3. <u>Đối với các biện pháp kiểm soát của công ty</u>		
-		

VII. CÁC TRƯỜNG HỢP MINH HỌA

1. Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Thuận(Lâm sản ngoài gỗ)
2. Công ty TNHH Ngọc Giàu (Sản phẩm: Gỗ xẻ thanh và gỗ ghép)

DANH SÁCH
NHÓM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH THẨM ĐỊNH (DDS) 2020

Stt	Tên đánh giá viên	Vị trí	Năng lực chuyên môn	Thông tin liên lạc
1.	Phạm Văn Cường	Trưởng phòng QLKT	Kỹ sư Nông học	0384881363
2.	Lâm Tý Phụng	Phó phòng QLKT	Kỹ sư Nông học, Trung cấp Lâm sinh	0919097339
3.	Trần Uyên Ca	Phó GD XNCB	Thạc sỹ Quản lý môi trường, Cử nhân môi trường	0979429843
4.	Võ Văn Thành	NV Phòng QLCL	Cử nhân CNSH	0983560821
5.	Đàm Tuấn	NV Phòng TTBVQS	Cử nhân Luật	0937601163
6.	Nguyễn Thanh Vũ	NV Phòng Hành chính	Cử nhân Đông phương học, Cử nhân Quản trị kinh doanh	0977199448
7.	Nguyễn Thị Hằng	NV XNCB	Cử nhân môi trường	0937576636

Bình Thuận, ngày 23 tháng 10 năm 2020

TỔ TRƯỞNG TỔ CQC CÔNG TY



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM NGUYỄN KHANG

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
C.TY TNHH MTV CAO SU BÌNH THUẬN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *MTT* /CSBT-CoCBình Thuận, ngày *31* tháng 12 năm 2020**BÁO CÁO**

Đánh giá rủi ro nguồn mù nguyên liệu khai thác từ các nông trường năm 2020
(Theo các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC ST 2002:2020 và các quy định của luật pháp Việt Nam)

A. Các yêu cầu của chương trình thẩm định tại:

1. Xã Gia Huynh, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.
2. Xã Suối Kiết, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Những yêu cầu đặc biệt: Chương trình thẩm định của Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Thuận được thực hiện việc đánh giá sự tuân thủ của các hạng mục về các rủi ro đáng kể về nguồn gốc và chuỗi cung ứng trong tiêu chuẩn PEFC ST 2002:2020. Chương trình đánh giá được thực hiện cho các nông trường bao gồm:

Stt	Nông trường	Địa điểm khai thác (ghi rõ xã, huyện)	Tỉnh
1	Thuận Đức	Xã Đức Hạnh, thị trấn Đức Tài, xã Nam Chính, xã Vũ Hòa, thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh	Bình Thuận
2	Thuận Tân	Xã Trà Tân, xã Tân Hà, huyện Đức Linh; Xã Gia Huynh, huyện Tánh Linh	Bình Thuận
3	Gia Huynh	Xã Gia Huynh, huyện Tánh Linh	Bình Thuận
4	Sông Giêng	Xã Suối Kiết, huyện Tánh Linh	Bình Thuận

I. Danh sách đoàn thẩm định

Thành phần tham gia vào quá trình thẩm định:

Stt	Họ và tên	Vị trí	Năng lực chuyên môn	Điện thoại
1.	Phạm Văn Cường	Trưởng phòng QLKT	Kỹ sư Nông học	0384881363
2.	Lâm Tý Phụng	Phó phòng QLKT	Kỹ sư Nông học, Trung cấp Lâm sinh	0919097339
3.	Trần Uyên Ca	Phó GD XNCB	Ths Quản lý môi trường, CN môi trường	0979429843
4.	Võ Văn Thành	NV Phòng QLCL	Cử nhân CNSH	0983560821
5.	Đàm Tuấn	NV Phòng TTBVQS	Cử nhân Luật	0937601163

6.	Nguyễn Thanh Vũ	NV Phòng Hành chính	CN Đông phương học, CN QTKD	0977199448
7.	Nguyễn Thị Hằng	NV XNCB	Cử nhân môi trường	0937576636

II. Thời gian và phương pháp thẩm định

1. Thời gian: Tháng 09 - 10 năm 2020.

2. Quá trình thực hiện

a. Thu thập thông tin:

- Lập danh sách các nông trường với các thông tin về tên thương mại của nguyên liệu, tên thương và tên khoa học của loài cây, khu vực khai thác.
- Xác định tọa độ địa lý của khu rừng trồng bằng hệ thống bản đồ mapinfo, bản đồ địa chính, hàng rào.
- Tiến hành đánh giá hiện trạng tại các nông trường.
- Phòng vấn các bên liên quan (Chính quyền địa phương, Giám đốc nông trường, Trưởng các phòng, người lao động và người dân địa phương ...)
- Sử dụng dữ liệu từ tham vấn các tổ chức phi chính phủ và tổ chức thuộc chính phủ cơ quan thuộc tỉnh Bình Thuận năm 2020.
- Tổng hợp các hồ sơ bằng chứng, phiếu phỏng vấn các bên liên quan và kết luận.

b. Đánh giá rủi ro:

- Hiện nay, Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Thuận đang quản lý 04 nông trường bao gồm:
 - o Nông trường Thuận Đức
 - o Nông trường Thuận Tân
 - o Nông trường Gia Huynh
 - o Nông trường Sông Giêng
- Ngoài ra, công ty cũng tiến hành thu mua nguyên liệu ở các hộ tiểu điền.
- Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Thuận phân loại 03 nguồn nguyên liệu đầu vào thành 02 nhóm “rủi ro không đáng kể” và “rủi ro đáng kể” như sau:
 - o Nguồn nguyên liệu có chứng nhận VFCS/PEFC – nguồn rủi ro không đáng kể: NT Thuận Đức và NT Thuận Tân.
 - o Nguồn nguyên liệu chưa có chứng nhận – làm hệ thống thẩm định: NT Gia Huynh và NT Sông Giêng.
 - o Nguồn thu mua tiểu điền: mù hợp pháp – nguyên liệu khác theo định nghĩa PEFC.
- Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận đánh giá rủi ro ở cấp độ rủi ro nguồn gốc và rủi ro ở chuỗi cung ứng cho các nguồn nguyên liệu từ các nông trường chưa được chứng nhận: NT Gia Huynh và NT Sông Giêng.
- Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận trong quá trình đánh giá rủi ro các chỉ số trong danh sách các “rủi ro đáng kể” và “rủi ro không đáng kể” đã tiến hành tham vấn các bên liên quan, hình thức tham vấn của công ty được thực hiện bằng 02 hình thức tham vấn trực tiếp và tham vấn gián tiếp, xem thêm: **Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan.**

I. Danh sách các chỉ số “rủi ro không đáng kể” ở cấp độ nguồn gốc và chuỗi cung ứng

Các chỉ số
a) Các nông trường cung cấp được khai báo đã được chứng nhận về quản lý rừng hoặc chuỗi hành trình sản phẩm bởi một hệ thống chứng nhận khác (không phải do PEFC công nhận) và đã được tổ chức chứng nhận bên thứ ba công nhận. b) Các nguồn cung được xác minh bởi các tổ chức được cấp phép hoặc xác minh của chính phủ hoặc tổ chức phi chính phủ, ngoài các hệ thống chứng nhận rừng, đề cập đến các hoạt động nguồn gây tranh cãi. Hiện nay, công ty đang có 02 nông trường có chứng nhận VFCS/PEFC: NT Thuận Đức và NT Thuận Tân, do đó 02 nông trường này có chỉ số rủi ro không đáng kể. Xem thêm: Danh sách các nông trường. c) Những nguồn cung cấp có đi kèm với những tài liệu xác minh mà có thể dễ dàng xác định i. Quốc gia khai thác và / hoặc khu vực địa phương nơi khai thác gỗ, trong đó Chỉ số nhận thức tham nhũng (CPI) của Tổ chức minh bạch quốc tế (TI) cao hơn 50, hoặc Chỉ số luật pháp (mức độ thực thi luật pháp) của WJP (dự án tư pháp thế giới) cao hơn 0,5 và ii. Tên thương mại và loại sản phẩm, tên thông thường của loài cây, và tên khoa học nếu có. iii. Tất cả các nhà cung cấp trong cùng một chuỗi cung ứng và iv. Khu vực nơi xuất xứ của nguồn cung cấp đó. v. Các chứng từ hoặc thỏa thuận hợp đồng tuân thủ những quy định liên quan tới các hoạt động được định nghĩa tại “nguồn gây tranh cãi” Không áp dụng N/A

II. Danh sách các chỉ số “rủi ro đáng kể” ở cấp độ nguồn gốc

Các chỉ số	Mức rủi ro
a. Các hoạt động không tuân thủ luật pháp địa phương, quốc gia hoặc quốc tế về quản lý rừng; bảo vệ thiên nhiên và môi trường; các loài được bảo vệ và có nguy cơ tuyệt chủng; tài sản, quyền sử dụng đất cho người bản địa, cộng đồng địa phương hoặc các bên liên quan khác; sức khỏe, lao động và an toàn; tham nhũng và trả tiền bản quyền và thuế. Các nông trường: Gia Huynh, Sông Giêng trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Thuận luôn tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế liên quan, công ty đã công bố Chính Sách Chuỗi Hành Trình Sản Phẩm để cam kết việc tuân thủ các điều khoản trong tiêu chuẩn PEFC – CoC, ngoài ra công ty cũng thực hiện nhiều biện pháp, hoạt động để chứng minh việc công ty tuân thủ các quy định của tiêu chuẩn. Xem thêm: Chính Sách Chuỗi Hành Trình Sản Phẩm và mục Quản Lý Rủi Ro – BCDGRR	Rủi ro không đáng kể.

Các chỉ số	Mức rủi ro
i. Chỉ số Nhận thức Tham nhũng (CPI) của quốc gia thấp hơn 50 hoặc Chỉ số luật pháp -WJP của quốc gia thấp hơn 0,5. Hiện nay, theo đánh giá của các tổ chức Quốc Tế chỉ số CPI của Việt Nam thấp hơn 50.	Rủi ro đáng kể
ii. Quốc gia/vùng lãnh thổ có sự quản lý lâm nghiệp hoặc thực thi các biện pháp lâm nghiệp còn yếu. Do chỉ số Nhận thức tham nhũng của Việt Nam thấp hơn 50 theo sự đánh giá của các tổ chức Quốc Tế, do đó có khả năng việc quản lý lâm nghiệp hoặc tuân thủ các quy định của lâm nghiệp còn yếu. Do đó, công ty TNHH MTV Cao Su Bình Thuận vẫn tự xác định có rủi ro đáng kể ở hạng mục này, công ty sẽ đề ra các biện pháp để giảm thiểu rủi ro.	Rủi ro đáng kể
iii. Những loài cây của các nguyên liệu/sản phẩm được coi như là những loài liên quan được đề cập trong phần định nghĩa "nguồn gốc tranh cãi" Các nông trường: Gia Huynh, Sông Giêng trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Thuận chỉ trồng, chăm sóc, khai thác, thanh lý cây cao su, theo CITES, cây cao su không nằm trong danh mục các loài động thực vật quý hiếm hoặc cần phải bảo tồn.	Rủi ro không đáng kể
iv. Đất nước chịu các lệnh trừng phạt của Liên Hợp Quốc, EU hoặc chính phủ quốc gia hạn chế xuất / nhập khẩu các sản phẩm từ rừng và gỗ. Việt Nam không nằm trong danh sách cấm vận của tổ chức LHQ hoặc các quốc gia khác.	Rủi ro không đáng kể
b. Các hoạt động liên quan đến bền vững của rừng sản xuất (gỗ và lâm sản ngoài gỗ) không được duy trì hoặc mức độ khai thác vượt quá tốc độ có thể được duy trì trong dài hạn. i. Theo dữ liệu công khai, chẳng hạn như Đánh giá tài nguyên rừng FAO, lượng khai thác gỗ tròn công nghiệp hàng năm vượt quá mức tăng hàng năm của trữ lượng tăng trưởng của quốc gia / khu vực xuất xứ. Năm 2019, nông trường Gia Huynh có diện tích khai thác thanh lý khoảng 44,09 ha/ 812,35ha và nông trường Sông Giêng thanh lý 66,33ha/ 1345,32 hha , không quá 10% diện tích của các nông trường, hoạt động thanh lý này tùy theo độ tuổi của cây mà các nông trường thống kê về Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Thuận để báo cáo tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam cho thanh lý, và sau đó Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận sẽ thực hiện việc tái canh trồng mới trên diện tích đã thanh lý.	Rủi ro không đáng kể
c. Các hoạt động quản lý rừng không góp phần duy trì, bảo tồn hoặc tăng cường đa dạng sinh học về cảnh quan, hệ sinh thái, loài hoặc mức độ di truyền.	Rủi ro đáng kể

Các chỉ số	Mức rủi ro
<i>d) Các khu vực rừng quan trọng về mặt sinh thái không được xác định, bảo vệ, bảo tồn hoặc bị bỏ qua.</i> Hiện nay, hoạt động trồng cây cao su tại các nông trường của Công ty TNHH MTV cao su Bình Thuận không có sự đa dạng sinh học vì khi đến tuổi khai thác, cây cao su sẽ khép tán, không có loài cây nào có thể phát triển dưới tán lá cao su, về đặc tính tự nhiên do cây cao su cần nhiều ánh sáng và nhiều chất dinh dưỡng nên các loại cây khác khó cạnh tranh với nó. Bên cạnh đó, cây cao su cũng không có tính chất hấp dẫn các loại sinh vật như chim chóc, các động vật hay sinh sống trong rừng nên hệ sinh thái của nó cũng đơn lẻ. Nhìn qua, về tự nhiên, hệ sinh thái rừng cao su khá nghèo nàn cả về sinh vật sản xuất lẫn sinh vật tiêu thụ. Chỉ có một số ít các loại cây bụi, cây nhỏ sinh sống được dưới rừng cao su. Động vật cũng ít, chủ yếu là mối, muỗi, sâu,.... Chuỗi thức ăn và các quá trình sinh học trong hệ sinh thái rừng cao su cũng hạn chế hơn do hệ sinh thái quá đơn lập. Về mặt xã hội, để đạt hiệu quả cao thì khi trồng cây cao su, các nông trường đã phát hết các loại cây trên diện tích đất đó để cho cây cao su sinh trưởng mạnh mẽ. Sau đó, vì việc khai thác cây cao su thì phải đi lại dưới tán cây hàng ngày nên cũng phải giữ môi trường sinh thái đơn lẻ đó để dễ dàng khai thác. Điều đó phần nào làm cho hệ sinh thái ở các rừng cao su có độ đa dạng sinh học thấp và phần nào đe dọa đến môi trường sống ở các vùng xung quanh.	
<i>i. Chỉ số Hiệu suất Môi trường (EPI) cho Đa dạng sinh học & Môi trường sống của đất nước thấp hơn 50. Trong trường hợp không có chỉ số EPI nào, các chỉ số khác có thể được sử dụng, chẳng hạn các yếu tố gây tranh cãi c và d, kết hợp với bằng chứng thực thi pháp luật đáng tin cậy (điểm TI CPI > 50, hoặc điểm số WJP (Rules of Law) > 0,5)</i> Theo đánh giá của các tổ chức Quốc Tế, chỉ số hiệu suất môi trường (EPI) cho Đa Dạng Sinh Học & Môi trường sống của Việt Nam thấp hơn 50.	Rủi ro đáng kể
<i>e) Các hoạt động chuyển đổi rừng xảy ra, ngoài các trường hợp hợp lý khi chuyển đổi:</i> <i>i. tuân thủ chính sách và pháp luật quốc gia và khu vực áp dụng cho sử dụng đất và quản lý rừng;</i> <i>ii. không có tác động tiêu cực đến các khu vực rừng quan trọng về mặt sinh thái, các khu vực có ý nghĩa về văn hóa và xã hội hoặc các khu vực được bảo vệ khác; và</i> <i>iii. không phá hủy các khu vực có trữ lượng carbon cao đáng kể; và</i> <i>iv. đóng góp cho bảo tồn lâu dài, lợi ích kinh tế và / hoặc xã hội.</i> Các nông trường: Gia Huynh, Sông Giêng trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận không có hoạt động chuyển đổi đất	Không áp dụng

Các chỉ số	Mức rủi ro
rừng tự nhiên sang rừng trồng, các nông trường do cao su Bình Thuận quản lý tồn tại trước năm 1999.	
i. Quốc gia / khu vực được xác định là đã mất diện tích rừng > 1% trong mười năm gần nhất, theo dữ liệu/ thông tin công khai, như FAO cung cấp. Hiện nay, theo đánh giá của tổ chức FAO, Việt Nam đang có độ che phủ rừng tương đối thấp do nhiều hoạt động tác động của con người lên các diện tích rừng. Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Thuận quản lý 04 nông trường cao su (rừng sản xuất) với tổng diện tích khoảng 4500 ha, tuy nhiên diện tích này hàng năm đang thu hẹp do hoạt động thanh lý cây già cỗi hoặc bán giao lại cho địa phương phát triển kinh tế. Các hoạt động thanh lý cây cao su đều theo quy định của Tập Đoàn Công Nghiệp Cao su Việt Nam, trong năm 2019, tổng diện tích thanh lý các cây già cỗi tại các nông trường do công ty TNHH MTV Cao Su Bình Thuận quản lý để tái canh trồng mới vào dưới 10% tổng diện tích công ty quản lý.	Rủi ro không đáng kể
ii. Ở quốc gia / khu vực, diện tích có chuyển đổi từ rừng sang rừng trồng vượt quá mức tăng diện tích rừng của quốc gia / khu vực hoặc thông tin công khai, như FAO cung cấp. Các nông trường: Gia Huynh, Sông Giêng trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Thuận không có hoạt động chuyển đổi đất rừng tự nhiên sang rừng trồng, các nông trường do cao su Bình Thuận quản lý tồn tại trước năm 1995.	Rủi ro không đáng kể
f) Các hoạt động về Nguyên tắc và Quyền cơ bản tại nơi làm việc (1998) - ILO không được đáp ứng. Các nông trường: Gia Huynh, Sông Giêng trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Thuận là đơn vị trực thuộc của tập đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam, các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc của công ty đều phải tuân thủ các quy chế của tập đoàn, phù hợp các luật định của Việt Nam và quốc tế. Xem thêm: Danh sách các luật áp dụng, chính sách chuỗi hành trình sản phẩm, các quy chế, các quy định về chế độ làm việc cho người lao động.	Rủi ro không đáng kể
g) Các hoạt động của Liên hợp quốc về quyền của người bản địa (2007) không được đáp ứng. Trong quá trình xây dựng hệ thống thẩm định, công ty TNHH MTV Cao Su Bình Thuận đã thực hiện các hoạt động tham vấn các bên liên quan tại các nông trường Sông Giêng và Gia Huynh, các tổ chức trong nước, chính phủ và phi chính phủ để xác định người dân tộc trong khu vực. Các khuyến nghị của các tổ chức này được công ty tổng hợp trong Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan.	Rủi ro không đáng kể

Các chỉ số	Mức rủi ro
h) Nguồn gốc gây tranh cãi Cây cao su tại các nông trường: Gia Huynh, Sông Giêng trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Thuận không phải là cây biến đổi, không nằm trong danh mục các loài cây tranh cãi. Xem thêm: <i>Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan.</i>	Rủi ro không đáng kể
i) Các giống loài biến đổi gen Cây cao su tại các nông trường: Gia Huynh, Sông Giêng trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận không phải là cây biến đổi gen, không phải loài cây nằm trong danh mục các loài cây quý hiếm cần phải bảo vệ. Xem thêm: <i>Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan.</i>	Rủi ro không đáng kể

III. Danh sách các chỉ số “rủi ro đáng kể” ở cấp độ chuỗi cung ứng

Các chỉ số	Mức rủi ro
a) Các quốc gia / khu vực nơi các sản phẩm đã được giao dịch không xác định. Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Thuận trực thuộc Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam, đang trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thành phẩm, công ty đang bán các sản phẩm của mình đến các thị trường nội địa và quốc tế.	Rủi ro không đáng kể
b) Những loài trong sản phẩm chưa được xác định. Các nông trường: Gia Huynh, Sông Giêng trực thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận chỉ sử dụng cây cao su trong hoạt động sản xuất và thương mại mủ thành phẩm.	Rủi ro không đáng kể
Có bằng chứng về những hành động vi phạm pháp luật của bất cứ một đơn vị nông trường nào trong chuỗi cung ứng. Các nông trường đều trực thuộc sự quản lý của Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận đều tuân thủ các quy định của công ty, của pháp luật Việt Nam, không có khiếu nại khiếu kiện của các bên liên quan. Xem thêm: <i>Danh sách tham vấn các bên liên quan.</i>	Rủi ro không đáng kể

c. Quản lý rủi ro

Qua đánh giá rủi ro ở cấp độ nguồn gốc và cấp độ chuỗi cung ứng, đoàn thẩm định xác định các nông trường của Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận đang được đưa vào nguồn có kiểm soát PEFC bao gồm: Gia Huynh, Sông Giêng đang có rủi ro đáng kể trong danh sách rủi ro đáng kể về cấp độ nguồn gốc. Công ty đưa ra các biện pháp kiểm soát đối với 02 nông trường chưa có chứng nhận: Gia Huynh, Sông Giêng.

Hạng mục: Hoạt động lâm nghiệp và khai thác, bao gồm bảo tồn đa dạng sinh học; quản lý các khu vực có giá trị văn hóa và môi trường cao được chỉ định; các loài được bảo vệ và có nguy cơ tuyệt chủng, bao gồm cả yêu cầu của Công ước CITES.

Các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
- Tài liệu liên quan đến quyền sở hữu/ quyền sử dụng đất - Thỏa thuận hợp đồng, giao khoán. - Các cam kết của tổ chức về việc tuân thủ hoạt động lâm nghiệp và khai thác. - Các kế hoạch khai thác được chấp thuận - Các quy tắc ứng xử (nếu có) - Thông tin (có sẵn) công khai thể hiện sự giám sát chặt chẽ về luật pháp và quy trình kiểm soát và theo dõi. - Ngành lâm nghiệp không gắn với xung đột vũ trang bạo lực, bao gồm đe dọa an ninh quốc gia hoặc khu vực và / hoặc liên quan đến kiểm soát quân sự.	<u>Quyền quản lý/sử dụng đất</u> <u>Luật áp dụng hiện hành</u> 45/2013/QH13 43/2014/ND-CP 83/2010/ND-CP 168/2016/ND-CP 23/2014/TT-BTNMT 02/2015/TT-BTNMT 30/2014/TT-BTNMT	<u>Quyền sở hữu/ quyền sử dụng</u> - Kiểm tra sổ đỏ phù hợp với luật pháp Việt Nam, các nông trường chưa có chứng nhận thuộc quyền sở hữu, quản lý của công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận. - Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận cũng tham vấn với các bên liên quan bao gồm chính quyền địa phương, kiểm lâm địa bàn về ranh giới các nông trường chưa có chứng nhận, quản lý đất, tranh chấp đất đai. (danh sách và kết quả tham vấn) - Công ty không có các tranh chấp về đất đai với người dân. Công ty luôn tạo điều kiện để người dân được ký biên bản giáp ranh với phần diện tích giáp với các nông trường công ty quản lý. - Hiện nay, công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận chưa đưa các nhà cung cấp là các hộ tiểu điền vào trong hệ thống thẩm định DDS.
Tài liệu được ban hành chính thức bởi các cơ quan có thẩm quyền tại một quốc gia khai thác: - Đánh giá tác động môi trường. - Các kế hoạch quản lý môi trường.	<u>Kế hoạch quản lý khai thác và vận chuyển:</u> <u>1) Luật pháp Việt Nam đang áp dụng:</u> 27/2018/TT-BNNPTNT. 16/2017/QH14 Luật Lâm nghiệp	Công ty TNHH MTV Bình Thuận quản lý 04 nông trường đang trồng và khai thác mù cây cao su. Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận ban hành các quy định liên quan đến kế hoạch quản lý khai thác và vận chuyển.

• Báo cáo đánh giá tác động môi trường. • Báo cáo kiểm kê rừng • Giấy phép xuất khẩu CITES. • Có những cá nhân hoặc tổ chức có liên quan đến ngành lâm nghiệp đang phải đối mặt với lệnh trừng phạt của Liên Hợp Quốc?	• 07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT • 38/2007/TT-BNN • 87/2009/TT-BNNPTNT • 28/2018/TT-BNNPTNT • 330/2016/TT-BTC • 37/2014/TT-BCT • 17/2015/QĐ-TTg • 49/2016/QĐ-TTg • 2242/QĐ-TTg • 178/2001/QĐ-TTg • QPN/14-92 (200/QĐ-KT) • 2198/CNR	- Công ty có lịch khai thác mù của các nông trường, kể cả nông trường có chứng nhận và chưa có chứng nhận. - Công ty có lịch điều phối lượng mù của các nông trường để về Xí nghiệp chế biến. Khi tiến hành khai thác mù, cán bộ phụ trách của các nông trường tiến hành nhận dạng mù chưa có chứng nhận được chuyển vào tank mù của xe vận chuyển, việc nhận dạng bao gồm: - Mù chưa có chứng nhận được đổ vào các tank trên xe (mỗi xe có 3 tank), mỗi nông trường đều có xe riêng biệt để chở mù tươi về nhà máy. Các xe của các nông trường đều có hồ sơ quản lý của các nhà máy, giấy phép phương tiện, đăng kiểm, tải trọng xe, tên tài xế phụ trách vận chuyển. - Các tank mù sau khi được đổ đầy được niêm phong lại, có chữ ký xác nhận của cán bộ phụ trách để không xảy ra rủi ro trộn lẫn trên đường vận chuyển về nhà máy. Cán bộ phụ trách hoặc tài xế vận chuyển lưu giữ các số liệu mù của nông trường để chuyển số liệu về các nhà máy chế biến. - Tại xí nghiệp chế biến, cán bộ phụ trách tiếp nhận lượng mù chưa có chứng nhận, với các giấy tờ, số liệu từ các nông trường, sẽ tiến hành đổ vào các hồ có nhận dạng. - Công ty thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc khai thác mù tại các nông trường và
---	--	--

		vận chuyển mù đến nhà máy. Việc kiểm tra này sẽ do công ty hoặc xí nghiệp chế biến lập tổ kiểm tra, kiểm soát quá trình. Đối với mù của tiêu diên về nhà máy, công ty tiến hành tách biệt, không cho trộn lẫn vào trong hệ thống mù có chứng nhận của 2 nông trường có chứng nhận và 2 nông trường được đưa vào nguồn có kiểm soát. Kiểm soát việc ô nhiễm do quá trình vận chuyển mù gây nên. Tuyên truyền, nhắc nhở các xe vận chuyển mù không được để nước chảy trên đường, đi đúng tốc độ quy định, tránh gây ảnh hưởng đến người dân địa phương khu vực nông trường.
Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của công ty: 1. Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC: - Đoàn đánh giá đã kiểm tra là kết luận các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC. 2. Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành: - Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận: công ty, xí nghiệp chế biến và các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của luật pháp Việt Nam hiện hành. - Đoàn đánh giá cũng kiểm tra hiệu lực của các văn bản pháp luật, cũng như việc cập nhật danh mục các luật áp dụng của công ty, xí nghiệp chế biến và tại các nông trường trực thuộc. 3. Đối với các biện pháp kiểm soát của công ty: - Đoàn đánh giá kiểm tra các biện pháp kiểm soát của công ty bằng việc phỏng vấn các bên liên quan (chính quyền địa phương, hộ dân xung quanh nông trường, ...) các biện pháp của công ty đã đảm bảo việc kiểm soát các rủi ro. - Ngoài ra, trong quá trình kiểm tra thực địa, đoàn đánh giá cũng ghi nhận các ý kiến đóng góp của các hộ dân cũng như chính quyền địa phương về hoạt động trồng, chăm sóc khai thác cây cao su. Các ý kiến đóng góp liên quan đến các hoạt động đóng góp các phúc lợi cho cộng đồng. Công ty sẽ đẩy mạnh các hoạt động để hỗ trợ cho cộng đồng: việc làm, phúc lợi, điện, đường, trường, trạm. Tuy nhiên sẽ phụ thuộc vào điều kiện của công ty để có các hoạt động hỗ trợ cộng đồng phù hợp. - Các biện pháp kiểm soát của công ty là phù hợp.		

Hạng mục: An toàn lao động sức khỏe		
Các yêu cầu của PEFC	Các yêu cầu luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
(a) Các quyền tự do lập hội và thương lượng tập thể có được tôn trọng? (b) Có bằng chứng xác nhận không sử dụng lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc lao động? (c) Có bằng chứng không sử dụng lao động trẻ em? (d) Có bằng chứng xác nhận không phân biệt đối xử trong việc làm và/hoặc nghề nghiệp, và/ hoặc giới tính? (e) điều kiện làm việc không đảm bảo an toàn lao động sức khỏe? (f) là nước ký kết các công ước tổ chức lao động quốc tế ILO	- Luật áp dụng hiện hành • The guideline of FAO Reduced Impact Logging (RIL) published by Vietnam Forestry Administration in 2007. • 10/2012/QH13 • 58/2014/QH13 • 96/2008/QĐ-BNN • 07/2016/TT-BLĐTBXH • 25/2008/QH12 • 45/2013/ND-CP • 11/2014/TT-BCA • 14/1998/TTLT • 09/2000/BYT • 27/2013/TT-BLĐTBXH • 36/2012/TT-BLĐTBXH • 26/2013/TT-BLĐTBXH • 05/2012/TT-BLĐTBXH • 10/2008/CT-TTg • 06/2014/TT-BLĐTBXH • 04/2014/TT-BLĐTBXH • 54/2015/TT-BLĐTBXH • 19/2019/TT-BYT	Công ty có danh sách về Cán Bộ CNV của công ty, xí nghiệp chế biến và 04 nông trường, có hợp đồng lao động, bảng lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận ban hành các quy định về An Toàn Lao Động Sức Khỏe áp dụng cho xí nghiệp chế biến và các nông trường do công ty quản lý. Định kỳ, hoặc đột xuất công ty cử cán bộ theo dõi giám sát khu vực khai thác, vận chuyển và xí nghiệp chế biến để đảm bảo an toàn lao động sức khỏe. Hàng năm công ty có chương trình đào tạo An Toàn Lao Động sức khỏe đối với toàn bộ cán bộ Công Nhân Viên. Thường xuyên có các cuộc đối thoại giữa lực lượng lao động và bộ phận quản lý.
Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của công ty:		

1. Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC:

- Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận rằng các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC.

2. Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành:

- Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận: công ty, xí nghiệp chế biến và các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của luật pháp Việt Nam hiện hành.
- Đoàn đánh giá cũng kiểm tra hiệu lực của các văn bản pháp luật, cũng như việc cập nhật danh mục các luật áp dụng của công ty, xí nghiệp chế biến và tại các nông trường trực thuộc.
- Đoàn đánh giá cũng tham vấn với chính quyền địa phương về việc tuân thủ pháp luật của công ty, xí nghiệp chế biến và nông trường trực thuộc.

3. Đối với các biện pháp kiểm soát của công ty:

- Đoàn đánh giá đã kiểm tra, phỏng vấn người lao động về chế độ làm việc, phúc lợi của công ty và nông trường và cả điều kiện làm việc đáp ứng đầy đủ và hơn so với mặt bằng chung của địa phương
- Công nhân làm việc công ty thường xuyên được tập huấn an toàn lao động – sức khỏe nghề nghiệp, có chế độ thâm niên.
- Các biện pháp kiểm soát của công ty là phù hợp.

Hạng mục: Quyền người bản địa (người dân địa phương), tài sản, quyền sở hữu đất đai của người dân tộc

Các yêu cầu của PEFC	Các yêu cầu luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
- Các Đánh giá tác động môi trường. - Kế hoạch quản lý môi trường. - Báo cáo kiểm tra môi trường - Các thỏa thuận trách nhiệm xã hội? - Có người bản địa và/hoặc các dân tộc truyền thống trong khu vực được đánh giá không? - Có dấu hiệu vi phạm các quyền hợp pháp và tập quán của người bản địa/ các dân tộc truyền thống không? - Có các quy định trong Công ước ILO 169 và	<u>Luật áp dụng hiện hành:</u> • 178/2001/QĐ-TTg • 45/2013/QH13 • 38/2014/TT-BNNPTNT	- Công ty xác định rõ người dân tộc trong các huyện, tỉnh, phỏng vấn chính quyền về người dân tộc hiện hữu trong khu vực, quyền của người bản địa, lao động trong khu vực, xung đột hay mâu thuẫn giữa người dân tộc và người Kinh. - Công ty tham vấn với chính quyền địa phương, ban dân tộc, kiểm lâm địa bàn về việc đối xử công bằng giữa người Kinh (đa số) và người dân tộc thiểu số chủ yếu là Châu Ro một khi tranh chấp xảy ra. Ngoài việc phân xử theo luật pháp còn xét đến các qui định, luật lệ, phong tục, tập quán của bản làng và tộc người tại địa phương.

UNDRIP được thi hành trong khu vực có liên quan không? - Có bất kỳ luật, quy định, hoặc quy trình được công nhận nào để giải quyết các mâu thuẫn đáng kể về quyền người bản địa hoặc các dân tộc truyền thống hoặc các cộng đồng có quyền truyền thống không? - Việc giải quyết xung đột được chấp thuận rộng rãi bởi các bên liên quan có hợp lý và công bằng không?		- Ngoài ra, công ty thường xuyên kiểm tra xung đột liên quan đến sở hữu đất đai hoặc quyền sử dụng đất của các dân tộc thiểu số hoặc các nhóm người bản địa với các nông trường được giao đất; không có tranh chấp về ranh giới các lô đất của các nông trường khác nhau về dân tộc. Các quyền của người dân tộc thiểu số được bảo vệ và tôn trọng, kể cả việc nghi không đi làm vào các ngày lễ/hội theo tín ngưỡng riêng của họ. Người dân tộc thiểu số có tập quán thờ cúng, tổ chức lễ hội theo phong tục mê tín bản địa nhiều lần trong một năm, có các khu vực thiêng liêng như rừng thiêng, suối thiêng gần nơi sinh sống. Tập quán này được các bên liên quan tôn trọng.
Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của công ty: 1. Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC: - Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận rằng các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC. 2. Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành: - Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận: công ty, xí nghiệp chế biến và các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của luật pháp Việt Nam hiện hành. - Đoàn đánh giá cũng kiểm tra hiệu lực của các văn bản pháp luật, cũng như việc cập nhật danh mục các luật áp dụng của công ty, xí nghiệp chế biến và tại các nông trường trực thuộc. - Đoàn đánh giá cũng tham vấn với chính quyền địa phương về việc tuân thủ pháp luật của công ty, xí nghiệp chế biến và nông trường trực thuộc. 3. Đối với các biện pháp kiểm soát của công ty - Đoàn đánh giá đã kiểm tra, phỏng vấn người dân tộc trong khu vực, già làng về ảnh hưởng hoạt động của công ty, xí nghiệp chế biến và các nông trường. - Các đóng góp của công ty đối với người dân địa phương về lao động và các đãi ngộ nếu có.		

- Các biện pháp kiểm soát của công ty là phù hợp.		
Hạng mục: Thuế GTGT & các loại thuế doanh thu khác		
Các yêu cầu của PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
Phải lưu giữ các hồ sơ về thuế phí trong hoạt động của công ty	Luật áp dụng hiện hành • 45/2009/QH12 • 32/2013/QH13 • 71/2014/QH13 • 31/2013/QH13 • 50/2010/ND-CP • 12/2015/NĐ-CP • 218/2013/ND-CP • 45/2014/ND-CP • 46/2014/ND-CP • 76/2014/TT-BTC • 77/2014/TT-BTC • 201/2013/TT-BTC • 205/2013/TT-BTC	Công ty tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam về các loại thuế. Công ty lưu giữ đầy đủ các giấy tờ về thuế và thuế doanh thu khác. Thời gian lưu trữ đều theo quy định của tiêu chuẩn PEFC và quy định công ty và luật định.
Phần b): Thương mại và thủ tục hải quan		
Các yêu cầu của PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
Tổ chức phải lưu giữ: - Các hợp đồng mua bán - Các chứng từ tài chính ngân hàng, hoạt động thương mại, - Giấy phép xuất nhập khẩu (nếu có) - Các hóa đơn chứng từ xuất nhập. - Danh sách các quốc gia, công ty bị cấm xuất nhập khẩu. - Quota xuất khẩu (nếu có)	Luật áp dụng hiện hành: • 45/2009/QH12 • 32/2013/QH13 • 71/2014/QH13 • 31/2013/QH13 • 50/2010/ND-CP • 12/2015/NĐ-CP • 218/2013/ND-CP • 45/2014/ND-CP • 46/2014/ND-CP • 76/2014/TT-BTC • 77/2014/TT-BTC • 201/2013/TT-BTC • 205/2013/TT-BTC	- Công ty lưu các hồ sơ liên quan đến các hoạt động thương mại và thủ tục hải quan. Hoạt động lưu hồ sơ của công ty được lưu giữ trong 10 năm.
Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của công ty:		

1. Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC:

- Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận rằng các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC.

2. Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành:

- Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận: công ty, xí nghiệp chế biến và các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của luật pháp Việt Nam hiện hành.
- Đoàn đánh giá cũng kiểm tra hiệu lực của các văn bản pháp luật, cũng như việc cập nhật danh mục các luật áp dụng của công ty, xí nghiệp chế biến và tại các nông trường trực thuộc.
- Đoàn đánh giá cũng tham vấn với chính quyền địa phương về việc tuân thủ pháp luật của công ty, xí nghiệp chế biến và nông trường trực thuộc.

3. Đối với các biện pháp kiểm soát của công ty

- Đoàn đánh giá đã kiểm tra, phỏng vấn dựa vào kết quả của việc đánh giá nội bộ hàng năm để xem xét việc tuân thủ của các bộ phận liên quan trong hoạt động quản lý của công ty.
- Các biện pháp kiểm soát của công ty là phù hợp.

Phần c): Việc sử dụng loài biến đổi gen

Các yêu cầu của PEFC	Các yêu cầu luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
- Giấy phép xuất khẩu - Nhận định rõ ràng loài	• 11/2006/QĐ-TTg. • 69/2010/NĐ-CP. • 69/2009/TT-BNNPTNT. • 72/2009/TT-BNNPTNT. • 21/2012/TT-BKHHCN. • 08/2013/TT-BTNMT. • 02/2014/TT-BNNPTNT.	Theo thông tư 40/2013/TT-BNNPTNT ban hành về Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các phụ lục của Công ước CITES về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thì cây cao su không phải loài cây được đề cập. Công ty cam kết không có thương mại hoặc sử dụng các loài cây GM trong khu vực được đánh giá và quản lý.

Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của công ty:

1. Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC:

- Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận rằng các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC.

2. Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành:

- Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận: công ty, xí nghiệp chế biến và các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của luật pháp Việt Nam hiện hành.

- Đoàn đánh giá cũng kiểm tra hiệu lực của các văn bản pháp luật, cũng như việc cập nhật danh mục các luật áp dụng của công ty, xí nghiệp chế biến và tại các nông trường trực thuộc.
- Đoàn đánh giá cũng tham vấn với chính quyền địa phương về việc tuân thủ pháp luật của công ty, xí nghiệp chế biến và nông trường trực thuộc.

3. Đối với các biện pháp kiểm soát của công ty

- Các biện pháp kiểm soát của công ty là phù hợp.

Phần d): Chuyển đổi rừng tự nhiên thành rừng trồng hay từ rừng sang trồng hoa màu (cây nông nghiệp).

Các yêu cầu của PEFC	Các yêu cầu của luật định	Phương pháp kiểm soát của tổ chức
- Yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC: không được chuyển đổi từ rừng tự nhiên sang rừng trồng hoặc mục đích sử dụng ngoài rừng.	- 29/2004/QH11 - 18/2015/NĐ-CP - 23/2006/NĐ-CP - 43/2014/NĐ-CP - 21/2016/TT-BNNPTNT. - 27/2018/TT-BNNPTNT	- Công ty kiểm tra sổ đỏ, giấy giao khoán đất của các nông trường phù hợp với luật pháp Việt Nam và yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC. - Tham vấn với chính quyền địa phương, kiểm lâm địa bàn kiểm tra lại các ranh giới đất đai của các nông trường. - Kiểm tra toàn bộ các hợp đồng giao khoán đất, thuê đất từ tập đoàn, cơ quan có thẩm quyền, phù hợp với yêu cầu của luật pháp và yêu cầu tiêu chuẩn PEFC.

Quá trình kiểm tra thực địa việc áp dụng các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC, của luật pháp Việt Nam và biện pháp kiểm soát của công ty:

1. Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC:

- Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận rằng các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC.
- Các kết quả tham vấn và các hồ sơ liên quan đến nguồn gốc đất Công ty không có hoạt động chuyển đổi từ rừng tự nhiên sang rừng trồng.

2. Đối với yêu cầu của pháp luật Việt Nam hiện hành:

- Đoàn đánh giá đã kiểm tra và kết luận: công ty, xí nghiệp chế biến và các nông trường đã tuân thủ các yêu cầu của luật pháp Việt Nam hiện hành.
- Đoàn đánh giá cũng kiểm tra hiệu lực của các văn bản pháp luật, cũng như việc cập nhật danh mục các luật áp dụng của công ty, xí nghiệp chế biến và tại các nông trường trực thuộc.
- Đoàn đánh giá cũng tham vấn với chính quyền địa phương về việc tuân thủ pháp luật của công ty, xí nghiệp chế biến và nông trường trực thuộc.

3. Đối với các biện pháp kiểm soát của công ty

- Đoàn đánh giá kết luận các biện pháp của công ty đã thực hiện kiểm soát nguyên liệu, không có sự trộn lẫn nguyên liệu hoặc có diện tích đất chuyển đổi từ rừng tự nhiên sang rừng trồng.

Nơi nhận:

- BCDPTBV Công ty (báo cáo);
- Tổ CoC Công ty;
- Tổ CoC Nông trường;
- Tổ CoC Xí nghiệp chế biến;
- Các phòng ban;
- Lưu TK.

TM TỔ COC CÔNG TY
TỔ TRƯỞNG



PHẠM NGUYỄN KHANG

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
C.TY TNHH MTV CAO SU BÌNH THUẬN

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Thuận đã tham vấn/ phỏng vấn với các bên liên quan trong quá trình thực hiện đánh giá các nguồn rủi ro đáng kể theo yêu cầu của tiêu chuẩn PEFC CoC và theo yêu cầu luật định của Việt Nam với nội dung như sau:

1. **Vùng cung cấp:** Nông trường Gia Huynh, Nông trường Sông Giềng.
2. **Thời gian thực hiện tham vấn và lập báo cáo:** tháng 09 - 10/2020.
3. **Người phỏng vấn/Đoàn đánh giá:** theo danh sách nhóm thực hiện chương trình thẩm định (DDS) năm 2020.
4. **Danh sách người được phỏng vấn gồm có:**

Stt	Họ và tên	Loại hình liên quan/ vị trí/ chức vụ	Phương pháp tham vấn/ phỏng vấn	Địa chỉ/ thông tin liên lạc	Kết luận của bên tham vấn
	Ông Lê Hải Thu và Ông Lê Mỹ Quốc	Chính quyền/ Cán bộ phụ trách địa chính và thông tin truyền thông xã Gia Huynh	Phỏng vấn trực tiếp ngày 08/09/2020	UBND xã Gia Huynh	Có trả lời
1.	Tóm tắt kết quả: Các vấn đề về kinh tế, môi trường, xã hội do hoạt động sản xuất của nông trường Gia Huynh trên địa phương đều tốt, không có vấn đề gì rủi ro. Địa phương có kiến nghị công ty có chính sách, ưu tiên tuyển dụng, tạo điều kiện cho người dân địa phương làm việc tại công ty (nông trường Gia Huynh).				
	Ông Xuân và Bà Đẹp (già làng người Châu Ro)	Người dân địa phương	Phỏng vấn trực tiếp ngày	Thôn 2, xã Gia Huynh	Có trả lời
2.	Tóm tắt kết quả: Các hoạt động sản xuất của nông trường Gia Huynh trên địa phương đều tốt, không có vấn đề gì rủi ro với người dân sống xung quanh vườn cây nông trường. Người dân có kiến nghị nếu công ty (nông trường Gia Huynh) có trồng mới vườn cây hoặc có công việc mới thì tạo điều kiện việc làm cho người dân địa phương. Công ty xem xét, nếu có thể hỗ trợ người dân địa phương sửa chữa đường xá, cầu cống cho bà con đi lại.				
3.	Ông Mai Văn Tuấn	Người lao động/ đội trưởng Đội 1 Nông trường Gia Huynh	Phỏng vấn trực tiếp	Thôn 2, xã Tân Hà, Đức Linh	Có trả lời

Stt	Họ và tên	Loại hình liên quan/ vị trí/ chức vụ	Phương pháp tham vấn/ phỏng vấn	Địa chỉ/ thông tin liên lạc	Kết luận của bên tham vấn
	Tóm tắt kết quả: Các chế độ chính sách, trang bị bảo hộ lao động cho người lao động được công ty thực hiện tốt, không có vấn đề gì.				
4.	Ông Phạm Lê Ngọc Thiện	Chính quyền/ Cán bộ phụ trách địa chính	Phỏng vấn trực tiếp ngày 27/10/2020	UBND xã Suối Kiết	Có trả lời
	Tóm tắt kết quả: Các vấn đề về môi trường, xã hội, an ninh trật tự trên địa bàn nông trường Sông Giêng đều tốt, không có vấn đề gì rủi ro.				
5.	Ông Hoàng Minh Tuệ	Chính quyền/ Cán bộ phụ trách thông tin, văn hoá xã hội xã Suối Kiết	Phỏng vấn trực tiếp ngày 27/10/2020	UBND xã Suối Kiết	Có trả lời
	Tóm tắt kết quả: Các vấn đề về dân tộc, xã hội trên địa bàn nông trường Sông Giêng, địa phương đều tốt, không có vấn đề gì rủi ro.				
	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Chính quyền/ cán bộ phụ trách địa chính, môi trường, xã hội xã Suối Kiết	Phỏng vấn trực tiếp ngày 27/10/2020	UBND xã Suối Kiết	Có trả lời
6.	Tóm tắt kết quả: Các vấn đề về kinh tế, môi trường trên địa bàn nông trường Sông Giêng, địa phương đều tốt, không có vấn đề gì. Kiến nghị công ty xem xét, có biện pháp tuyên truyền cho công nhân thu gom triệt để vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng. Công ty xem xét, có chính sách ưu tiên tuyển dụng người dân địa phương vào làm việc tại công ty (nông trường Sông Giêng).				
7.	Ông Nguyễn Thông	Chính quyền/ cán bộ phụ trách nông lâm nghiệp xã Suối Kiết	Phỏng vấn trực tiếp ngày 27/10/2020	UBND xã Suối Kiết	Có trả lời
	Tóm tắt kết quả: Các vấn đề về hoạt động kinh tế nông lâm nghiệp của nông trường Sông Giêng tại địa phương không có vấn đề gì.				

Stt	Họ và tên	Loại hình liên quan/ vị trí/ chức vụ	Phương pháp tham vấn/ phỏng vấn	Địa chỉ/ thông tin liên lạc	Kết luận của bên tham vấn
8.	Bà Đặng Thanh Hiền	Người lao động/ công nhân đội 2 NT Sông Giêng	Phỏng vấn trực tiếp ngày 27/10/2020	Thôn 1, xã Suối Kiết	Có trả lời
	Tóm tắt kết quả: Các chế độ chính sách, trang bị bảo hộ lao động cho người lao động được công ty thực hiện tốt, không có vấn đề gì. Kiến nghị công ty nếu được xem xét hỗ trợ tiền ăn giữa ca cũng như đơn giá sản phẩm cho người lao động.				
9.	Viện nghiên cứu cao su Việt Nam	Viện Nghiên cứu	Thư tham vấn	Bình Dương	Có trả lời
	Cv phúc đáp số 403/VCS ngày 15/09/2020 v/v phúc đáp cv số 782/CSBT-QLRBV ngày 07/09/2020 của Công ty. Nội dung trả lời đầy đủ 10 câu hỏi tham vấn của Công ty, tất cả các câu trả lời không có vấn đề rủi ro nào.				
10.	Viện KHLN Nam Bộ	Viện Nghiên cứu	Thư tham vấn	Tp.HCM	Có trả lời
	Cv phúc đáp số 122/VNB-BMLS ngày 09/09/2020 v/v ý kiến tham vấn để xây dựng phương án PEFC-CoC. Trong những năm gần đây Viện ít có điều kiện nghiên cứu, điều tra và nắm rõ tình hình trên địa bàn khu vực của Công ty, do đó không có ý kiến về những vấn đề Công ty xin tham vấn.				
11.	VP. CCR Việt Nam	Tổ chức Chính phủ	Thư tham vấn	Hà Nội	Có trả lời
	Trả lời bằng điện thoại. Do khu vực ở xa nên không rõ tình hình, không có ý kiến.				
12.	Hiệp Hội Gỗ và Lâm Sản Việt Nam	VIFORES	Thư tham vấn	Hà nội	Không trả lời
	Không trả lời				
13.	Sở Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn	Cơ quan nhà nước	Thư tham vấn	Bình Thuận	Không trả lời
	Không trả lời				

Stt	Họ và tên	Loại hình liên quan/ vị trí/ chức vụ	Phương pháp tham vấn/ phỏng vấn	Địa chỉ/ thông tin liên lạc	Kết luận của bên tham vấn
14.	Sở Tài Nguyên Môi Trường	Cơ quan nhà nước	Thư tham vấn	Bình Thuận	Không trả lời
	Không trả lời				
15.	Chi cục/ hạt Kiểm Lâm	Cơ quan nhà nước	Thư tham vấn	Bình Thuận	Không trả lời
	Không trả lời				
16.	Hiệp hội cao su Việt Nam	Tổ chức	Thư tham vấn	Bình Thuận	Không trả lời
	Không trả lời				

Khi tham vấn/phỏng vấn, công ty đã xác nhận với các bên liên quan các thông tin theo nội dung của tiêu chuẩn PEFC/VFCS, pháp luật Việt Nam quy định..., phục vụ cho công tác quản lý trồng chăm sóc, khai thác mù nguyên liệu tại các nông trường này.

Tóm tắt các kết luận sau khi tham vấn:

Các hoạt động sản xuất của nông trường Gia Huynh và nông trường Sông Giêng tại địa phương đều tốt, không có rủi ro đáng kể nào.

Trong quá trình tham vấn có một số vấn đề địa phương, người dân và người lao động kiến nghị công ty như sau:

- Nếu có thể xem xét, có chính sách ưu tiên tuyển dụng người lao động là người địa phương vào công ty làm việc.
- Nếu có thể xem xét hỗ trợ người dân tại thôn 2 xã Gia Huynh sửa chữa đường xá, giúp người dân đi lại dễ dàng hơn.
- Xem xét, có biện pháp tuyên truyền cho công nhân thu gom triệt để vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng.
- Xem xét hỗ trợ tiền ăn giữa ca cũng như đơn giá sản phẩm cho người lao động.

**TM TỔ CQC CÔNG TY
TỔ TRƯỞNG**



Phạm Nguyên Khang

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
C.TY TNHH MTV CAO SU BÌNH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THAM VẤN

Số: ...01.1.1000.....

Người được phỏng vấn: Lê Hải Thu và Lê Mỹ Quốc Bên liên quan: xã Gia Huynh

Địa chỉ nơi cư trú: UBND xã Gia Huynh - Tánh Linh; Điện thoại:.....

Địa điểm thực hiện: UBND Xã Gia Huynh; Thời gian thực hiện: ngày 08/9/2020

Người phỏng vấn/Nhóm thẩm định: Đàm Tuấn – Phòng TTBVQS – Thành viên Tổ giúp việc thực hiện chứng chỉ phát triển Rừng bền vững (theo Quyết định số: 120/QĐ-CSBT, ngày 09/7/2020 của Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận)

TT	Câu hỏi	Kết quả
01	Anh cho biết: tại địa phương mình có rừng tự nhiên không?	Tại xã Gia Huynh hiện đang quản lý khoảng 8,4ha rừng tự nhiên.
02	Địa phương mình có rừng sản xuất, rừng đặc dụng không?	- Có khoảng 1.000ha rừng đặc dụng thuộc khu Bảo tồn Thiên nhiên Núi Ong. - Rừng sản xuất: khoảng 1.700ha (không tính diện tích rừng cao su của Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận). Rừng này của người dân, chủ yếu trồng cây cao su, Tràm, Điều.
03	Các loài động vật tại 8,4ha rừng tự nhiên và rừng đặc dụng thuộc khu Bảo tồn Thiên nhiên Núi Ong gồm những loài nào?	Gồm có: Chim Cắt, Chim ưng, Chồn, Sóc, Cây hương, Heo rừng, Mèo rừng, Voọc, Rắn các loại ...
04	Khu bảo tồn và Xã có các biện pháp gì để quản lý các động, thực vật hoang dã?	Có sự phối hợp tuyên truyền bảo vệ các giống loài.
05	Anh cho biết địa phương mình có các loài thực vật gì?	Gồm có: Mật nhân, Trắc, Cẩm, Sao xanh, Gõ. Nhưng các loài này chủ yếu là ở khu Bảo tồn Núi ong.
06	Địa phương mình có hướng dẫn để người dân, cũng như các tổ chức khác bảo vệ các loài thực vật không?	Hàng năm đều có tập huấn PCCC để bảo vệ các giống loài.
07	Các loại thuốc bảo vệ thực vật, Phân bón tại địa phương sử dụng như thế nào?	Nội dung này: địa phương không có thông tin
08	Tại địa phương mình có bao nhiêu Tộc người?	Tại địa phương có: 12 dân tộc và 281 hộ dân. Chủ yếu là dân tộc Kinh; còn Châu Ro và Chăm là ít.
09	Tổng Diện tích tự nhiên tại địa phương là bao nhiêu?	Tổng diện tích tự nhiên tại địa phương là: 15.203 héc ta.
10	Chính sách hỗ trợ dân tộc tại địa phương	Gồm có các chính sách như:

	<i>như thế nào?</i>	- Chính sách 134, 135 của Trung ương. - Chính sách: Quyết định 102, 755, 2085 trước đây có hỗ trợ, nhưng không còn áp dụng từ năm 2019. Năm 2020, đang chờ hướng dẫn thực hiện lại các chính sách hỗ trợ trên. - Hiện nay, địa phương hỗ trợ cho người dân tộc chủ yếu là cấp đất nhưng địa phương cũng hết đất. - Về y tế: địa phương cấp 100% bảo hiểm y tế cho người dân tộc. - Về hỗ trợ giáo dục: tạm ngưng từ năm 2019; năm 2020 đang chờ hướng dẫn.
11	<i>Có tranh chấp giữa người dân tộc với các thành phần khác không?</i>	Không có tranh chấp.
12	<i>Con em người dân tộc có đi học đầy đủ không?</i>	100% các em đến tuổi đều đi học đầy đủ.
13	<i>Có nơi sinh hoạt cộng đồng cho Người dân tộc không (nhà văn hóa)? Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận có hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng không?</i>	- Địa phương có xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng cho người dân tộc (có người kinh cùng sinh hoạt chung). - Công ty cao su Bình Thuận: không có ngân sách riêng cho địa phương.
14	<i>Cơ sở hạ tầng, điện, nước sạch có đầy đủ không?</i>	- Điện thấp sáng: 100% hộ dân đều có điện thấp sáng. - Nước sạch: toàn Xã chưa có hệ thống nước sạch. Nguồn nước sinh hoạt chủ yếu là Giếng đào, Giếng khoáng.
15	<i>Dân cư sinh sống bằng nghề gì?</i>	Dân cư sinh sống chủ yếu là nghề Nông, Lâm là chính.
16	<i>Địa phương có chương trình hướng dẫn cho Dân làm công tác Nông, Lâm nghiệp không?</i>	Địa phương có mở lớp tập huấn về Trồng cao su, lớp thợ cạo mù cao su ... Lớp tập huấn này do xã phối hợp với Trung tâm nghề nghiệp tổ chức.
17	<i>Các quy định áp dụng việc khai thác Lâm nghiệp như thế nào?</i>	Quy trình bình thường là: Khi tới kỳ khai thác thì: người dân báo cho Xã; Xã báo Kiểm lâm địa bàn khi dân khai thác cây Lâm nghiệp như: Keo, cây cao su ... việc khai thác này có đóng thuế theo quy định pháp luật.
18	<i>Các khu vực quản lý rừng khác?</i>	Do các Công ty Lâm nghiệp trồng cây cao su, Keo. Các doanh nghiệp này hợp đồng với Cấp

		Tỉnh), thời gian hoạt động từ 40 đến 50 năm. Với loại hình này có khoảng trên 20 Công ty thuê đất trồng cây cao su, Tràm, Keo. Diện tích này có khoảng 2.000 héc ta.
19	Địa phương có Công ty chế biến về gỗ không?	Tại huyện Tân Linh có 01 cơ sở sản xuất ván ép từ Tràm, cây cao su.
20	Địa phương có xảy ra cháy rừng không?	Chưa có thông tin nào báo cháy rừng.
21	Địa phương có lũ quét, sạt lở không?	Không có. Chỉ có lốc xoáy gây thiệt hại cây cao su gãy đổ.
22	Tai nạn lao động trong hoạt động Lâm nghiệp tại địa phương có không?	Không có tai nạn trong hoạt động Lâm nghiệp tại địa phương.
23	Tỷ lệ người dân đang làm việc tại Nông trường Gia Huỳnh thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận chiếm bao nhiêu phần trăm?	Việc này địa phương chưa có thông tin cụ thể; chỉ có một số người dân đi cạo mù cao su cho tư nhân.
24	Về trang bị bảo hộ lao động như thế nào?	Xã có tuyên truyền và các doanh nghiệp có trang bị, dân cũng tự trang bị BHLĐ như ủng khi trồng cây cao su, mang khẩu trang vải khi bơm thuốc. Tuy nhiên, qua đánh giá là chưa đảm bảo về Bảo hộ lao động (do điều kiện làm việc tại địa phương).
25	Có khiếu nại nào liên quan đến Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận không?	Không có người dân nào khiếu nại về Công ty cao su Bình Thuận.
26	Công tác quản lý rác thải của Nông trường Gia Huỳnh đối với địa phương có ảnh hưởng gì không?	Nông trường Gia Huỳnh có đơn vị xử lý rác thải (có hợp đồng xe thu gom rác). Không ảnh hưởng gì đến sinh hoạt tại địa phương.
27	Địa phương có ý kiến, kiến nghị gì đối với Nông trường Gia Huỳnh nói riêng và Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận chung không?	- Cần tạo điều kiện việc làm cho người dân địa phương (khi có nhu cầu tuyển dụng lao động phù hợp). - Cần có chương trình hỗ trợ cho học sinh nghèo, gia đình khó khăn, người già, ... (chương trình an sinh xã hội).
28	Hệ thống giao thông tại địa phương như thế nào?	Hệ thống giao thông tại địa phương thuận lợi.
29	Bến mủ, xe chở mủ cao su tại Nông trường Gia Huỳnh có ô nhiễm không, có gây phiền hà cho người dân địa phương không?	Không ô nhiễm, không ảnh hưởng đến sinh hoạt của người tại địa phương.

Ngày 08 tháng 09 năm 2020

Người lập

Đàm Tuấn

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
C.TY TNHH MTV CAO SU BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THAM VẤN

Số: 02.../...2020.....

Người được phỏng vấn: Chú Xuân và Cô Đẹp (già làng) Bên liên quan: Thôn 2 - Xã Gia Huỳnh

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 2, xã Gia Huỳnh - Tánh Linh; Điện thoại:.....

Địa điểm thực hiện: Văn phòng Nông trường Gia Huỳnh; Thời gian thực hiện: ngày 08/9/2020

Người phỏng vấn/Nhóm thẩm định: Đàm Tuấn – Phòng TTBVQS – Thành viên Tổ giúp việc thực hiện chứng chỉ phát triển Rừng bền vững (theo Quyết định số: 120/QĐ-CSBT, ngày 09/7/2020 của Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận)

TT	Câu hỏi	Kết quả
01	Nông trường Gia Huỳnh có hỗ trợ gì cho bà con dân tộc tại địa phương mình không?	Có. Hàng năm NTGH đều có hỗ trợ quà tết, hỗ trợ cho người già, gia đình khó khăn ...
02	Con em Dân tộc mình có người làm công nhân trong Nông trường Gia Huỳnh không?	Chỉ có vài người, đa số là con em người kinh là chính.
03	Tộc người ở địa phương mình chủ yếu là gì?	Chủ yếu là Châu Ro.
04	Quan hệ địa phương, tộc người với Công ty cao su Bình Thuận, Nông trường Gia Huỳnh như thế nào?	Có mối quan hệ tốt, cùng phối hợp giải quyết khi có vấn đề phát sinh.
05	Tình hình tranh chấp đất đai có không?	Không có phát sinh tranh chấp, bà con sinh sống ổn định.
06	Ý kiến đối với Công ty cao su Bình Thuận, cũng như đối với Nông trường Gia Huỳnh?	- Công ty nếu cần lao động thì ưu tiên cho con em địa phương xã Gia Huỳnh. - Công ty cần có ngân sách làm đường (sửa chữa), làm cầu tại địa phương xã Gia Huỳnh.
07	Xe chở mủ cao su tại Nông trường Gia Huỳnh có gây phiền hà cho bà con không?	Không gây phiền hà gì. Không ảnh hưởng gì đến đời sống, sinh hoạt tại địa phương.
08	Lao động tại xã Gia Huỳnh làm trong Nông trường Gia Huỳnh là bao nhiêu người?	Chiếm khoảng 30% người dân địa phương. 70% còn lại là ở địa phương khác (vì con em địa phương không chịu làm công nhân trong Nông trường).
09	Tình hình cháy rừng có xảy ra không?	Không có vụ cháy nào xảy ra. Dân chủ động chống cháy tốt.

10	Công tác tuyên truyền PCCC như thế nào?	Địa phương luôn tuyên truyền bà con phải phòng chống cháy. Tuy nhiên, bà con dân tộc tự nhắc nhở nhau là chính.
11	Vấn đề tin ngưỡng như thế nào?	Các tập tục nguyên sơ hầu như đã bỏ hết. Chỉ cúng cuối năm; sinh hoạt cộng đồng thì có cả người dân và người kinh.

Ngày 08 tháng 09 năm 2020

Người lập


Đàm Tuấn

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
C.TY TNHH MTV CAO SU BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THAM VẤN

Số: 03.1.2020

Người được phỏng vấn: Lê Hải Thu, Lê Mỹ Quốc.

Bên liên quan: Cán bộ địa chính và cán bộ thông tin truyền thông, xã hội xã Gia Huynh.

Địa chỉ nơi cư trú: xã Gia Huynh, Tánh Linh

Điện thoại:.....

Địa điểm thực hiện: UBND xã Gia Huynh

Thời gian thực hiện: 08/09/2020

Người phỏng vấn/Nhóm thẩm định: Võ Văn Thành.

TT	Câu hỏi	Kết quả
1.	Có diện tích rừng tự nhiên trên địa bàn xã Gia Huynh không?	Có 8,4 ha rừng tự nhiên do xã Gia Huynh quản lý Còn lại đa số là rừng sản xuất, có diện tích khoảng 2.000 ha (không tính diện tích của nông trường Gia Huynh), là rừng trồng của người dân, đa số trồng các loại cây cao su, keo, trầm, điều
2.	Khu vực xung quanh nông trường Gia Huynh có khu bảo tồn thiên nhiên hay không?	Có khu bảo tồn thiên nhiên núi Ông, diện tích rừng quản lý khoảng > 1.000 ha, cách xã Gia Huynh khoảng 20 – 25 km.
3.	Các loài động vật còn hiện diện trên khu vực rừng tự nhiên, rừng đặc dụng của địa phương?	Các loài động vật như chim cắt, cu, chồn, sóc, vọc, rắn, ...
4.	Ban quản lý khu bảo tồn, chính quyền địa phương có sử dụng các biện pháp, giải pháp nào để bảo vệ các loài động vật hoang dã không?	Tuyên truyền cho người dân.
5.	Các loài thực vật quý hiếm trong khu vực rừng tự nhiên, rừng đặc dụng của địa phương?	Các loài thực vật có trong khu vực rừng tự nhiên như trắc, cẩm hương, sao xanh
6.	Các biện pháp bảo tồn, bảo vệ các loài thực vật quý hiếm	Thông qua tuyên truyền, tập huấn bảo vệ rừng
7.	Các biện pháp bảo vệ môi trường trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, ... tại địa phương	Phòng tài nguyên môi trường của huyện có các đợt xuống kiểm tra, hướng dẫn cho người dân địa phương
8.	Thành phần nhân khẩu, dân tộc tại địa phương	Tại địa bàn xã Gia Huynh có 12 dân tộc sinh sống, trong đó có dân tộc Kinh, Châu Ro là chủ yếu. Có 281 hộ dân tộc, UBND xã có triển khai hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số như: bảo hiểm y tế cho 100% đồng bào. Trước năm 2019 có hỗ trợ học phí cho con em đồng bào, từ 2019 đến nay chương trình đang tạm ngưng chờ chính sách mới

TT	Câu hỏi	Kết quả
		của nhà nước
9.	Các hoạt động tín ngưỡng đặc biệt của đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương?	Các hoạt động tín ngưỡng riêng của đồng bào dân tộc không còn duy trì thực hiện.
10.	Vấn đề tranh chấp đất đai giữa các thành phần dân tộc tại địa phương?	Không có
11.	Tại địa phương có cơ sở văn hoá của cộng đồng dân tộc trên địa bàn không?	Có nhà sinh hoạt cộng đồng chung cho các dân tộc
12.	Công ty cao su có hỗ trợ nguồn kinh phí gì cho địa phương không?	Vào các dịp lễ tết công ty có tặng gạo, mắm, muối.
13.	Địa phương có hệ thống cung cấp nước sạch cho người dân không?	Địa phương chưa có hệ thống cung cấp nước sạch
14.	Ngành nghề sinh sống chính của người dân địa phương?	Nông, lâm nghiệp
15.	Người dân có được hướng dẫn về công tác nông nghiệp, lâm nghiệp	Có các chương trình tập huấn về trồng, chăm sóc, khai thác cây trồng nông lâm nghiệp do xã kết hợp với trung tâm dạy nghề tổ chức
16.	Người dân khai thác rừng sản xuất có tuân thủ theo quy định nào của xã không?	Khi khai thác rừng trồng phải báo diện tích, thời gian khai thác, vận chuyển cho UBND xã để quản lý, xã sẽ chuyển hồ sơ và thông báo kiểm lâm cấp giấy tờ khai thác
17.	Tình hình quản lý rừng của các doanh nghiệp tại địa phương	Các công ty lâm nghiệp trên địa phương khoảng 2.000 ha
18.	Có doanh nghiệp chế biến lâm sản tại địa phương không?	Chủ yếu là hộ gia đình, cá nhân làm nghề mộc. Nguyên liệu được thu mua từ nơi khác về
19.	Có xảy ra tình trạng cháy rừng ở địa phương trong những năm qua không?	Chỉ có 1 vài vụ cháy nhỏ lẻ không đáng kể
20.	Có lũ quét, thiên tai trên địa bàn xã không?	Trong năm qua có 1 đợt lốc xoáy gây thiệt hại tài sản là cây cao su, không gây thiệt hại về người
21.	Tình hình tai nạn lao động trên địa bàn liên quan đến trồng, sản xuất rừng không?	Không có
22.	Tỷ lệ lao động có hộ khẩu tại xã đang công tác tại Công ty (nông trường Gia Huynh)?	Xã không nắm được số lượng cụ thể
23.	Các khiếu nại của người dân về hoạt động sản xuất của công ty trên địa bàn?	Không có

TT	Câu hỏi	Kết quả
24.	Xử lý rác thải trên diện tích của công ty tại địa phương?	Công ty có hợp đồng xử lý với công ty môi trường. Hàng tháng công ty môi trường có xe rác đi thu gom rác trên vườn cây của công ty
25.	Việc đi lại của người dân qua địa bàn công ty có gì khó khăn không?	Không bị ảnh hưởng gì
26.	Việc vận chuyển mù cao su của nông trường có gây ảnh hưởng đến địa phương không?	Không ảnh hưởng
27.	Công tác an ninh trật tự trên địa bàn?	Công ty và xã có kết hợp tổ chức các đợt tuần tra chung, phối hợp bảo vệ an ninh xã hội
28.	Địa phương có ý kiến góp ý gì về các hoạt động của công ty tại địa phương không?	Công ty tạo điều kiện cho người dân về việc làm tại công ty

Ngày 08 tháng 09 năm 2020

Người lập



Võ Văn Thành

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
C.TY TNHH MTV CAO SU BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THAM VẤN

Số: *041.04.010*

Người được phỏng vấn: Nguyễn Thị Đẹp (già làng người Châu Ro), chủ Xuân.

Bên liên quan: người dân thôn 2, xã Gia Huynh.

Địa chỉ nơi cư trú: thôn 2, xã Gia Huynh, Tánh Linh Điện thoại:.....

Địa điểm thực hiện: NT Gia Huynh Thời gian thực hiện: 08/09/2020

Người phỏng vấn/Nhóm thẩm định: Võ Văn Thành.

TT	Câu hỏi	Kết quả
1.	Hoàn cảnh sống của cô Nguyễn Thị Đẹp (già làng người dân tộc Châu Ro)	65 tuổi, có 9 người con đang làm việc cho các công ty doanh nghiệp trên địa phương (không có ai làm việc cho công ty), di dân về địa phương từ năm 1976 Gia đình được nhà nước giao cho hơn 2 ha đất để sinh sống, hiện gia đình đã bán diện tích đất này. Gia đình sinh sống bằng nghề nông, làm thuê, không có lương hưu Nhà nước có hỗ trợ bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số
2.	Nông trường có hoạt động hỗ trợ gì cho người dân tại địa phương không?	Có tặng quà (gạo, mắm, dầu ăn, ...) vào các dịp lễ tết. Tặng sách vở, học bổng cho các cháu.
3.	Vấn đề xung đột giữa người dân tộc thiểu số trên địa phương và nông trường	Không có xung đột
4.	Tranh chấp ranh giới, đất đai giữa nông trường và người dân địa phương	Không có, ranh giới đã xác định rõ ràng từ trước đây.
5.	Nông trường có xả rác, chất thải gì ảnh hưởng gì đến người dân địa phương không?	Không có ảnh hưởng gì
6.	Cô có nguyện vọng gì với công ty, nông trường không?	Nếu công ty, nông trường có trồng mới vườn cây hoặc có công việc mới thì tạo điều kiện việc làm cho người dân địa phương. Công ty xem xét nếu có thể hỗ trợ người dân địa phương sửa chữa, đường xá cầu cống cho bà con đi lại.
7.	Xe cộ đi lại của nông trường có gây phiền hà gì cho người dân địa	Không gây ảnh hưởng gì

TT	Câu hỏi	Kết quả
	phương không?	
8.	Tỷ lệ lao động nông trường là người địa phương	Khoảng 25 – 30% là người dân địa phương
9.	Hoạt động săn bắt, tiêu thụ động vật rừng tại địa phương	Đa dạng sinh học tại địa phương không còn nhiều, nên người dân cũng không còn các hoạt động săn bắt các động vật rừng
10.	Vấn đề cháy rừng	Những năm qua ở địa phương không có tình trạng cháy rừng
11.	Vấn đề đốt rẫy tại địa phương	Hiện không còn tình trạng đốt rẫy, rừng.
12.	Sinh hoạt văn hoá	Sống tập trung nhưng không còn các hoạt động văn hoá, tín ngưỡng tập trung

Ngày 08 tháng 09 năm 2020

Người lập



Võ Văn Thành

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
C.TY TNHH MTV CAO SU BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THAM VẤN

Số: 05/2020

Người được phỏng vấn: Lê Hải Thu và Lê Mỹ Quốc Bên liên quan: xã Gia Huynh

Địa chỉ nơi cư trú: xã Gia Huynh - Tánh Linh; Điện thoại:.....

Địa điểm thực hiện: UBND Xã Gia Huynh; Thời gian thực hiện: ngày 08/9/2020

Người phỏng vấn/Nhóm thẩm định: Trần Uyên Ca

TT	Câu hỏi	Kết quả
01	Trên địa bàn xã có rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng bảo tồn không?	- Tại xã Gia Huynh hiện đang quản lý khoảng 8,4ha rừng tự nhiên. - Rừng đặc dụng khu bảo tồn thiên nhiên quản lý khoảng 1.000ha - Rừng sản xuất gần 1.700 ha bao gồm cao su, keo, trầm, điều (không tính diện tích nông trường Gia Huynh của công ty TNHH MTV cao su Bình Thuận)
02	Hàng năm có kiểm kê không? (Công ty xin báo cáo kiểm kê các loại đất của xã)	Có. Huyện làm
03	Các loài động vật tại 8,4ha rừng tự nhiên gồm những loài nào?	Còn động vật hoang dã nhưng ít gồm: Chim Cắt, Chim ung, Chồn, Sóc, Cây hương, Heo rừng, Mèo rừng, Voọc, Rắn các loại ...
04	Chính quyền có các biện pháp gì để quản lý các động, thực vật hoang dã?	Có sự phối hợp giữa Khu bảo tồn và xã về tuyên truyền bảo vệ các giống loài, có các lớp tập huấn về tuyên truyền.
05	Anh cho biết địa phương mình có các loài thực vật gì quý hiếm?	Gồm có: trắc, cẩm, hương, sao, gỗ đỏ.
06	Địa phương mình có hướng dẫn để người dân, cũng như các tổ chức khác bảo vệ các loài thực vật không? (Xin văn bản các lớp tập huấn về bảo vệ Động thực vật hoang dã)	Hàng năm đều có chương trình tập huấn về bảo vệ các giống loài.
07	Các loại thuốc bảo vệ thực vật, Phân bón được sử dụng tại địa phương?	Nội dung này: địa phương không có thông tin, huyện quản lý.
08	Trên địa bàn có bao nhiêu nhân khẩu?	Xã đang thống kê lại
09	- Tại địa phương mình có bao nhiêu Tộc người?	Tại địa phương có: 12 dân tộc và 281 hộ dân. Chủ yếu là dân tộc Kinh; còn Châu Ro và

		Chăm là ít.
10	Tổng Diện tích tự nhiên tại địa phương là bao nhiêu?	Tổng diện tích tự nhiên tại địa phương là: 15.203 héc ta.
11	Chính sách hỗ trợ dân tộc tại địa phương như thế nào? Về y tế, giáo dục,...	Gồm có các chính sách như: - Chính sách 134, 135 của Trung ương. - Chính sách: Quyết định 102, 755, 2085 trước đây có hỗ trợ, nhưng không còn áp dụng từ năm 2019. Năm 2020, đang chờ hướng dẫn thực hiện lại các chính sách hỗ trợ trên. - Hiện nay, địa phương hỗ trợ cho người dân tộc chủ yếu là cấp đất nhưng địa phương cũng hết đất. Người dân tộc được cấp đất khoảng 12% - Về y tế: địa phương cấp 100% bảo hiểm y tế cho người dân tộc. - Về hỗ trợ giáo dục: Có trường Dân tộc nội trú, nhà nước hỗ trợ 100% cho người dân tộc theo ngân sách Trung ương. Từ 2019 đến nay tạm ngưng và huyện đang chờ hướng dẫn để được hỗ trợ theo ngân sách tỉnh.
12	Có tranh chấp giữa người dân tộc với các thành phần khác không?	Không có tranh chấp.
13	Con em người dân tộc có đi học đầy đủ không?	100% các em đến tuổi đều đi học đầy đủ.
14	Có nơi sinh hoạt cộng đồng cho Người dân tộc không (nhà văn hóa)? Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận có hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng không?	- Địa phương có xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng cho người dân tộc (thôn 2) (có người kinh cùng sinh hoạt chung). - Công ty cao su Bình Thuận: tết có phát gạo cho người nghèo.
15	Cơ sở hạ tầng, điện, nước sạch có đầy đủ không?	- Có đầy đủ điện, đường, trường, trạm. - Điện thắp sáng: 100% hộ dân đều có điện thắp sáng. - Nước sạch: toàn Xã chưa có hệ thống nước sạch. Nguồn nước sinh hoạt chủ yếu là giếng đào, giếng khoan.
16	Dân cư sinh sống bằng nghề gì?	Dân cư sinh sống chủ yếu là nghề Nông, Lâm là chính.
17	Địa phương có chương trình hướng dẫn cho Dân làm công tác Nông, Lâm nghiệp không? (Cho Công ty xin hồ sơ các lớp tập	Địa phương có mở lớp tập huấn về Trồng cao su, lớp thợ cạo mù cao su ... Lớp tập huấn này do xã phối hợp với Trung tâm nghề

	huấn của xã)	ngành tổ chức.
18	Các quy định áp dụng việc khai thác Lâm nghiệp như thế nào?	Quy trình bình thường là: Khi tới kỳ khai thác thì: người dân báo cho Xã; Xã báo Kiểm lâm địa bàn khi dân khai thác cây Lâm nghiệp như: Keo, cây cao su ... việc khai thác này có đóng thuế theo quy định pháp luật.
19	Các khu vực quản lý rừng khác?	Do các Công ty Lâm nghiệp trồng cây cao su, Keo. Các doanh nghiệp này hợp đồng với Cấp Tỉnh), thời gian hoạt động từ 40 đến 50 năm. Với loại hình này có khoảng trên 20 Công ty thuê đất trồng cây cao su, Tràm, Keo. Diện tích này có khoảng 2.000 héc ta.
20	Địa phương có Công ty chế biến về gỗ không?	Tại huyện Tân Linh có 01 cơ sở sản xuất ván ép từ Tràm, cây cao su.
21	Địa phương có xảy ra cháy rừng không?	Chưa có thông tin nào báo cháy rừng.
22	Địa phương có lũ quét, sạt lở không?	Không có. Chỉ có lốc xoáy gây thiệt hại cây cao su gãy đổ.
23	Tai nạn lao động trong hoạt động Lâm nghiệp tại địa phương có không?	Không có tai nạn trong hoạt động Lâm nghiệp tại địa phương.
24	Tỷ lệ người dân đang làm việc tại Nông trường Gia Huỳnh thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận chiếm bao nhiêu phần trăm?	Việc này địa phương chưa có thông tin cụ thể; chỉ có một số người dân đi cạo mù cao su cho tư nhân.
25	Về trang bị bảo hộ lao động như thế nào?	Xã có tuyên truyền và các doanh nghiệp có trang bị, dân cũng tự trang bị BHLĐ như ủng khi trồng cây cao su, mang khẩu trang vải khi bơm thuốc. Tuy nhiên, qua đánh giá là chưa đảm bảo về Bảo hộ lao động (do điều kiện làm việc tại địa phương).
26	Có khiếu nại nào liên quan đến Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận không?	Không có người dân nào khiếu nại về Công ty cao su Bình Thuận.
27	Công tác quản lý rác thải của Nông trường Gia Huỳnh đối với địa phương có ảnh hưởng gì không?	Nông trường Gia Huỳnh có đơn vị xử lý rác thải (có hợp đồng xe thu gom rác). Không ảnh hưởng gì đến sinh hoạt tại địa phương.
28	Địa phương có ý kiến, kiến nghị gì đối với Nông trường Gia Huỳnh nói riêng và Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận chung không?	- Cần tạo điều kiện việc làm cho người dân địa phương (khi có nhu cầu tuyển dụng lao động phù hợp). - Cần có chương trình hỗ trợ cho học sinh nghèo, gia đình khó khăn, người già, ... (chương trình an sinh xã hội).
29	Công tác An toàn trật tự và xã hội giữa địa phương và công ty có phối hợp không?	Có, phối hợp hằng ngày. Nhất là giải quyết các vụ người dân lấy trộm mù của Công ty.

30	Hệ thống giao thông tại địa phương như thế nào?	Hệ thống giao thông tại địa phương thuận lợi.
31	Bến mủ, xe chờ mủ cao su tại Nông trường Gia Huynh có ô nhiễm không, có gây phiền hà cho người dân địa phương không?	Không ô nhiễm, không ảnh hưởng đến sinh hoạt của người tại địa phương.

Ngày 08 tháng 09 năm 2020

Người lập



Trần Uyên Ca

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
C.TY TNHH MTV CAO SU BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THAM VẤN

Số: 06/2020

Người được phỏng vấn: Chủ Xuân và Cô Đẹp (già làng) Bên liên quan: Thôn 2 - Xã GH

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 2, xã Gia Huynh - Tỉnh Linh; Điện thoại:.....

Địa điểm thực hiện: Văn phòng Nông trường Gia Huynh; Thời gian thực hiện: ngày 08/9/2020

Người phỏng vấn/Nhóm thẩm định: Trần Uyên Ca

TT	Câu hỏi	Kết quả
01	Nhà nước có chế độ gì cho bà con mình không?	Có. Cho bảo hiểm y tế 100%. Giáo dục: trước năm 2019 chu cấp 100% đến phổ thông trung học, có trường dân tộc nội trú. Hiện nay chỉ có hộ nghề mới được hỗ trợ.
02	Nông trường Gia Huynh có hỗ trợ gì cho bà con dân tộc tại địa phương mình không?	Có. Hàng năm NTGH đều có hỗ trợ quà tết, hỗ trợ cho người già, gia đình khó khăn ...
03	Con em Dân tộc mình có người làm công nhân trong Nông trường Gia Huynh không?	Chỉ có vài người, đa số là con em người kinh là chính.
04	Tộc người ở địa phương mình chủ yếu là gì?	Chủ yếu là Châu Ro.
05	Quan hệ địa phương, Tộc người với Công ty cao su Bình Thuận, Nông trường Gia Huynh như thế nào?	Có mối quan hệ tốt, cùng phối hợp giải quyết khi có vấn đề phát sinh.
06	Tình hình tranh chấp đất đai có không?	Không có phát sinh tranh chấp, bà con sinh sống ổn định.
07	Gia đình, con cái cô có được cấp đất không?	Có, đã được nhà nước cho 4 sào đất ở.
08	Vấn đề rác thải, thuốc BVTV của nông trường có ảnh hưởng đến dân địa phương không?	Không có
09	Cô chú có đề xuất ý kiến gì đối với Công ty cao su Bình Thuận, cũng như đối với Nông trường Gia Huynh?	- Công ty nếu cần lao động thì ưu tiên cho con em địa phương xã Gia Huynh để có việc làm, ổn định cuộc sống. - Công ty cần có ngân sách làm đường (sửa chữa), làm cầu tại địa phương xã Gia Huynh.
10	Xe chở mủ cao su tại Nông trường Gia Huynh có gây phiền hà cho bà con không?	Không gây phiền hà gì. Không ảnh hưởng gì đến đời sống, sinh hoạt tại địa phương.
11	Lao động tại xã Gia Huynh làm trong Nông trường Gia Huynh là bao nhiêu người?	Chiếm khoảng 25-30% người dân địa phương còn lại là ở địa phương khác (vì con em địa

		phương không chịu làm công nhân trong Nông trường). Con em dân tộc khoảng 10 người.
12	Trong địa phương có còn động vật hoang dã nhiều không?	Còn nhưng rất ít.
13	Tình hình cháy rừng có xảy ra không?	Không có vụ cháy nào xảy ra. Dân chủ động chống cháy tốt.
14	Công tác tuyên truyền PCCC như thế nào?	Địa phương luôn tuyên truyền bà con phải phòng chống cháy. Tuy nhiên, bà con dân tộc tự nhắc nhở nhau là chính.
15	Vấn đề tín ngưỡng như thế nào?	Các tập tục nguyên sơ hầu như đã bỏ hết. Chỉ cúng cuối năm; sinh hoạt cộng đồng thì có cả người dân và người kinh.

Ngày 08 tháng 09 năm 2020

Người lập

Trần Uyên Ca

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
C.TY TNHH MTV CAO SU BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THAM VẤN

Số D.X.1.2020

Người được phỏng vấn: Mai Văn Tuấn

Bên liên quan: Người lao động

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 2, xã Tân Hà, Đức Linh

Điện thoại:.....

Địa điểm thực hiện: NTGH

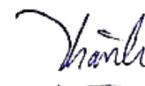
Thời gian thực hiện: ngày 08/09/2020

Người phỏng vấn/Nhóm thẩm định: Võ Văn Thành

TT	Câu hỏi	Kết quả
1.	Công nhân được trang bị những bảo hộ lao động nào khi tham gia lao động trên vườn cây?	Có. Hàng năm Công ty đều trang bị bảo hộ lao động đầy đủ. Bảo hộ lao động được công ty trang bị gồm: Giày, ủng, nón, quần áo LĐ.
2.	Bảo hộ lao động có được người lao động mình sử dụng trong khi làm việc không?	Có. Lao động phải mang bảo hộ lao động khi làm việc.
3.	Bảo hộ lao động có phù hợp cho hoạt động hàng ngày của người lao động không?	Có. Bảo hộ lao động phù hợp với công việc hiện tại.
4.	Công nhân có nhu cầu trang bị thêm những bảo hộ lao động nào?	Bổ sung thêm 1 bộ quần áo lao động
5.	Các chế độ như đóng bảo hiểm xã hội, tai nạn, thất nghiệp có được công ty thực hiện thường xuyên không	Có, Công ty thực hiện đầy đủ
6.	Các chế độ về bồi dưỡng độc hại, thăm hỏi, phúc lợi của công ty dành cho công nhân như thế nào?	Chế độ bồi dưỡng độc hại, thăm hỏi đầy đủ
7.	Công nhân có kiến nghị, yêu cầu bổ sung gì về chế độ cho người lao động không?	Không

Ngày 08 tháng 09 năm 2020

Người lập



Võ Văn Thành

PHIẾU THAM VẤN

Số: 08/2020

Người được phỏng vấn: L. Hải Thu, L. Mỹ Quốc... Bên liên quan: Xã Gia Huỳnh...

Địa chỉ nơi cư trú: UBND xã Gia Huỳnh - Tỉnh Bình Thuận Điện thoại:.....

Địa điểm thực hiện: UBND xã Gia Huỳnh..... Thời gian thực hiện: 08/9/2020.

Người phỏng vấn/Nhóm thẩm định: Lâm Tự Nhung - phỏng QLCT

TT	Câu hỏi	Kết quả
1/	Trên địa bàn xã Gia Huỳnh quản lý gồm các loại rừng nào?	Trả lời: gồm có rừng sản xuất, rừng đặc dụng... và quản lý 8,4 ha rừng tự nhiên. Đối với rừng sản xuất chủ yếu là trà, cây điều chiếm khoảng 85 ha, diện tích rừng s.x khoảng 1.7 ha.
2/	Đứng rất hoang dã gồm những loài nào chủ yếu? Bảo tồn như thế nào?	Trả lời: đứng rất hoang dã nơi đây rất phong phú gồm có: heo, sóc, chồn và các loài chim... ở xã chỉ được tuyên truyền bảo tồn đứng rất
3/	Bảo vệ thực vật gồm những loài nào?	Trả lời: Các mặt như: trái, sao xanh, cây gỗ... ở xã được tập huấn bảo vệ đứng thực vật bằng hình ảnh.
4/	Hiện diện tích xã là bao nhiêu? có người dân tộc nào k? có những chính sách hỗ trợ nào người dân tộc.	Trả lời: 15.203 ha, đứng số hộ 281 hộ có 12 dân tộc, chủ yếu là dân tộc Chăm và được thấy người dân tộc được hỗ trợ theo chương trình 134, 135, QĐ 102 của chính phủ, nhưng hiện nay không còn, đang chờ ban hành. Đối với bảo hiểm y tế, nhân thọ được nhà nước hỗ trợ 100%.
5/	Đối ứng văn hóa, tâm linh hiện nay ra sao mà người dân tộc?	Trả lời: Được thấy có nhà sinh hoạt cộng đồng, giữa người Kinh và dân tộc, kinh phí do địa phương góp, văn hóa tâm linh của người dân tộc đã mất gốc

6/ Tranh chấp đất giữa người kinh và dân tộc?	6/ Trả lời: ít xảy ra, chủ yếu là giáp ranh, vùng đệm, ven biển.
7/ Nguồn nước sử dụng hiện nay như?	7/ Trả lời: ở xã chưa có nguồn nước sạch, chỉ có nước hợp vệ sinh là nước giếng.
8/ Ngành nghề kinh bĩnh chủ yếu của dân địa phương?	8/ Trả lời: nghề chính là nông lâm, kết hợp với chăn nuôi.
9/ Người dân có được tập huấn, hướng dẫn chuyển giao công nghệ về ngành nghề chăn nuôi + trồng trọt?	9/ Trả lời: Trung tâm phối hợp với xã tổ chức tập huấn, trồng trọt, chăn nuôi, bảo vệ và hướng dẫn nghề nuôi nấng.
10/ Khai thác rừng trồng có tuân theo quy định gì?	10/ Trả lời: các Cty trồng rừng, trăm tập địa bàn họ khai báo về vị trí, diện tích, tài liệu và đóng thuế cho nhà nước và do lâm lâm quản lý.
11/ Trong năm 2019 có xảy ra cháy rừng?	11/ Trả lời: có, nhưng diện tích nhỏ, các Cty trồng rừng có phòng cháy và người trực bảo vệ.
12/ Có bắt lá trên địa bàn không?	12/ Trả lời: không có bắt lá, chỉ có lộc xoáy chỉ làm theo hủi về tài sản cây cao su.
13/ Trên địa bàn có máy công cụ đóng chân?	13/ Trả lời: có 22 công ty họ thuê đất trực tiếp ở tỉnh và trồng, khai thác rừng trồng.
14/ Trên địa bàn có xảy ra tai nạn lao động không?	14/ Trả lời: có xảy ra những nhẹ, chủ yếu là tay chân.

Ngày 08. tháng 09. năm 2020

Người lập

Jul
Lâm Quý Phụng

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
C.TY TNHH MTV CAO SU BÌNH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THAM VẤN

Số: 031.2020

Người được phỏng vấn: T. B. Đ. p. q. l. a. t. Ch. x. v. n. B. n. l. i. e. n. q. u. a. n.: T. h. m. 2. G. i. a. H. u. y. n. h.

Địa chỉ nơi cư trú: T. h. m. 2, x. a. C. a. o. H. u. y. n. h. T. a. n. h. l. i. e. n. D. i. e. n. t. h. o. a. i.:

Địa điểm thực hiện: N. l. i. C. a. o. H. u. y. n. h. Thời gian thực hiện: 08/9/2020

Người phỏng vấn/Nhóm thẩm định: L. a. m. T. y. Q. u. a. n. g - p. h. o. n. g. Q. u. a. n.

TT	Câu hỏi	Kết quả
1/	Cô đẹp sinh sống ở đây năm nào? và có mấy người em? hiện đang làm việc ở đâu?	Trả lời: cô sinh sống nơi đây vào năm 1976, có tổng 9 người em và có 2 người em làm việc ở Cty Thắng Lợi.
2/	Cô là người dân tộc gì? trước đây cô làm nghề gì sinh sống?	Trả lời: tôi là người dân tộc châu Ro, trước đây cô làm nghề ruộng sinh sống, khai thác dầu, bắt dăng mạy, ...
3/	Cty cao su có hồ sơ gì về dân tộc?	3. Trả lời: chưa có hồ sơ nhiều, chỉ có hồ sơ học sinh tăng qua cuối năm
4/	Nhà nước có hồ sơ về người dân tộc?	4. Trả lời: nhà nước có hồ sơ người dân tộc về bảo hiểm y tế, bảo hiểm nhân thọ
5/	Giữa đây giữa người dân tộc và công nhân có đánh nhau k?	5. Trả lời: có đánh nhau, do hiểu lầm và đã giải quyết ổn thỏa các bên.
6/	Vấn đề môi trường có ảnh hưởng gì đến người dân địa phương?	6. Trả lời: không có ảnh hưởng gì? phía Cty thu xử lý rác thải, chài nhựa, chài thải rắn độc hại. ...
7/	Người dân địa phương có yêu cầu gì không? đối với Công ty Cao su.	7. Trả lời: Cty nên tạo công ăn việc làm, tập huấn về chăm sóc, khai thác, bảo vệ để người dân tộc có việc làm, thu nhập ổn định đời sống, an sinh xã hội. Hồ sơ người dân làm đường, cầu cống, hỗ trợ đi thuyền lười đi lại giữa người dân và Cty Cao su.
8/	Công ty sử dụng thuốc BVTN có ảnh hưởng đến người dân k?	Trả lời: Cty cần hạn chế sử dụng thuốc BVTN, về môi trường không ảnh hưởng đến người dân.

9. Trình độ văn hoá của người dân tộc như thế nào?	Trả lời: trình độ văn hoá rất thấp lớp 9-12 là cao nhất, có chính sách hỗ trợ cho người dân tộc đi giảm học phí cho học nghĩa.
10. Cây cao su giúp dân có ảnh hưởng, tại cây, ngã ra đường, sẽ mừng thoát nước ...?	10. Trả lời: cây cao su ngã ra đường cản bộ dân tại cây lúc trời không ảnh hưởng đến việc đi lại, có đường mừng thoát nước không gây xói mòn làm ảnh hưởng đến sinh hoạt người dân.
11. Trật tự an ninh giữa địa phương và bên Cty cần thực hiện ntn?	11. Trả lời: địa phương mong muốn thường xuyên phối hợp với Cty để bảo vệ an ninh địa phương, ngăn chặn các tệ nạn xã hội gây mất ổn định tại địa phương và nạn lây nhiễm của Cty.
12. Người dân địa phương thường xuyên đến cơ quan tức là lây nhiễm của Cty	12. Trả lời: địa phương thường xuyên tuyên truyền đến người dân không được vào lá cao su lây nhiễm mầm mủ, giữ gìn trật tự an ninh tại địa phương ổn định.

Ngày 08 tháng 9.. năm 2020

Người lập

Jul

Sơn Kỳ Nhung

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
C.TY TNHH MTV CAO SU BÌNH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THAM VẤN

Số: *10.../.../...*

Người được phỏng vấn: Phạm Lê Ngọc Thiện Bên liên quan: Xã Suối Kiết

Địa chỉ nơi cư trú: UBND xã Suối Kiết - Tánh Linh; Điện thoại:.....

Địa điểm thực hiện: UBND Xã Suối Kiết; Thời gian thực hiện: ngày 27/10/2020

Người phỏng vấn/Nhóm thẩm định: Đàm Tuấn – Phòng TTBVQS – Thành viên Tổ giúp việc thực hiện chứng chỉ phát triển Rừng bền vững (theo Quyết định số: 120/QĐ-CSBT, ngày 09/7/2020 của Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận)

TT	Câu hỏi	Kết quả
01	<i>Anh cho biết: tại địa phương mình có rừng tự nhiên không?</i>	Tại xã Suối Kiết không có rừng tự nhiên
02	<i>Địa phương mình có rừng sản xuất, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ không?</i>	- Rừng sản xuất: 13.469ha (không tính diện tích rừng cao su của Nông trường Sông Giêng thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận). Rừng này của Công ty Lâm nghiệp và của người dân. Chủ yếu trồng cây cao su, trà, điều. - Rừng phòng hộ: 989ha (của Z30D) - Rừng đặc dụng: 109ha (thuộc khu Bảo tồn Thiên nhiên Núi Ong)
03	<i>Anh có thể cho biết, tổng diện tích tự nhiên tại địa phương mình là bao nhiêu</i>	Tổng diện tích tự nhiên tại xã Suối Kiết là: 22.114ha (trong đó: NTSG chiếm trên 1.100ha).
04	<i>Tình hình tranh chấp đất đai giữa người dân địa phương với Nông trường Sông Giêng – Công ty Cao su Bình Thuận có không?</i>	Không có đơn thư, khiếu nại về tranh chấp đất đai với Công ty.
05	<i>Tình hình ANTT giữa Nông trường Sông Giêng và người dân địa phương có hay không?</i>	Hoạt động giữa Nông trường Sông Giêng và người dân hài hòa, không gây mất ANTT. Chỉ có vài đối tượng dân bên ngoài vào lấy cắp mủ cao su bị bảo vệ Nông trường bắt giao cho công an địa phương giải quyết, tình trạng này địa phương kiểm soát được.
06	<i>Dân ở địa phương mình sống chủ yếu làm nghề gì?</i>	Dân tại địa phương sống chủ yếu làm Nông – Lâm nghiệp: trồng cây công nghiệp (trà, điều, cao su, tầm vong ...)

07	Tại địa phương mình có bao nhiêu Tộc người? mối quan hệ cộng đồng giữa người dân tộc và người kinh có hài hòa không? Có chia rẽ không?	Tại địa phương có: 08 dân tộc, gồm: Kinh; Châu Ro, Chăm ... nhưng dân tộc kinh chiếm đa số. Các dân tộc tại địa phương sống hài hòa, không chia rẽ.
08	Nông trường Sông Giêng hoạt động, sản xuất kinh doanh có gây ảnh hưởng đến đời sống người dân tại địa phương không?	Nông trường Sông Giêng đóng chân trên địa bàn Suối Kiết là điều kiện rất tốt cho địa phương. Nông trường đã tạo công ăn việc làm cho dân địa phương, đảm bảo ANTT tại địa phương nói chung.
09	Tỷ lệ người dân địa phương làm việc tại Nông trường Sông Giêng là bao nhiêu?	Từ 20 đến 30 người. Có cuộc sống ổn định.
10	Giữa Nông trường Sông Giêng và chính quyền địa phương có phối hợp trong việc đảm bảo ANTT chung hay không?	Hàng năm đều có quy chế phối hợp tuần tra, kiểm tra, truy quét các loại tội phạm giữa Công an Suối Kiết và Nông trường Sông Giêng. Từ đó giữ vững ANTT tại Nông trường nói riêng và địa phương nói chung.
11	Tại địa phương có bao nhiêu điểm thu mua mủ cao su tư nhân?	Hiện nay có trên 15 điểm thu mua cao su tư nhân của người dân. Tất cả đều có giấy phép đăng ký kinh doanh. Chủ yếu là thu mua cao su tiểu điền.
12	Địa phương có ý kiến gì đối với Công ty không?	Bảo vệ Công ty nếu phát hiện đối tượng khai thác khoáng sản trái phép trong khu vực Nông trường quản lý và các xe chở cát làm hư hỏng đường sá trên lô cao su thì kịp thời báo cho Công an xã để phối hợp giải quyết được kịp thời.

Ngày 27 tháng 10 năm 2020

Người lập



ĐAM TUẤN

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
C.TY TNHH MTV CAO SU BÌNH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THAM VẤN

Số: 11.../2020

Người được phỏng vấn: anh Tuệ (cán bộ thông tin xã) Bên liên quan: Xã Sông Giêng – Tánh Linh

Địa chỉ nơi cư trú: Xã Sông Giêng – Huyện Tánh Linh Điện thoại:.....

Địa điểm thực hiện: UBND xã Sông Giêng Thời gian thực hiện:.....

Người phỏng vấn/Nhóm thẩm định: Trần Uyên Ca

TT	Câu hỏi	Kết quả
1.	Trên địa bàn có bao nhiêu nhân khẩu?	Trên địa bàn có trên 7.000 dân, khoảng 2.000 hộ
2.	Dân tộc chủ yếu trong xã là? Người Kinh chiếm tỷ lệ bao nhiêu?	Dân tộc Kinh (khoảng 80%), Raglay (khoảng 15%), Còn lại là dân tộc Khơ me, Nùng, Tày
3.	Có người bản xứ sinh sống ở đây không?	Dân tộc sống lâu đời nhất là người Raglay, còn lại là di cư. Người Kinh chủ yếu di cư từ Quảng Bình, Quảng Trị
4.	Phong tục tập quán của người bản xứ? Thờ cúng? Sinh hoạt văn hóa xã hội còn giữ được bản sắc không?	Tất cả bị mai một hết. Các dân tộc còn tiếng nói riêng, còn lại thờ cúng, lễ tết,... giống người Kinh
5.	Ngành nghề chủ yếu của dân địa phương?	Chủ yếu là nghề nông: trồng cao su, điều, lúa
6.	Công nhân trong Công ty TNHH MTV cao su Bình Thuận có người địa phương nhiều không?	Nhiều, có con em dân tộc.
7.	Nhà nước có hỗ trợ gì cho người dân tộc thiểu số ở địa phương không?	- Y tế: cấp miễn phí bảo hiểm y tế 100% - Về hỗ trợ giáo dục: Có trường Dân tộc nội trú, nhà nước hỗ trợ 100% cho người dân tộc theo ngân sách Trung ương. Từ 2019 đến nay tạm ngưng.
8.	Trình độ văn hóa của người dân tộc?	Những năm gần đây có phổ cập giáo dục, đạt từ tiểu học trở lên
9.	Ở địa phương có hộ nghèo nhiều không?	3,8%
10.	Ngoài nghề nông tại địa phương còn có nghề truyền thống nào?	Làm dưa kè (Đưa từ cây kè)
11.	Có các loài động vật nào trong khu vực? Có loài quý hiếm?	Heo rừng, cheo, khỉ, voọc nhưng còn rất ít
12.	Mình có tuyên truyền cho dân địa phương về bảo vệ động vật hoang dã không?	Có

Ngày 27 tháng 10 năm 2020

Người lập

Trần Uyên Ca

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
C.TY TNHH MTV CAO SU BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THAM VẤN

Số: *N.1.2020*

Người được phỏng vấn: Ông Nguyễn Văn Hoàng Bên liên quan: Cán bộ phụ trách môi trường xã Suối Kiết

Địa chỉ nơi cư trú: Điện thoại:

Địa điểm thực hiện: UBND xã Suối Kiết – Tánh Linh Thời gian thực hiện:

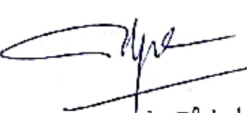
Người phỏng vấn/Nhóm thẩm định: Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Văn Thành

TT	Câu hỏi	Kết quả
1.	Các vỏ chai thuốc BVTV (thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, thuốc trị nấm bệnh có được nông trường thu gom xử lý chất thải nguy hại không hay vứt bừa bãi ra môi trường?	Công nhân sau khi phun xịt thuốc chưa thu gom triệt để, vẫn còn vứt vỏ chai trên lô và ven suối.
2.	Hoạt động hàng ngày của công nhân, người dân trên địa bàn có xả thải, xả rác trên vườn cây, địa bàn của địa phương hay không? (Xả rác sinh hoạt, vỏ chai thuốc BVTV, bao phân, xác gia súc gia cầm chết...) Công tác quản lý, thu gom rác thải của Nông trường có ảnh hưởng gì đến sinh hoạt của địa phương không?	Trước đây khi địa phương chưa có dịch vụ thu gom rác thì người dân đem rác sinh hoạt vứt vào lô cao su. Nhưng từ tháng 10/2018 đến nay địa phương có xe chuyên dụng thu gom rác đi xử lý nên tình trạng đem rác sinh hoạt vứt vào lô cao su không còn nữa. Tuy nhiên đối với chai lọ thuốc BVTV người dân sau khi sử dụng vẫn còn vứt ra lô không thu gom.
3.	Việc giao nhận mù tại các bến mù, nước thải của quá trình vệ sinh bến mù có gây ô nhiễm môi trường không? Có chảy ra suối không và có ảnh hưởng gì đến nguồn nước sinh hoạt của người dân địa phương không?	Do bến mù nằm xa khu dân cư, nên các hoạt động giao nhận mù tại bến không gây ảnh hưởng gì đến người dân. Không có nước thải chảy ra suối.
4.	Xe vận chuyển mù của công ty có gây ô nhiễm mùi hôi, khói, bụi, hư hỏng đường xá của địa phương không? Có gây phiền hà gì cho người dân địa phương hay không?	Xe vận chuyển mù đi trong đường lô của Công ty không gây ảnh hưởng, phiền hà gì đến dân địa phương.
5.	Hoạt động sản xuất trên vườn cây của công ty có gây sạt lở, xói mòn, ngăn cản dòng chảy của các suối trên địa phương không?	Không có
6.	Tại các vùng giáp ranh của vườn cây nông trường, người dân có khiếu nại về việc tán, bóng cây phủ qua đất dân hay tranh chấp về ranh giới hay không? Cây có bị đổ, ngã ra đường ảnh hưởng đến việc đi lại của người dân không?	Không có khiếu nại gì của người dân. Cây gãy đổ được xử lý kịp thời. Không ảnh hưởng đến đi lại của người dân

TT	Câu hỏi	Kết quả
7.	Có lao động địa phương làm việc cho nông trường Sông Giêng không? Nông trường có ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương không? tỷ lệ lao động của người dân địa phương tại nông trường chiếm bao nhiêu %	Dân lao động địa phương làm việc cho Nông trường chiếm khoảng 45%. Chủ yếu là công nhân đã làm việc tại nông trường rồi mới nhập cư vào địa phương.
8.	Người dân địa phương có khiếu nại gì về các hoạt động sản xuất của nông trường Sông Giêng hay không?	Không có
9.	Công nhân được trang bị những bảo hộ lao động nào khi tham gia lao động trên vườn cây? Công nhân có nhu cầu trang bị thêm những bảo hộ lao động nào?	
10.	Tai nạn lao động trong hoạt động Lâm nghiệp tại địa phương có thường xảy ra không?	Không có tai nạn lao động, chỉ có 1 vụ tai nạn của người dân tự ý vào lô trộm củ, trượt té ngã chết.
11.	Các vấn đề khác địa phương góp ý cho công ty trong hoạt động sản xuất của nông trường Sông Giêng trên địa phương	Đề nghị công ty có biện pháp thu gom triệt để vỏ chai thuốc bvtv xử lý, không vứt bừa bãi ra lô, suối.

Ngày 27 tháng 10 năm 2020

Người lập


 Nguyễn Thị Hằng.


 Võ Văn Thanh

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
C.TY TNHH MTV CAO SU BÌNH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THAM VẤN

Số: 13.1.2020

Người được phỏng vấn: Nguyễn Văn Hoàng

Bên liên quan: Cán bộ địa chính, môi trường, xã hội xã Suối Kiết.

Địa chỉ nơi cư trú: xã Suối Kiết, Tánh Linh

Điện thoại:.....

Địa điểm thực hiện: UBND xã Suối Kiết

Thời gian thực hiện: 27/10/2020

Người phỏng vấn/Nhóm thẩm định: Võ Văn Thành.

TT	Câu hỏi	Kết quả
1.	Việc sử dụng các thuốc bảo vệ thực vật như: thuốc cỏ, thuốc sâu, phân bón... của công ty tại nông trường Sông Giêng có gây ảnh hưởng gì đến địa phương không?	Vẫn còn tình trạng vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật chưa được thu gom sau khi sử dụng. Tại địa phương cũng có tình trạng này. Hàng tuần, chính quyền địa phương có tổ chức thu gom chung với rác thải sinh hoạt.
2.	Việc giao nhận mù tại các bến mù, nước thải của quá trình vệ sinh bến mù có gây ô nhiễm môi trường không?	Có tình trạng nước rửa bến, rửa thùng chảy ra tự nhiên chưa được thu gom xử lý, tuy nhiên vị trí các bến mù nằm xa khu vực dân cư nên không gây ảnh hưởng.
3.	Xe vận chuyển mù của công ty có gây ô nhiễm khói, bụi, hư hỏng đường xá của địa phương không? Có gây phiền hà gì cho người dân địa phương hay không?	Vào mùa nắng, xe vận chuyển mù có gây ảnh hưởng bụi trong lộ, ngoài khu dân cư không ảnh hưởng gì.
4.	Hoạt động sản xuất trên vườn cây của công ty có gây sạt lở, xói mòn, ngăn cản dòng chảy của các suối trên địa phương không?	Không ảnh hưởng
5.	Hoạt động hàng ngày của công nhân, người dân trên địa bàn có xả thải, xả rác trên vườn cây, địa bàn của địa phương hay không?	Trước đây thì có tình trạng xả rác, từ tháng 10/2018 đến nay có giảm do có xe rác thu gom hàng tuần.
6.	Tại các vùng giáp ranh của vườn cây nông trường, người dân có khiếu nại về việc tán, bóng cây phủ qua đất dân hay tranh chấp về ranh giới hay không?	Không có tranh chấp về ranh giới, không có khiếu nại của người dân địa phương
7.	Có lao động địa phương làm việc cho nông trường Sông Giêng không? Nông trường có ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương không?	Khoảng 45% lao động của nông trường Sông Giêng là người dân có hộ khẩu ở địa phương
8.	Người dân địa phương có khiếu nại gì về các hoạt động sản xuất của nông trường Sông	Không có phản nản, khiếu nại của người dân địa phương về hoạt động sản xuất của nông

TT	Câu hỏi	Kết quả
	Giêng hay không?	trường Sông Giêng
9.	Các vấn đề khác địa phương góp ý cho công ty trong hoạt động sản xuất của nông trường Sông Giêng trên tại phường	Không có vấn đề tồn đọng lao động tại địa phương

Ngày 27 tháng 10 năm 2020

Người lập

Trần
 Võ Văn Trâm

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
C.TY TNHH MTV CAO SU BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THAM VẤN

Số *11.1.0020*

Người được phỏng vấn: Đặng Thanh Hiền

Bên liên quan: Công nhân đội 2

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 1, xã Suối Kiết, Tánh Linh

Điện thoại:.....

Địa điểm thực hiện: Đội 2-NTSG

Thời gian thực hiện: ngày 29/10/2020

Người phỏng vấn/Nhóm thẩm định: Võ Văn Thành

TT	Câu hỏi	Kết quả
1.	Công nhân được trang bị những bảo hộ lao động nào khi tham gia lao động trên vườn cây?	Có. Hàng năm Công ty đều trang bị bảo hộ lao động đầy đủ. Bảo hộ lao động được công ty trang bị gồm: Giày, ủng, nón, quần áo LD.
2.	Bảo hộ lao động có được người lao động mình sử dụng trong khi làm việc không?	Có. Lao động phải mang bảo hộ lao động khi làm việc.
3.	Bảo hộ lao động có phù hợp cho hoạt động hàng ngày của người lao động không?	Có. Bảo hộ lao động phù hợp với công việc hiện tại.
4.	Công nhân có nhu cầu trang bị thêm những bảo hộ lao động nào?	Bổ sung thêm 1 bộ quần áo lao động
5.	Các chế độ như đóng bảo hiểm xã hội, tai nạn, thất nghiệp có được công ty thực hiện thường xuyên không?	Có, Công ty thực hiện đầy đủ
6.	Các chế độ về bồi dưỡng độc hại, thăm hỏi, phúc lợi của công ty dành cho công nhân như thế nào?	Chế độ bồi dưỡng độc hại, thăm hỏi đầy đủ
7.	Công nhân có kiến nghị, yêu cầu bổ sung gì về chế độ cho người lao động không?	Hỗ trợ tiền ăn giữa ca, đơn giá sản phẩm

Ngày 29 tháng 10 năm 2020

Người lập



Võ Văn Thành

Bình Thuận
Số: .../BTRC

-----★-----
Bình Thuận, ngày 27 tháng 10 năm 2020.

PHIẾU THAM VẤN

Số: 15.12020

Người được phỏng vấn: Nguyễn Thống Chiêng Lâm.... Bên liên quan: xã Suối Kút.....

Địa chỉ nơi cư trú:..... UBND xã Suối Kút..... T. Linh Điện thoại:.....

Địa điểm thực hiện:..... UBND xã Suối Kút..... Thời gian thực hiện: 27/10/2020

Người phỏng vấn/Nhóm thẩm định: Lâm Tự Quỳnh..... Phạm Thị.....

TT	Câu hỏi	Kết quả
1.	UBND xã Suối Kút quản lý gồm các loại rừng nào? Có giao khoán rừng cho các hộ dân địa phương k?	Trả lời: xã quản lý 4 loại rừng rừng đặc dụng: 109 ha. rừng phòng hộ: 715 ha. rừng tự nhiên: 22.114 ha. rừng sản xuất: 9.797 ha gồm có cây cao su + Tràm + điều. Có 91 hộ dân được giao khoán quản lý rừng, dt: 3.343 ha và được trả tiền 400.000 đồng /ha/năm.
2.	Bảo vệ rừng thực vật hoang dã ở địa phương NTN?	Trả lời: hàng năm, xã phối hợp cùng lâm lâm tuyên truyền bằng nhiều hình thức: phát trên đài phát thanh, xe radio tuyên truyền, phát tờ rơi, tập huấn tại xã bằng hình ảnh máy chiếu cách bảo vệ rừng thực vật hoang dã.
3.	Các động vật hoang dã hiện nay ở địa phương	Trả lời: khỉ, hổ, rắn, chim, vượn, voi, và các loài chim: cú mèo, chào mào, chích chòe....
4.	Đối với rừng sản xuất các Cty thuê đất khai thác NTN?	Trả lời: các Cty thuê đất ở tỉnh hàng năm, xây dựng kế hoạch khai thác khai bao sẽ trả lương gỗ, vì bị, dân tộc. Các địa bàn có 15 công ty. Xã và lâm lâm phối hợp

5. Mùa khô công tác PCC như thế nào? Có xảy ra cháy rừng k?	tuân tra theo kế hoạch gửi địa phương Trả lời: Xã xây dựng phòng an thành lập đơn, tổ, phân công thuế cao diện, và những thôn gia được nhà nước hỗ trợ về công tác phòng chống cháy. Nhờ các Cty thuế đất thuế biến thuế phường an. Tuyên truyền vận động người dân PCC. Trung năm 2019 không xảy ra cháy rừng các hộ dân có xảy ra cháy nhỏ không đáng kể, không thiệt hại về tài sản và con người.
6. Vận chuyển Lâm sản của các Cty tư nhân có ảnh hưởng gì đến địa phương.	Trả lời: Vận chuyển lâm sản bình thường là. Các Cty có rải đá, sửa chữa đường nhưng theo hai vết rãnh
7. Việc săn bắt động vật hoang dã ở địa phương còn k?	Trả lời: rất ít, chủ yếu một số động bào dân tộc tập, đánh săn bắt, bắt bẫy bắt chim, rắn, chồn. ...
8. Những hộ dân trồng rừng, giáp ranh Cty cao su có tranh chấp gì k?	Trả lời: không xảy ra tranh chấp nào.
9. Ngành nghề chủ yếu của dân địa phương và có nghề mới nào k?	Trả lời: chủ yếu là nghề nông lâm + chăn nuôi + thợ hồ.
10. Có trang bị BHLĐ khi phun thuốc BVTV hoặc khai thác Lâm sản?	Trả lời: có trang bị: găng tay, ủng, mũ áo quần BHLĐ không có.
11. Thường xuyên xảy ra tai nạn Lao động k?	Trả lời: rất ít, tai nạn thường có về tay, chân do vận chuyển Lâm sản bằng xe máy.

Ngày 27. tháng 10. năm 2020.

Người lập

Jul

Lâm Quý Hưng

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
C.TY TNHH MTV CAO SU BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THAM VẤN

Số: 16.1.2020

Người được phỏng vấn: Nguyễn Hùng, Ch. Ng. Lâm... Bên liên quan: xã... huyện... tỉnh.....

Địa chỉ nơi cư trú:..... xã... huyện... tỉnh... Điện thoại:.....

Địa điểm thực hiện: (UBND) xã... huyện... tỉnh..... Thời gian thực hiện: 27.1.2020

Người phỏng vấn/Nhóm thẩm định: Lâm Tự Hùng - phỏng QLCT.

TT	Câu hỏi	Kết quả
13.	Công tác trồng rừng người dân được tập huấn hay không?	13. Trả lời: Trung tâm dạy nghề phối hợp với xã tập huấn về trồng, chăm sóc, khai thác và bảo vệ cây cao su cho người dân. Do nhà nước hỗ trợ học tập.
14.	Đối với rừng tự nhiên người dân còn khai thác không?	14. Trả lời: rất ít, chủ yếu người dân vào rừng đốn các cây như cây: côm, gô.
15.	Người dân bình tĩnh ở đây khi nào, gồm những người dân nào?	15. Trả lời: người dân du nhập vào đây trước năm 1975. Chủ yếu là dân Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.
16.	Ở địa phương có làng nghề nào không?	16. Trả lời: có nghề mộc: đóng bàn, ghế. Hiện tại địa phương có 5 xưởng nhỏ, mua Lâm sản ở nơi khác về, cung cấp bàn, ghế khắp nơi.
17.	Người dân địa phương có làm việc cho NT Bình Giang không?	17. Trả lời: có, làm nghề công nhân + bảo vệ + tài xế lái xe và thu nhập cuộc sống ổn định.
18.	Các Lâm sản phụ người dân còn khai thác không?	18. Trả lời: Trước đây có khai thác bắt đầu mấy, hái lá lốt làm nộm và bán lại cho các doanh nghiệp. Hiện nay, ở xã còn có nghề làm thuốc từ lá cây lốt cũng cấp khắp nơi.

--	--	--

Ngày 27. tháng 10. năm 2020

Người lập

Jul

Sâm Ag / Nhung

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
C.TY TNHH MTV CAO SU BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THAM VẤN

Số: 18.1.2020

Người được phỏng vấn: Hoàng Minh Tuấn Bên liên quan: Văn phòng xã hội & Sức khỏe

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 3 - Suối Ké Điện thoại:

Địa điểm thực hiện: UBND Suối Ké Thời gian thực hiện: giờ, 27/10/2020

Người phỏng vấn/Nhóm thẩm định: Nguyễn Thanh Văn

TT	Câu hỏi	Kết quả
1)	Địa bàn bao nhiêu nhân khẩu?	- Hơn 7000 nhân khẩu, hộ hơn 2000 dân tộc: Kinh, Kơlây, Chăm, Kinh Chăm 80% dân số, dân tộc bản địa là Kơlây
2)	Cây nông nghiệp chủ yếu?	- Loại cây của bản địa là ma chay - Dân tộc Chăm và Kinh theo chế độ nhà nước. - chủ yếu cây nông nghiệp: cao su, dừa....
3)	Thành phần kinh tế người dân tộc	- làm nông
4)	Trình độ văn hóa dân tộc	- Trình độ học
5)	Số hộ nghèo	- 4,13 %
6)	Người dân tộc thiểu số được cấp đất đai	- Được cấp đất đai ở phân bổ
7)	Dân tộc nào là dân tộc	- Tự do, kết hôn ngoài địa phương - Họ: Mang là số, sau này do nhân xang họ người kinh - Trước đây mang họ, giờ là Kơlây. - xã Suối Ké là xã có dân tộc thiểu nhất trong số các xã. - cũng thấy ở xã này
8)	ANNT người dân tộc	

9)	Đặc sản xuất chủ yếu ai sở hữu?	- Một số người dân tộc cư ngụ lâu đời, kinh tế khá. - Đa phần là các doanh nghiệp, doanh nghiệp nhỏ nhất huyện.
10)	Sản phẩm thủ công chủ yếu	- Đũa kê, chày đục gỗ kê
11)	Thời tiết mà chạy như thế nào	- Trước đây mấy năm thì giữ phong tục của người dân tộc, giờ đây đã theo người kinh.
12)	Người dân tộc làm gì chủ yếu	- Đi cao mủ cao su thuê
13)	Xu hướng kinh doanh	- Vào Công Trình, Tô Tâm sản xuất mủ gỗ. - Có điểm thu mua bán mủ về cho Cty ở Sông Tâm, Rừng Đông - Khoảng mười mấy công ty cao su trên địa bàn xã. - Chủ yếu là người kinh ở tại Thôn 1
14)	Cráp nong đến hết NT Sông Giang là dân tộc nào?	Kết nghị: Công ty xem xét với chính sách giữ mủ thu mua tại xã Suối Lát thấp hơn địa bàn lân cận

Ngày 27 tháng 10 năm 2020

Người lập



Nguyễn Thanh Vũ

CÔNG TY TNHH NGỌC GIÀU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO – CẬP NHẬT HỆ THỐNG THẨM ĐỊNH	Mã số: ĐGRR – BM.07
	Lần ban hành: 01

Các yêu cầu của chương trình thẩm định tại:

1. Huyện Phú Riềng, huyện Hớn Quản, huyện Đồng Phú, huyện Bù Gia Mập, huyện Lộc Ninh, thị xã Phước Long, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.
2. Huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Những yêu cầu đặc biệt: Chương trình thẩm định của Công ty TNHH Ngọc Giàu được thực hiện việc đánh giá sự tuân thủ của các hạng mục về các rủi ro đáng kể về nguồn gốc và chuỗi cung ứng trong tiêu chuẩn PEFC ST 2002. Chương trình đánh giá được thực hiện cho các nông trường bao gồm:

STT	Nhà cung cấp	Địa điểm khai thác (ghi rõ xã, huyện)	Tỉnh
1	Các nông trường trực thuộc Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Long	Thị xã Bình Long, huyện Hớn Quản.	Bình Phước
2	Các nông trường trực thuộc Công ty TNHH MTV Cao Su Phú Riềng	Huyện Phú Riềng, huyện Bù Gia Mập, huyện Đồng Phú	Bình Phước
3	Các nông trường trực thuộc Công ty TNHH MTV Cao Su Lộc Ninh	Huyện Lộc Ninh, huyện Bù Gia Mập	Bình Phước
4	Các nông trường trực thuộc Công ty TNHH MTV Cao Su Dầu Tiếng	Huyện Dầu Tiếng	Bình Dương

I. Danh sách đoàn thẩm định

(Theo danh sách CoC)

II. Thời gian và phương pháp thẩm định

1. Thời gian: Tháng 09 năm 2021
2. Quá trình thực hiện:

A. Thu thập thông tin

- Lập danh sách các nông trường/nhà cung cấp với các thông tin về tên thương mại của nguyên liệu, tên thương mại và tên khoa học của loài cây, khu vực khai thác.

Nguyên liệu: gỗ cao su được thanh lý tại các nhà cung cấp

Tên thương mại: Gỗ tròn cao su

Tên khoa học: Hevea Brasiliensis

Khu vực khai thác: từ các nông trường của các nhà cung cấp

(xem chi tiết tại **Danh sách các nhà cung cấp và phiếu đánh giá nhà cung cấp**)

- Xác định phạm vi hiệu lực giấy chứng nhận quản lý rừng của các nhà cung cấp trên website: <http://PEFC.org>.
- Xác định tọa độ địa lý của khu rừng trồng bằng hệ thống bản đồ mapinfo, bản đồ địa chính, hàng rào (do quá trình thanh lý cây cao su cung cấp)
- Tiến hành đánh giá hiện trạng tại các nông trường.
- Sử dụng dữ liệu từ tham vấn các công ty cao su, tổ chức phi chính phủ và tổ chức thuộc chính phủ cơ quan thuộc tỉnh Bình Phước năm 2020.
- Tổng hợp các hồ sơ bằng chứng, phiếu phỏng vấn các bên liên quan và kết luận.

B. Đánh giá rủi ro

- Hiện nay, công ty TNHH Ngọc Giàu đang thu mua các nhà cung cấp là các nông trường trực thuộc của các công ty cao su thuộc tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam, đây là các nguồn nguyên liệu có chứng nhận VFCS/PEFC – FM.
- Công ty TNHH Ngọc Giàu phân loại 03 nguồn nguyên liệu đầu vào thành 02 nhóm “rủi ro không đáng kể” và “rủi ro đáng kể” như sau:

CÔNG TY TNHH NGỌC GIÀU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO – CẬP NHẬT HỆ THỐNG THẨM ĐỊNH	Mã số: ĐGRR – BM.07
	Lần ban hành: 01

- Nguồn nguyên liệu có chứng nhận VFCS/PEFC – nguồn rủi ro không đáng kể: cây cao su từ các nông trường trực thuộc của các công ty cao su Bình Long, Phú Riềng, Lộc Ninh và Dầu Tiếng.
- Nguồn nguyên liệu kiểm soát theo PEFC: cây cao su từ các công ty cao su Bình Long, Phú Riềng, Lộc Ninh và Dầu Tiếng.
- Nguồn thu mua tiểu điền: gỗ hợp pháp – nguyên liệu khác theo định nghĩa PEFC: không áp dụng đánh giá rủi ro.
- Công ty TNHH Ngọc Giàu đánh giá rủi ro ở cấp độ rủi ro nguồn gốc và rủi ro ở chuỗi cung ứng cho các nguồn nguyên liệu từ các nông trường đã có chứng nhận.
- Công ty TNHH Ngọc Giàu trong quá trình đánh giá rủi ro các chỉ số trong danh sách các “rủi ro đáng kể” và “rủi ro không đáng kể” đã tiến hành tham vấn các bên liên quan, hình thức tham vấn của công ty được thực hiện bằng 02 hình thức tham vấn trực tiếp và tham vấn gián tiếp, xem thêm: ***Danh sách và kết quả tham vấn các bên liên quan.***

I. Danh sách các chỉ số “rủi ro không đáng kể” ở cấp độ nguồn gốc và chuỗi cung ứng

Các chỉ số
a) Các nhà cung cấp được khai báo đã được chứng nhận về quản lý rừng hoặc chuỗi hành trình sản phẩm bởi một hệ thống chứng nhận khác (không phải do PEFC công nhận) và đã được tổ chức chứng nhận bên thứ ba công nhận. b) Các nguồn cung được xác minh bởi các tổ chức được cấp phép hoặc xác minh của chính phủ hoặc tổ chức phi chính phủ, ngoài các hệ thống chứng nhận rừng, đề cập đến các hoạt động nguồn gây tranh cãi.
c) Những nguồn cung cấp có đi kèm với những tài liệu xác minh mà có thể dễ dàng xác định i. Quốc gia khai thác và / hoặc khu vực địa phương nơi khai thác gỗ, trong đó Chỉ số nhận thức tham nhũng (CPI) của Tổ chức minh bạch quốc tế (TI) cao hơn 50, hoặc Chỉ số luật pháp (mức độ thực thi luật pháp) của WJP (dự án tư pháp thế giới) cao hơn 0,5 và ii. Tên thương mại và loại sản phẩm, tên thông thường của loài cây, và tên khoa học nếu có. iii. Tất cả các nhà cung cấp trong cùng một chuỗi cung ứng và iv. Khu vực nơi xuất xứ của nguồn cung cấp đó. v. Các chứng từ hoặc thỏa thuận hợp đồng tuân thủ những quy định liên quan tới các hoạt động được định nghĩa tại “nguồn gây tranh cãi”

II. Danh sách các chỉ số “rủi ro đáng kể” ở cấp độ nguồn gốc (không đánh giá)

III. Danh sách các chỉ số “rủi ro đáng kể” ở cấp độ chuỗi cung ứng (không đánh giá)

C. Quản lý rủi ro và các điểm quan ngại

Hiện tại, công ty TNHH Ngọc Giàu và các chi nhánh đang thu mua từ các nhà cung cấp là các nông trường trực thuộc của các công ty cao su Bình Long, Dầu Tiếng, Phú Riềng và Lộc Ninh. Đây là các nhà cung cấp đã có chứng nhận quản lý rừng Việt Nam theo PEFC VFCS/PEFC – FM và nguồn có kiểm soát PEFC (theo danh sách nhà cung cấp), công ty chỉ thực hiện kiểm tra hiệu lực chứng nhận trên website của PEFC. Đây được xem là nguồn rủi ro không đáng kể về nguồn gốc và chuỗi cung ứng, vì các nhà cung cấp này đều đã đánh giá rủi ro khu vực quản lý, có các biện pháp kiểm soát trong hoạt

động trồng, chăm sóc, khai thác thanh lý cây cao su, đội khai thác của công ty là người trực tiếp khai thác nên đây chỉ là chuỗi cung ứng cấp 1 và đều phải tuân thủ các quy định của các nhà cung cấp trong việc khai thác cây. Do đó, công ty không cần đánh giá rủi ro ở bảng 2 và bảng 3. Công ty TNHH Ngọc Giàu và các chi nhánh chỉ khai thác cây cao su từ các nông trường của các nhà cung cấp này, tuân thủ theo các quy định về nguồn gốc cây không vi phạm nguồn gốc nguyên liệu từ chính sách chuỗi hành trình sản phẩm PEFC và sổ tay CoC công ty đã cam kết (phụ lục 1 và sổ tay CoC). Ngoài ra khi thanh lý khai thác cây cao su, các nhà cung cấp đều cung cấp hồ sơ về nguồn gốc cây cho công ty, đây là quy định bắt buộc trong hoạt động thanh lý cây cao su được các công ty cao su trực thuộc tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam ban hành.

- Liên quan đến hoạt động khai thác tại các nhà cung cấp cao su này, công ty TNHH Ngọc Giàu tuân thủ quy định khai thác tác động thấp từ các công ty ban hành, ngoài ra công ty cũng kiểm soát việc khai thác và vận chuyển của công ty theo Quy trình khai thác tác động thấp mà công ty đã ban hành.

Stt	Các bước thực hiện	Trách nhiệm	Biểu mẫu
1	Hoạt động trước khai thác		
1.1	Kế hoạch thanh lý rừng hàng năm - Dựa vào kế hoạch khai thác 5 năm của các công ty cao su để xây dựng kế hoạch và chuẩn bị hồ sơ thầu khai thác hàng năm; - Điều tra, đánh giá trữ lượng rừng và lập bản đồ khu vực khai thác làm cơ sở cho lập hồ sơ thầu và kế hoạch năm;	- Giám Đốc chủ trì. - Phụ trách thu mua chuẩn bị hồ sơ thầu, chuẩn bị kế hoạch.	
1.2	Sau khi trúng thầu: - Nhận biên bản bàn giao lô thanh lý, nội dung biên bản gồm: tên lô, nông trường, diện tích, số cây, thời gian cưa cắt, dọn vệ sinh rừng sau khai thác; - Xác định vị trí lán trại; - Xác định đường vận xuất gỗ trên lô.	Giám Đốc phân công cho phụ trách chuyên môn, đội trưởng khai thác chuẩn bị các công việc.	Lưu biên bản bàn giao lô từ đơn vị thanh lý cung cấp.
1.3	Xây dựng các công việc khai thác - Giám Đốc sẽ phân công đội khai thác chuẩn bị khai thác và hướng dẫn thực hiện, gồm: + Vệ sinh nơi ở và lán trại tạm thời; + An toàn đối với người lao động; + An toàn đối với các thiết bị; + Phòng cháy chữa cháy.	Người được phân công	
1.4	- Đội trưởng đội khai thác hướng dẫn công nhân thực hiện: + Xây dựng lán trại được thiết kế ở những khu vực hợp lý, đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về vệ sinh và an toàn lao động; + Xác định đường vận xuất trên lô; + Xây dựng các công trình vượt dòng, công trình thoát nước (nếu có).	- Người được phân công;	
2	Hoạt động khai thác (Chặt hạ, vận xuất, bốc xếp trên bãi gỗ, vận chuyển) - Đội trưởng đội khai thác kiểm tra quá trình khai thác phải tuân thủ nghiêm ngặt các nội dung sau: + Kiểm tra an toàn lao động;	- Đội trưởng đội khai thác. - Đội khai thác	

	+ Các hoạt động: Chặt hạ; Vận xuất gỗ; Bốc xếp trên bãi gỗ; và vận chuyển gỗ phải tuân thủ theo đúng quy trình, phải có biển báo bảo hiệu khu khai thác, đảm bảo an toàn lao động và hạn chế ảnh hưởng tới môi trường xung quanh. - Các hoạt động khai thác phải được thực hiện theo KHKT, được giám sát bởi người (đơn vị, bộ phận) được phân công của công ty. - Kết quả thực hiện quy trình khai thác so với hồ sơ thiết kế, quyết định khai thác về địa danh, diện tích, sản lượng, đã hoàn thành so với chỉ tiêu thiết kế khai thác và định mức kỹ thuật; Số lượng, chất lượng sản phẩm tồn tại trong khai thác. - Kết quả giám sát, đánh giá từ các bên liên quan phải được thông báo ngay tới văn phòng công ty và báo cáo Giám Đốc công ty xem xét, có kế hoạch điều chỉnh kịp thời.		
3	Hoạt động sau khai thác + Xử lý hiện trường, bao gồm việc xử lý các cây đổ (nếu có); dọn rừng, xử lý dòng chảy; khu vực kho bãi, lán trại; xử lý bãi gỗ; và đường vận xuất, vận chuyển bị hư hại; + Xử lý môi trường (các chất thải từ lán trại, thiết bị và hiện trường khai thác).	- Đội trưởng đội khai thác - Công nhân đội khai thác thực hiện,	
4	Nghiệm thu - Kết quả thực hiện khai thác của đội khai thác sẽ được người bên công ty thanh lý nghiệm thu, đội trưởng đội khai thác báo cáo lại Giám Đốc công ty kết quả nghiệm thu.	- Đội trưởng đội khai thác. - Công ty thanh lý.	

Stt	Tên nhà cung cấp/Địa chỉ/Người liên lạc/Thông tin liên lạc	Loại hình nhà cung cấp	Cấp chuỗi cung ứng	Số chứng nhận PEFC hoặc các số chứng nhận khác (nếu có)
1	Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Long	chủ rừng	1	GFA-FM/COC-500466
2	Công ty TNHH MTV Cao Su Phú Riềng	chủ rừng	1	GFA-FM/COC-500464
3	Công ty TNHH MTV Cao Su Lộc Ninh	chủ rừng	1	GFA-FM/COC-500499
4	Công ty TNHH MTV Cao Su Dầu Tiếng	chủ rừng	1	GFA-FM/COC-500496

Ghi chú:

NTCN Nông trường chứng nhận

NKS Nguồn có kiểm soát

HP Hợp pháp

Ghi chú Nguồn hợp pháp có thể từ các hộ thu mua hoặc các nông trường khô

Cấp chuỗi cung ứng: tính theo số nguyên dương

cấp 1: Nông trường trực thuộc quản lý của công ty hoặc các hộ trồng rừng

cấp 2: Các hộ trồng rừng bán cho 1 đơn vị thu mua rồi bán lại cho công ty

cấp n: Các hộ trồng rừng bán qua n đơn vị thu mua rồi bán lại cho công ty.

DANH SÁCH CÁC NHÀ CUNG CẤP NGUYÊN LIỆU

Ngày cập nhật	Nguồn gốc gỗ			Vùng nguyên liệu			Loại nguy
	PEFC	CS	Hợp pháp				
				Diện tích	Xã/Huyện	Tỉnh	Tên thường
26/10/2021	x				Tx.Bình Long	Bình Phước	Gỗ cao su
26/10/2021	x	x			Phú Riềng	Bình Phước	Gỗ cao su
26/10/2021	x	x			Lộc Ninh	Bình Phước	Gỗ cao su
26/10/2021	x	x			Dầu Tiếng	Bình Dương	Gỗ cao su

ng đưa vào trong nguồn có kiểm soát

bán trực tiếp cho công ty

Tên liệu	Ghi chú
Tên khoa học loài cây	
Hevea Brasiliensis	
Hevea Brasiliensis	NT (CS): Thọ Sơn và Tuy Đức
Hevea Brasiliensis	NT (CS): 1 và 7
Hevea Brasiliensis	NT (CS)): An Lập, Bến Súc, Đoàn Văn Tiến

Binh Long Rubber Limited Company

QL 13, Phường Hưng Chiến
67000 Thị xã Bình Long, Tỉnh
Vietnam
Phone: [+84918933199](tel:+84918933199)
Email: blrc@binhlongrubber.vn
Website:

Certificate

Type of certification	Forest Management (FM) - Individual
Certificate number	GFA-FM/COC-500466
Sub certificate number	
Certification standard	Viet Nam Forest Certification System, 2020
Number of active members/sites	1
Certificate status	Valid
Site/member status	Active
End of validity	29.12.2024
Scope	Rubber round log and latex

Certification body

GFA Certification GmbH
Alter Teichweg 15
22081 Hamburg
Germany
Phone: [+494052474310](tel:+494052474310)
Email: info@gfa-cert.com
Website: <http://www.gfa-cert.com>

PEFC trademarks licence

Licence issued by	PEFC Council
Licence number	PEFC/01-22-63
Licence status	
Site/member status	Active

Phu Rieng Rubber Company Limited (PRC)

Phu Rieng Commune
67700 Phu Rieng Commune
Vietnam

Phone:

Email:

Website:

Certificate

Type of certification	Forest Management (FM) - Group
Certificate number	GFA-FM/COC-500464
Sub certificate number	
Certification standard	Viet Nam Forest Certification System, 2020
Number of active members/sites	7
Certificate status	Valid
Site/member status	Active
End of validity	29.12.2024
Scope	

Certification body

GFA Certification GmbH
Alter Teichweg 15
22081 Hamburg
Germany
Phone: +494052474310
Email: info@gfa-cert.com
Website: <http://www.gfa-cert.com>

PEFC trademarks licence

Licence issued by	PEFC Council
Licence number	PEFC/01-23-34
Licence status	
Site/member status	Active

Loc Ninh Rubber Company

Ninh Thuan Quarter
- Loc Ninh town, Loc Ninh district
Vietnam

Phone: +842713568381

Email: lrc@locninhrubber.vn

Website:

Certificate

Type of certification	Forest Management (FM) - Individual
Certificate number	GFA-FM/COC-500499
Sub certificate number	
Certification standard	Viet Nam Forest Certification System, 2020
Number of active members/sites	1
Certificate status	Valid
Site/member status	Active
End of validity	12.04.2026
Scope	

Certification body

GFA Certification GmbH

Alter Teichweg 15

22081 Hamburg

Germany

Phone: +494052474310

Email: info@gfa-cert.com

Website: <http://www.gfa-cert.com>

PEFC trademarks licence

Licence issued by	PEFC Council
Licence number	PEFC/01-23-67
Licence status	Valid
Site/member status	Active

Dau Tieng Rubber Corporation - Dau Tieng Townlet, Dau Tieng District

Block 2
820000 Dau Tieng Townlet, Dau Tieng District
Vietnam
Phone: [+842743561479](tel:+842743561479)
Email: vanphong@caosudautieng.com.vn
Website:

Certificate

Type of certification	Forest Management (FM) - Individual
Certificate number	GFA-FM/COC-500467
Sub certificate number	
Certification standard	Viet Nam Forest Certification System, 2020
Number of active members/sites	1
Certificate status	Valid
Site/member status	Active
End of validity	30.12.2024
Scope	Rubber round log and latex

Certification body

GFA Certification GmbH
Alter Teichweg 15
22081 Hamburg
Germany
Phone: [+494052474310](tel:+494052474310)
Email: info@gfa-cert.com
Website: <http://www.gfa-cert.com>

PEFC trademarks licence

Licence issued by	PEFC Council
Licence number	PEFC/01-23-33
Licence status	
Site/member status	Active

t, Binh Duong Province

CÔNG TY TNHH NGỌC GIÀU		PHIẾU ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP		Số : 01 Ngày : 20/10/2021 Trang:	
Tên Công ty bán hàng :		Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Long		VFCS/PEFC-FM X	
Thông tin về nguyên liệu :		Gỗ cao su 100% chứng nhận PEFC		CS-P I I I	
Tên thương mại :		Gỗ cao su			
Tên khoa học :		Hevea Brasiliensis			
Khối lượng :		300 Tấn			
ST T	Đề mục	Số	Số tờ	Kiểm tra	
1	Hợp đồng mua bán	12/HDMB		☐	
2	Invoice/Hoá đơn	0008001		☐	
3	Packing List / Log List			☐	
4	Bill of lading / Vận đơn	N/A		☐	
5	Bản sao Giấy phép khai thác lâm sản (do tổ chức có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp)	N/A		☐	
6	Certificate of Origin Giấy chứng nhận xuất xứ	N/A		☐	
7	Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu	N/A		☐	
8	Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu	N/A		☐	
9	Tờ khai nhập khẩu có ghi kết quả kiểm hóa của Hải quan cửa khẩu Việt Nam.	N/A		☐	
10	Biên bản kiểm tra của kiểm lâm Việt Nam	N/A		☐	
11	Xác nhận kiểm lâm (nếu có)			☐	
12	Giấy phép vận chuyển lâm sản (nếu có)			☐	
13	Chứng thư giám định (nếu có)			☐	
14	Biên bản nghiệm thu (nếu có)			☐	
15	Chứng thư VFCS/PEFC -FM	GFA-FM/COC-500466		☐	
16	Chứng thư PEFC - COC			☐	
17	Chứng thư PEFC – Trung gian			☐	
18	Biên lai thu thuế tài nguyên			☐	

Nguồn thông tin kiểm tra theo mục 7 và phụ lục 1 tiêu chuẩn PEFC-CoC

Stt	Hạng mục đánh giá	Kết luận
	A. Nguồn gốc	
1	gỗ khai thác bất hợp pháp	KHÔNG
2	gỗ khai thác từ khu vực có quyền dân sự hoặc truyền thống bị vi phạm	KHÔNG
3	gỗ khai thác từ k. vực rừng có giá trị bảo tồn cao đang bị đe dọa do hoạt động quản lý	KHÔNG
4	gỗ khai thác từ rừng tự nhiên chuyển sang rừng trồng hoặc mục đích khác ngoài rừng	KHÔNG
5	gỗ khai thác từ cây biến đổi di truyền, hoặc nằm trong danh mục CITES	KHÔNG
6	Đất nước chịu các lệnh trừng phạt của Liên Hợp Quốc, EU hoặc chính phủ quốc gia hạn chế xuất / nhập khẩu các sản phẩm từ rừng và gỗ.	KHÔNG
7	Những loài cây của các nguyên liệu/sản phẩm được coi như là những loài liên quan được đề cập trong phần định nghĩa “nguồn gốc tranh cãi”	KHÔNG
	B. Chuỗi cung ứng	
8	Các quốc gia / khu vực nơi các sản phẩm đã được giao dịch không xác định.	KHÔNG
9	Có bằng chứng về những hành động vi phạm pháp luật của bất cứ một công ty nào trong chuỗi cung cấp.	KHÔNG
10	Những loài trong sản phẩm chưa được xác định.	KHÔNG
	Đánh giá quyết định mua:	ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CÔNG TY TNHH NGỌC GIÀU		PHIẾU ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP		Số : 01 Ngày: Trang:	
Tên Công ty bán hàng. : Công ty TNHH MTV Cao Su Dầu Tiếng		VFCS/PEFC-FM		X	
Thông tin về nguyên liệu : Gỗ cao su 100% chứng nhận PEFC		CS-P		I	X
Tên thương mại : Gỗ cao su				I	
Tên khoa học : Hevea Brasiliensis					
Khối lượng : 300 Tấn					
ST T	Đề mục	Số	Số tờ	Kiểm tra	
1	Hợp đồng mua bán			☐	
2	Invoice/Hoá đơn			☐	
3	Packing List / Log List			☐	
4	Bill of lading / Vận đơn	N/A		☐	
5	Bản sao Giấy phép khai thác lâm sản (do tổ chức có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp)	N/A		☐	
6	Certificate of Origin Giấy chứng nhận xuất xứ	N/A		☐	
7	Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu	N/A		☐	
8	Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu	N/A		☐	
9	Tờ khai nhập khẩu có ghi kết quả kiểm hóa của Hải quan cửa khẩu Việt Nam.	N/A		☐	
10	Biên bản kiểm tra của kiểm lâm Việt Nam	N/A		☐	
11	Xác nhận kiểm lâm (nếu có)			☐	
12	Giấy phép vận chuyển lâm sản (nếu có)			☐	
13	Chứng thư giám định (nếu có)			☐	
14	Biên bản nghiệm thu (nếu có)			☐	
15	Chứng thư VFCS/PEFC -FM	GFA- FM/COC- 500467		☐	
16	Chứng thư PEFC - COC			☐	
17	Chứng thư PEFC – Trung gian			☐	
18	Biên lai thu thuế tài nguyên			☐	

Nguồn thông tin kiểm tra theo mục 7 và phụ lục 1 tiêu chuẩn PEFC-CoC

Stt	Hạng mục đánh giá	Kết luận
A. Nguồn gốc		
1	gỗ khai thác bất hợp pháp	KHÔNG
2	gỗ khai thác từ khu vực có quyền dân sự hoặc truyền thống bị vi phạm	KHÔNG
3	gỗ khai thác từ k. vực rừng có giá trị bảo tồn cao đang bị đe dọa do hoạt động quản lý	KHÔNG
4	gỗ khai thác từ rừng tự nhiên chuyển sang rừng trồng hoặc mục đích khác ngoài rừng	KHÔNG
5	gỗ khai thác từ cây biến đổi di truyền, hoặc nằm trong danh mục CITES	KHÔNG
6	Đất nước chịu các lệnh trừng phạt của Liên Hợp Quốc, EU hoặc chính phủ quốc gia hạn chế xuất / nhập khẩu các sản phẩm từ rừng và gỗ.	KHÔNG
7	Những loài cây của các nguyên liệu/sản phẩm được coi như là những loài liên quan được đề cập trong phần định nghĩa “nguồn gốc tranh cãi”	KHÔNG
B. Chuỗi cung ứng		
8	Các quốc gia / khu vực nơi các sản phẩm đã được giao dịch không xác định.	KHÔNG
9	Có bằng chứng về những hành động vi phạm pháp luật của bất cứ một công ty nào trong chuỗi cung cấp.	KHÔNG
10	Những loài trong sản phẩm chưa được xác định.	KHÔNG
Đánh giá quyết định mua:		ĐỦ ĐIỀU KIỆN

CÔNG TY TNHH NGỌC GIÀU		PHIẾU ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP		Số : 04	
				Ngày:	
				Trang:	
Tên Công ty bán hàng. : Công ty TNHH MTV Cao Su Lộc Ninh			VFCS/PEFC-FM		X
Thông tin về nguyên liệu : Gỗ cao su 100% chứng nhận PEFC			P-CS		I X
Tên thương mại : Gỗ cao su					II
Tên khoa học : Hevea Brasiliensis					
Khối lượng : 200 Tấn					
STT	Đề mục	Số	Số tờ	Kiểm tra	
1	Hợp đồng mua bán			☐	
2	Invoice/Hoá đơn			☐	
3	Packing List / Log List			☐	
4	Bill of lading / Vận đơn	N/A		☐	
5	Bản sao Giấy phép khai thác lâm sản (do tổ chức có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp)	N/A		☐	
6	Certificate of Origin Giấy chứng nhận xuất xứ	N/A		☐	
7	Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu	N/A		☐	
8	Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu	N/A		☐	
9	Tờ khai nhập khẩu có ghi kết quả kiểm hóa của Hải quan cửa khẩu Việt Nam.	N/A		☐	
10	Biên bản kiểm tra của kiểm lâm Việt Nam	N/A		☐	
11	Xác nhận kiểm lâm (nếu có)			☐	
12	Giấy phép vận chuyển lâm sản (nếu có)			☐	
13	Chứng thư giám định (nếu có)			☐	
14	Biên bản nghiệm thu (nếu có)			☐	
15	Chứng thư VFCS/PEFC -FM	GFA-FM/COC-500464		☐	
16	Chứng thư PEFC - COC			☐	
17	Chứng thư PEFC – Trung gian			☐	
18	Biên lai thu thuế tài nguyên			☐	
Trưởng bộ phận				Người kiểm tra	

CÔNG TY TNHH NGỌC GIÀU		PHIẾU ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP		Số : 02	
				Ngày :	
				Trang:	
Tên Công ty bán hàng. : Công ty TNHH MTV Cao Su Phú Riềng			VFCS/PEFC-FM	X	
Thông tin về nguyên liệu : Gỗ cao su 100% chứng nhận PEFC			P-CS	I	X
Tên thương mại : Gỗ cao su				II	
Tên khoa học : Hevea Brasiliensis					
Khối lượng : 200 Tấn					
STT	Đề mục	Số	Số tờ	Kiểm tra	
1	Hợp đồng mua bán	13/HDMB		☐	
2	Invoice/Hoá đơn	0007001		☐	
3	Packing List / Log List			☐	
4	Bill of lading / Vận đơn	N/A		☐	
5	Bản sao Giấy phép khai thác lâm sản (do tổ chức có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp)	N/A		☐	
6	Certificate of Origin Giấy chứng nhận xuất xứ	N/A		☐	
7	Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu	N/A		☐	
8	Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu	N/A		☐	
9	Tờ khai nhập khẩu có ghi kết quả kiểm hóa của Hải quan cửa khẩu Việt Nam.	N/A		☐	
10	Biên bản kiểm tra của kiểm lâm Việt Nam	N/A		☐	
11	Xác nhận kiểm lâm (nếu có)			☐	
12	Giấy phép vận chuyển lâm sản (nếu có)			☐	
13	Chứng thư giám định (nếu có)			☐	
14	Biên bản nghiệm thu (nếu có)			☐	
15	Chứng thư VFCS/PEFC -FM	GFA-FM/COC-500464		☐	
16	Chứng thư PEFC - COC			☐	
17	Chứng thư PEFC – Trung gian			☐	
18	Biên lai thu thuế tài nguyên			☐	

Nguồn thông tin kiểm tra theo mục 7 và phụ lục 1 tiêu chuẩn PEFC-CoC

Stt	Hạng mục đánh giá	Kết luận
	A. Nguồn gốc	
1	gỗ khai thác bất hợp pháp	KHÔNG
2	gỗ khai thác từ khu vực có quyền dân sự hoặc truyền thống bị vi phạm	KHÔNG
3	gỗ khai thác từ k. vực rừng có giá trị bảo tồn cao đang bị đe dọa do hoạt động quản lý	KHÔNG
4	gỗ khai thác từ rừng tự nhiên chuyển sang rừng trồng hoặc mục đích khác ngoài rừng	KHÔNG
5	gỗ khai thác từ cây biến đổi di truyền, hoặc nằm trong danh mục CITES	KHÔNG
6	Đất nước chịu các lệnh trừng phạt của Liên Hợp Quốc, EU hoặc chính phủ quốc gia hạn chế xuất / nhập khẩu các sản phẩm từ rừng và gỗ.	KHÔNG
7	Những loài cây của các nguyên liệu/sản phẩm được coi như là những loài liên quan được đề cập trong phần định nghĩa “nguồn gốc tranh cãi”	KHÔNG
	B. Chuỗi cung ứng	
8	Các quốc gia / khu vực nơi các sản phẩm đã được giao dịch không xác định.	KHÔNG
9	Có bằng chứng về những hành động vi phạm pháp luật của bất cứ một công ty nào trong chuỗi cung cấp.	KHÔNG
10	Những loài trong sản phẩm chưa được xác định.	KHÔNG
	Đánh giá quyết định mua:	ĐỦ ĐIỀU KIỆN